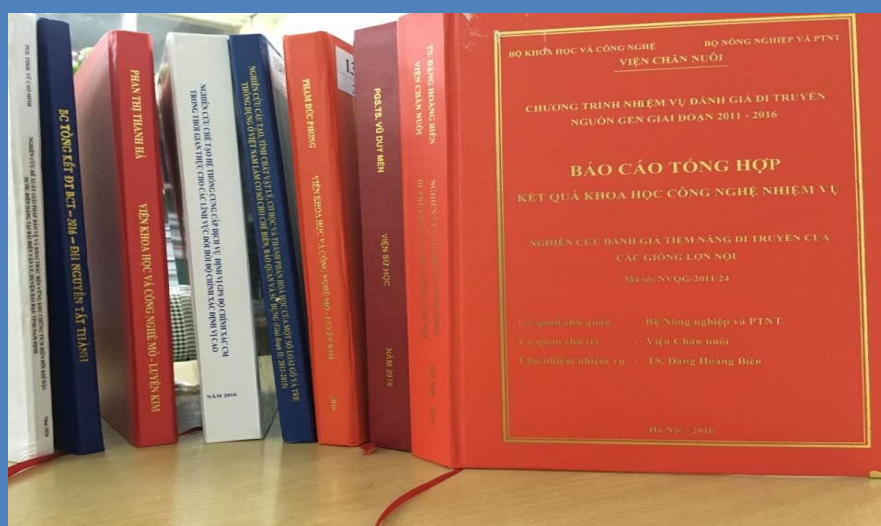


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 04 (2023)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 01 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban: THS. VŨ ANH TUẤN
Phó Trưởng ban: ThS. Võ Thị Thu Hà
Ủy viên thư ký: ThS. Nguyễn Thị Thưa
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu
CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	2
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	122

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 01 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 3934-9116- Fax: (024) 3934-9127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

①
②
③
④

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/** ThS. Lê Nguyên Bông, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hương - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

⑤
⑥
⑦
⑧
⑨

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ————⑩

Số hồ sơ lưu: 19779

①	Mã biểu ghi trong CSDL
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	9
10101. Toán học cơ bản	11
10199. Toán học và thống kê khác	12
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học	12
103.99 Khoa học vật lý khác.....	13
10401. Hoá hữu cơ	13
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)	13
10499. Khoa học hoá học khác	14
10508. Trắc địa học và bản đồ học	14
10509. Các khoa học môi trường.....	15
10511. Khí hậu học	15
10614. Sinh thái học.....	16
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	16
20102. Kỹ thuật xây dựng.....	17
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải	18
20105. Kỹ thuật thuỷ lợi	18
20201. Kỹ thuật điện và điện tử.....	20
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.....	22
20205. Viễn thông.....	25
20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác	26
20303. Chế tạo máy công cụ.....	27

20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông	28
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng	28
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân.....	29
20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác.....	29
20404. Kỹ thuật hoá vô cơ.....	30
20499. Kỹ thuật hóa học khác.....	30
20507. Vật liệu xây dựng.....	31
20509. Vật liệu kim loại.....	34
20510. Gốm.....	34
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)	35
20515. Vật liệu tiên tiến.....	37
20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác;	37
20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh.....	38
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật	38
20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt).....	38
20899. Công nghệ sinh học môi trường khác	39
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất).....	40
21101. Kỹ thuật thực phẩm.....	42
21102. Kỹ thuật đồ uống.....	43
21199. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống khác	44
3. Khoa học y, dược	44
30109. Bệnh học	45
30204. Hệ tim mạch.....	45
30206. Huyết học và truyền máu	46

30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật)	47
30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hoocmon)	48
30219. Tiêu hoá và gan mật học	48
30220. Niệu học và thận học.....	49
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư.....	50
30229. Y học bổ trợ và kết hợp.....	50
30231. Y học dân tộc; y học cổ truyền	51
30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..).....	51
30399. Các vấn đề y tế khác	52
30402. Dược học lâm sàng và điều trị	52
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc.....	53
30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc.....	55
30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen.....	56
399. Khoa học y, dược khác.....	57
4. Khoa học nông nghiệp.....	58
40101. Nông hoá.....	60
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm	61
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	67
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc	74
40199. Khoa học trồng trọt khác.....	76
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....	77
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi	77

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi	79
40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi.....	79
40299. Khoa học chăn nuôi khác	80
40399. Khoa học thú y khác	80
40403. Quản lý và bảo vệ rừng.....	81
40501. Sinh lý và dinh dưỡng thủy sản	81
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản	81
40503. Bệnh học thủy sản.....	82
40504. Nuôi trồng thủy sản.....	82
40599. Khoa học thủy sản khác	85
499. Khoa học nông nghiệp khác.....	85
5. Khoa học xã hội	92
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh	100
50202. Kinh doanh và quản lý	102
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác.....	106
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	109
50302. Giáo dục chuyên biệt	111
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác.....	111
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	113
50499. Xã hội học khác	114
50501. Luật học.....	115
50601. Khoa học chính trị.....	116
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	116
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá	120

6. Khoa học nhân văn.....	120
60103. Khảo cổ học và tiền sử.....	120
60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung	120
60405. Nghệ thuật dân gian	121
Phụ lục.....	122

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

74994.04-2023. Điều tra, đánh giá thực trạng ô nhiễm Asen trong nguồn nước ở một số vùng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và đề xuất giải pháp công nghệ xử lý/ Trần Tuấn Việt, ThS. Phạm Hồng Tuân; TS. Phạm Hồng Nhật; ThS. Huỳnh Tường Vy; ThS. Ngô Văn Thanh Huy; ThS. Nguyễn Phú Bảo; ThS. Nguyễn Thị Nhạn; KS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; CN. Trần Thị Hiền. - Thành Phố Hồ Chí Minh - Viện Nhiệt đới Môi trường, 2019; 08/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá thực trạng về ô nhiễm Asen trong nguồn nước sinh hoạt ở một số vùng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; đề xuất lựa chọn các giải pháp công nghệ phù hợp để xử lý Asen phục vụ cấp nước sinh hoạt. Điều tra, khảo sát hiện trạng ô nhiễm Asen trong nguồn nước tại các địa phương; Đánh giá mức độ ô nhiễm và những ảnh hưởng đến môi trường, con người do ô nhiễm Asen trong nguồn nước sinh hoạt và đề xuất các giải pháp quản lý nhằm hạn chế các tác động đến môi trường và người dân địa phương; Đề xuất công nghệ xử lý Asen trong nước phù hợp với điều kiện địa phương; Lắp đặt hệ thống xử lý tại địa phương có nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm Asen; Đề xuất công nghệ và giải pháp xử lý Asen trong nước cấp sinh hoạt phù hợp với các quy mô khác nhau ở địa phương.

Số hồ sơ lưu: 05

75520.04-2023. Nghiên cứu đề xuất ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ trong việc tái sử dụng tro xỉ nhà máy Công ty nhôm Đắk Nông phục vụ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông/ TS. Vũ Bá Thao, ThS. Phạm Văn Minh; GS.TS. Nguyễn Quốc Dũng; ThS. Phan Việt Dũng; ThS. Nguyễn Huy Vượng; ThS. Đinh Văn Thức; ThS. Trần Văn Quang; ThS. Đặng Thành Luân; TS. Nguyễn Quang Bình; TS. Nhữ Việt Hà - Hà Nội - Viện Thủy công, 2019; 06/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Việc triển khai nghiên cứu sử dụng tro xỉ trong xây dựng và sửa chữa các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, một tỉnh còn rất nhiều khó khăn tại vùng Tây Nguyên, không những mang giá trị khoa học mà còn mang ý nghĩa chính trị rất lớn, góp phần cải thiện đời sống sinh hoạt, đi lại cho bà con dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên. Đề xuất và ứng dụng được các giải pháp khoa học công nghệ trong việc tái sử dụng tro xỉ nhà máy Công ty nhôm Đắk Nông phục vụ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông phục vụ phát triển bền vững và giảm thiểu tác hại môi trường; Xây dựng 01 mô hình đường giao thông thực nghiệm. Nghiên cứu đánh giá tính chất xây dựng của nguồn tro xỉ, và một số loại đất đặc trưng trên địa

bàn tỉnh Đắk Nông; Nghiên cứu giải pháp sử dụng hợp lý nguồn Tro xỉ để gia cố đất làm nền đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghiên cứu giải pháp sử dụng bê tông Tro xỉ làm mặt đường GTNT; Xây dựng mô hình thực nghiệm đường GTNT bằng bê tông Tro xỉ; Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở thi công và nghiệm thu, và đơn giá định mức của đường bê tông GTNT sử dụng tro xỉ nhà máy Công ty Nhôm Đắk Nông 4.

Số hồ sơ lưu: 07/2019

79352.04-2023. **Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống hồ tiêu (*Piper nigrum* L.) sạch bệnh/** CN.Nguyễn Thị Mai, ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngọc; ThS. Trần Thị Hoàng Anh; ThS. Đào Thị Lan Hoa; TS. Nguyễn Xuân Hòa; CN. Trương Văn Tân; ThS. Chu Thị Phương Loan; KS. Nguyễn Thị Thu Thủy - Đắk Lắk - Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên, 2020; 12/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bên cạnh bệnh chết nhanh và chết chậm được xem là hai loại bệnh rất nguy hiểm trên cây hồ tiêu, bệnh virus hay còn gọi là bệnh tiêu điên cũng là một trong những mối nguy cơ đe dọa đến sản xuất hồ tiêu ở Việt Nam nói chung và tỉnh Đắk Nông nói riêng. Phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy đỉnh sinh trưởng, là một trong những phương pháp được nhiều nước trên thế giới áp dụng để nhân giống cây hồ tiêu. **Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất**

giống hồ tiêu (*Piper nigrum* L.) sạch bệnh được tiến hành sẽ là luận cứ khoa học cho việc xây dựng quy trình nhân giống hồ tiêu sạch bệnh bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào, sản xuất được cây giống chất lượng tốt, sạch bệnh để cung cấp cho nông dân, doanh nghiệp trồng hồ tiêu trong thời gian tới góp phần sản xuất hồ tiêu bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông nói riêng và Việt Nam nói chung.

Số hồ sơ lưu: 03/2020

85922.04-2023. **Thử nghiệm nuôi cá tra bần (*Pangasius kunyit*) trong ao đất tại huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau./** Ks. Nguyễn Ngọc Vui, Ths. Trần Thúy Duy; Ks. Trần Minh Nhiều - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đầm Dơi - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đầm Dơi, 2022; 11/2020 - 02/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sản xuất thử nghiệm và hoàn thiện kỹ thuật nuôi cá tra bần trong ao đất theo điều kiện thực tế tại huyện Đầm Dơi, nhằm làm tiền đề về khoa học và thực tiễn để khuyến khích phát triển nghề nuôi cá tra bần tại Cà Mau; tận dụng diện tích ao nuôi tôm thâm canh kém hiệu quả bỏ trống, luân canh đối tượng nuôi mới nhằm cải thiện môi trường, mang lại hiệu quả, góp phần đa dạng hóa đối tượng nuôi thủy sản, nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế - xã hội.

Số hồ sơ lưu: CMU-2022-008

85927.04-2023. **Ứng dụng hệ thống biogas xử lý chất thải xi -**

phông của ao nuôi tôm siêu thâm canh tại Cà Mau/ Ths. Đoàn Hữu Nghị, Ks. Ngô Văn Phúc; Ths. Tiêu Hoàng Pho; Ks. Nguyễn Quốc Thới; Ks. Nguyễn Hoàng Nam - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Cà Mau - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học công nghệ tỉnh Cà Mau, 2021; 12/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Thiết kế, thi công lắp đặt và vận hành hệ thống biogas bằng vật liệu HDPE để xử lý chất thải hữu cơ xi - phông của ao nuôi tôm STC. Xác định hiệu suất xử lý, hiệu quả và khả năng ứng dụng hệ thống biogas để xử lý chất thải của ao nuôi tôm STC tại Cà Mau, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, theo mục tiêu xây dựng nông thôn mới và định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh Cà Mau.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-017

85929.04-2023. Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong bối cảnh đổi mới giáo dục/ Ts. Lê Hoàng Dự, Ths. Nguyễn Quốc Thê; Ths. Phạm Hoàng Gan; Ths. Võ Thanh Liêm; Cn. Dương Thu Nguyệt; Cn. Đoàn Văn Lạc; Cn. Nguyễn Diễm Phúc - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau - , 2022; 06/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng các giải pháp và lựa chọn giải pháp tối ưu nhất đảm bảo nâng cao chất lượng GD của các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Cà

Mau trong bối cảnh đổi mới GD. Khảo sát và đánh giá thực trạng về hoạt động GD ở các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng GD ở các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong bối cảnh đổi mới GD; Đề xuất lựa chọn các giải pháp nâng cao chất lượng GD của các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong bối cảnh đổi mới GD.

Số hồ sơ lưu: CMU-2022-010

10101. Toán học cơ bản

85727.04-2023. Một số phương pháp chiếu hiệu quả giải bài toán bất đẳng thức biến phân với kỹ thuật quán tính/ TS. Dương Việt Thông, GS. TSKH. Phạm Kỳ Anh; TS. Phan Tử Vượng; TS. Vũ Tiến Dũng - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2022; 04/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu những thuật toán mới và cải tiến những kỹ thuật toán đã có để thu được các thuật toán hiệu quả giải một vài lớp bài toán bất đẳng thức biến phân. Xây dựng các chương trình máy tính để thử nghiệm thuật toán nghiên cứu được và để giải một vài mô hình thực tế. Áp dụng các thuật toán thu được vào một số mô hình thực tế trong kinh tế và xử lý ảnh. Đề xuất các thuật toán chiếu hiệu quả với các giả thiết giảm nhẹ hơn đặt lên toán tử và đề xuất các thuật toán chiếu hiệu quả với các cỡ bước lặp mới để giải phóng hằng số Lipschitz của ánh xạ liên kết với bất đẳng thức biến phân.

Số hồ sơ lưu: 21156

10199. Toán học và thống kê khác

85497.04-2023. **Nghiên cứu giải thuật lượng tử và phép đo lượng tử sử dụng các nền tảng tính toán lượng tử đám mây/** TS. Nguyễn Quốc Hưng, TS. Nguyễn Trần Thuật; TS. Lê Bin Hồ; TS. Nguyễn Văn Duy; Nguyễn Thị Hoa - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 04/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nội dung nghiên cứu được triển khai thành công và đạt được 03 sản phẩm theo như thuyết minh ban đầu chuyên môn chung của nhóm nghiên cứu. Ngoại trừ nội dung 01 liên quan đến sự phát triển thông qua các hoạt động khoa học và seminar, cả 04 nội dung nghiên cứu còn lại đều thu được các kết quả nghiên cứu tốt với sản phẩm cụ thể. Đặc biệt, hướng nghiên cứu số 02 về phép đo lượng tử có sản phẩm là 02 bài báo ISI và 01 phần mềm. báo Cần chú ý bài ISI số 2 đã xuất bản trên tạp chí Quantum Information Processing thuộc danh mục ISI Q2 ở thời điểm gửi đăng. Tuy nhiên đến năm nay tạp chí xuống hạng thành Q3. Hướng nghiên cứu 01 có sản phẩm là 01 bài báo đang phản biện ở giai đoạn cuối và 01 phần mềm. Hướng nghiên cứu 03 có sản phẩm là 01 bài báo đang phản biện và 01 bản thảo đang hoàn thiện. Các sản phẩm này được trình bày cụ thể trong phần phụ lục.

Số hồ sơ lưu: 21067

85527.04-2023. **Mật độ, xác suất đuôi và các xấp xỉ xác suất sử dụng phương pháp Malliavin-Stein và ứng dụng/** PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng, TS. Trần Mạnh Cường; TS. Tạ Công Sơn; TS. Phạm Đình Tùng; ThS. Nguyễn Văn Tân - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sử dụng phương pháp Stein-Malliavin để nghiên cứu hàm mật độ, xác suất đuôi và các định lý xấp xỉ xác suất. Các mục tiêu chính đã nêu là: Nhận được các ước lượng tổng quát mới cho mật độ và xác suất đuôi của các biến ngẫu nhiên khả vi Malliavin. Áp dụng các ước lượng mới đó và các kết quả lý thuyết đã nhận được trong đề tài trước đó nghiên cứu mật độ và xác suất đuôi cho các phương trình ngẫu nhiên, các phiếm hàm ngẫu nhiên, các bài toán trong lý thuyết cực trị,...vv.Nghiên cứu các định lý xấp xỉ xác suất (tức là các định lý giới hạn với ước lượng hiện cho sai số Berry-Esseen) cho các phiếm hàm Gauss, Poisson, Rademacher và phiếm hàm của các biến ngẫu nhiên độc lập.

Số hồ sơ lưu: 21077

10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học

85521.04-2023. **Kích thích tập thể trong cấu trúc lớp/** TS. Nguyễn Văn Mện, GS.TS. Nguyễn Quốc Khánh; ThS. Đồng Thị Kim Phụng - An Giang - Trường đại học An Giang, 2022; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phổ kích thích plasmon và hệ số tắt dần trong các lớp đôi 2DEG/MLGG, MLG-BLG, BLG-BLG, 2DEG-BLG có xét đến sự khác nhau của hằng số điện môi của các lớp tiếp xúc, hiệu ứng nhiệt độ, bề rộng vùng cấm và một số hiệu ứng khác. Nghiên cứu kích thích plasmon trong một số cấu trúc nhiều thành phần có thể kể đến sự không đồng nhất của môi trường và hiệu ứng nhiệt độ.

Số hồ sơ lưu: 21073

103.99 Khoa học vật lý khác

85522.04-2023. **Ảnh hưởng của hiệu ứng kích thước hữu hạn lên tính chất tĩnh của hệ ngưng tụ Bose-Einstein/** PGS.TS. Nguyễn Văn Thụ, TS. Đặng Thanh Hải; TS. Phạm Thế Song; TS. Lương Thị Thêu; ThS. Nguyễn Thị Thắm; TS. Hoàng Văn Quyết - Hà Nội - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, 2022; 12/2018 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu lực căng mặt ngoài và lực Casimir dưới ảnh hưởng của hiệu ứng kích thước hữu hạn. Bên cạnh đó, đề tài đặt mục tiêu là tính toán trong gần đúng hai vòng và gần đúng IHF. Trên cơ sở đó có thể kiểm nghiệm lại những kết quả đã có ở gần đúng một vòng so với thực nghiệm. Quan trọng hơn nữa là đề tài nghiên cứu hệ trong cả thống kê chính tắc lớn (GCE) và thống kê chính tắc (CE).

Số hồ sơ lưu: 21074

10401. Hoá hữu cơ

85716.04-2023. **Nghiên cứu tổng hợp, đặc trưng và ứng dụng xúc tác quang hoá hoạt tính cao dưới vùng ánh sáng nhìn thấy trên cơ sở bismuth vanadate/** TS. Nguyễn Duy Trinh, TS. Bùi Thị Phương Quỳnh; PGS.TS. Bạch Long Giang; TS. Đỗ Trung Sỹ; ThS. Nguyễn Thị Thương; ThS. Trần Văn Thuận; ThS. Nguyễn Hữu Vinh - Hà Nội - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2022; 08/2018 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng hợp BiVO₄ với độ tinh thể cao bằng phương pháp đồng kết tủa. Đồng thời nghiên cứu tổng hợp BiVO₄ bằng phương pháp thủy nhiệt và đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ, thời gian thủy nhiệt và pH của hỗn hợp dung dịch đến sự hình thành tinh thể và cấu trúc của BiVO₄. Tính toán biến tính BiVO₄ bằng phương pháp thủy nhiệt và nghiên cứu tổng hợp BiVO₄ bằng phương pháp dung nhiệt. Từ đó, nghiên cứu tổng hợp hệ xúc tác chuyển tiếp dị thể p-n bằng phương pháp thủy nhiệt và khả năng xúc tác quang hóa của BiVO₄ trong phân hủy các hợp chất màu hữu cơ.

Số hồ sơ lưu: 21154

10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)

85951.04-2023. **Khảo sát khả năng giảm lượng xúc tác kim loại quý Pt trên vật liệu nền nano không carbon Ti_{0.9}Ir_{0.1}O₂ ứng dụng cho pin nhiên liệu sử dụng trực tiếp alcohol/** NCS.ThS. Phạm

Quốc Hậu, - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu này đã tổng hợp vật liệu nền cấu trúc nano $Ti_{0.9}Ir_{0.1}O_2$ và vật liệu xúc tác Pt/ $Ti_{0.9}Ir_{0.1}O_2$ với việc giảm lượng xúc tác Pt sử dụng khắc phục hạn chế của vật liệu nền carbon và giảm giá thành của vật liệu xúc tác truyền thống đang được sử dụng trong pin nhiên liệu sử dụng trực tiếp alcohol hiện nay. Sự tổng hợp thành công các vật liệu xúc tác Pt/ $Ti_{0.9}Ir_{0.1}O_2$ với tỉ lệ Pt thấp hơn so với xúc tác truyền thống 20 %kl Pt/C sẽ khuyến khích các định hướng nghiên cứu về khả năng giảm lượng xúc tác Pt quý giá trên các vật liệu M-doped TiO_2 khác để ứng dụng trong các lĩnh vực khác nhau.

Số hồ sơ lưu: HCM-155-2022

10499. Khoa học hoá học khác

86182.04-2023. **Nghiên cứu sản xuất chất chữa cháy dạng foam trên cơ sở gốc Alcohol/ ThS.** Lý Mạnh Quân, ThS. Trịnh Duy Đức; TS. Lê Xuân Lương; TS. Trần Quang Sáng; TS. Vũ Ngọc Doãn; ThS. Dương Văn Năm; KS. Nguyễn Anh Đức; ThS. Nguyễn Xuân Toàn; ThS. Vũ Văn Hiếu; ThS. Phan Xuân Trang; ThS. Lại Văn Cường - Hà Nội - Viện Hóa học Môi trường quân sự, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về đặc điểm, tính chất của các đám cháy, các phương pháp chữa cháy; các chất chữa cháy dạng bọt và phương tiện sử dụng.

Phân tích, thử nghiệm đánh giá một số chất chữa cháy dạng bọt nhập ngoại và trong nước. Nghiên cứu phương pháp điều chế, lựa chọn các hợp chất dùng để sản xuất chất chữa cháy dạng bọt trên cơ sở alcohol. Nghiên cứu sản xuất và xây dựng quy trình điều chế chất chữa cháy dạng bọt với công suất (dự kiến): 10-15 kg/m². Phân tích, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm đề tài theo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định trong các tiêu chuẩn hiện hành. Thử nghiệm đánh giá khả năng chữa cháy của sản phẩm đề tài trên bình chữa cháy dạng bọt của mô-tô chữa cháy.

Số hồ sơ lưu: HNI- 2021-59/ĐK-TTTT&TK

10508. Trắc địa học và bản đồ học

85858.04-2023. **Nghiên cứu hệ phương pháp điều tra khoáng sản dưới lớp phủ basalt khu vực Tây Nguyên - Nam Trung Bộ/ ThS.** Nguyễn Mai Phúc Lợi, CN. Võ Minh Kha; CN. Trần Duân; KS. Nông Quốc Khánh; CN. Nguyễn Hùng Cường; KS. Nguyễn Văn Lưu; KS. Đinh Văn Tùng; KS. Nguyễn Lương Thiện; KS. Đỗ Ngọc Chuân; CN. Phạm Văn Hường - TP. Hồ Chí Minh - Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Nam, 2022; 07/2018 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan điều tra khoáng sản dưới lớp phủ basalt. Nghiên cứu thành lập bản đồ cấu trúc địa chất dưới lớp phủ basalt khu vực nghiên cứu. Nghiên cứu tổng quan các hệ phương pháp điều tra khoáng sản dưới lớp phủ basalt trên thế giới và khả năng áp dụng ở Tây Nguyên -

Nam Trung Bộ. Áp dụng thử nghiệm tại vùng thuộc đề án “Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 nhóm tờ Ia Meur”. Xây dựng dự thảo Quy trình kỹ thuật công tác điều tra khoáng sản dưới lớp phủ basalt khu vực Tây Nguyên-Nam Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 21204

10509. Các khoa học môi trường

85909.04-2023. **Xây dựng bộ tiêu chí, hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý lập địa bán ngập phục vụ cho trồng rừng ở tỉnh Bình Phước/ TS. Lê Công Chính, - Bình Phước - Viện Thủy lợi và Môi trường, 2021; 06/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xác định tiêu chí lập địa bán ngập phù hợp với các mô hình rừng trồng bán ngập ở tỉnh Bình Phước. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lập địa bán ngập trên địa bàn Bình Phước nghiên cứu thực trạng và tiềm năng của lập địa bán ngập trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Đề xuất hệ thống các giải pháp quản lý, sử dụng và khai thác lập địa bán ngập trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Số hồ sơ lưu: BPC-006-2022

10511. Khí hậu học

74077.04-2023. **Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo hạn hán tỉnh Đắk Nông/ KS. Tạ Đăng Hoàn; KS. Trần Quang Hào; TS. Ngô Tiên Giang; TS. Doãn Hà Phong; CN. Nguyễn Văn Minh; KS. Hoàng Việt Long; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; KS. Phan Huy Đông; CN. Trần Tiến Đạt; CN. Vũ Anh**

Tuân. - Tỉnh Gia Lai - Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Nguyên, 2019; 10/2016 - 02/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, lựa chọn và xác định các chỉ tiêu hạn hán phù hợp cho phép đánh giá thực tế hạn hán xảy ra tại tỉnh Đắk Nông; Xây dựng bộ bản đồ nguy cơ hạn hán (tỷ lệ 1/50.000) chi tiết đến cấp huyện; Xác định thời gian giám sát, thời gian cảnh báo hạn hán phù hợp với các điều kiện địa phương để sớm có biện pháp chủ động ứng phó; Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo sớm tình trạng hạn hán chi tiết đến từng huyện, từng khu vực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

85902.04-2023. **Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến biến động diện tích và cơ cấu sử dụng đất, tiềm năng phát triển kinh tế xã hội, tiềm năng khai thác các loại tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước/ TS. Lê Hoài Nam, ThS. Trần Tuấn Hoàng; PGS. TS Hà Quang Hải; ThS. Lê Hồng Dương; ThS. Nguyễn Vũ Luân; ThS. Đặng Thị Ngọc Thủy; ThS. Kiều Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Nhung; CN. Phạm Hữu Mên; CN. Khru Thiện Minh - Bình Phước - Trung tâm Tư vấn Kỹ thuật và Môi trường, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Căn cứ chuỗi số liệu về điều kiện tự nhiên của tỉnh Bình Phước tiến hành lựa chọn kịch bản BĐKH theo hướng dẫn của Bộ TN&MT (cập nhật năm 2016). Sử dụng phương pháp chi tiết hóa động lực để

dự báo những tác động của BĐKH lên các yếu tố tự nhiên, KTXH của tỉnh Bình Phước, cụ thể là các yếu tố biến động diện tích và CCSĐĐ, tiềm năng phát triển KTXH, tiềm năng khai thác các loại tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Đánh giá tính dễ bị tổn thương (TDBTT) của các yếu tố biến động diện tích và CCSĐĐ, tiềm năng phát triển KTXH, tiềm năng khai thác các loại tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước; đồng thời đánh giá khả năng thích ứng của các nhóm cộng đồng địa phương liên quan đến yếu tố này trước những tác động của BĐKH. Đề xuất các giải pháp đề phòng và thích ứng với BĐKH đối với các đối tượng đánh giá cũng như nhóm cộng đồng địa phương có liên quan.

Số hồ sơ lưu: BPC-002-2022

10614. Sinh thái học

85966.04-2023. **Phân lập, chọn lọc chủng vi khuẩn quang dưỡng có khả năng làm giảm mặn và thử nghiệm ứng dụng trong nông nghiệp/** ThS. Ngô Đức Duy, TS. Nguyễn Hoàng Dũng; ThS. Lê Quỳnh Loan; ThS. Võ Minh Sơn; TS. Hoàng Quốc Khánh; ThS. Trần Trung Kiên; Ks. Nguyễn Xuân Cường; ThS. Võ Minh Sơn; ThS. Phạm Minh Nhựt; ThS. Huỳnh Thị Diệp; CN. Phạm Anh Vũ - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Sinh học Nhiệt đới, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân lập, chọn lọc 2-3 chủng vi khuẩn quang dưỡng có khả năng hấp thu 20-40% Sodium (Na⁺) theo nồng độ 100/00 và 200/00 NaCl.

Thử nghiệm khả năng giảm mặn của các chủng phân lập ở qui mô bể 200lit. Thử nghiệm ứng dụng trong nông nghiệp với diện tích khoảng 1.000m². Từ đó chọn lọc các chủng vi sinh vật có khả năng giảm mặn nhằm tạo ra các chế phẩm vi sinh ứng dụng trong xử lý giảm mặn nông nghiệp và thích ứng với điều kiện biên đổi khí hậu do xâm nhiễm mặn.

Số hồ sơ lưu: HCM-127-2022

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

79353.04-2023. **Xây dựng mô hình sấy thịt bò khô tầm gia vị thương phẩm tại huyện Đắc R'Lấp tỉnh Đắc Nông/** KS. Nguyễn Cầu; KS. Nguyễn Thị Sâm; CN. Mai Văn Long; CN. Trần Quang Đức; CN. Lê Hiếu; CN. Lương Thị Vân Anh; KS. Nguyễn Hữu Nam. - Đắc Nông - Hội Nông dân tỉnh Đắc Nông, 2020; 10/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình sấy thịt bò khô tầm gia vị thương phẩm tại huyện Đắc R'Lấp tỉnh Đắc Nông được tiến hành nhằm chuyển giao quy trình sấy thịt bò khô tầm gia vị, giúp cho hội viên nông dân trên địa bàn tỉnh đa dạng hóa sản phẩm, tăng thu nhập cải thiện đời sống

Số hồ sơ lưu: 02/2020

83810.04-2023. **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất Đông trùng hạ thảo thương phẩm (*Cordyceps militaris*) tại thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Nông/**KS. Thái Thanh Tâm; KS. Phan Hữu Lệ; KS. Nguyễn Hữu

Nam; ThS. Hồ Gấm; ThS. Lương Thị Vân Anh; CN. Marona Camly; CN. Dương Thị Thu Sang; CN. Lê Hiếu; CN. Nguyễn Thị Ngọc Huyền; TS. Hoàng Ngọc Cương; CN. Hoàng Thị Anh Tú - Đăk Nông - Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ Nông dân, 2021; 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tiếp nhận và làm chủ quy trình công nghệ sản xuất Đông trùng hạ thảo; Xây dựng mô hình sản xuất 1.200 hộp Đông trùng hạ thảo thương phẩm. Chuyển giao lý thuyết về quy trình kỹ thuật; Thiết kế, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong quy trình sản xuất; mô hình sản xuất thử 1.200 hộp Đông trùng hạ thảo

Số hồ sơ lưu: 01/2021

85344.04-2023. **Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật bảo quản bơ sau thu hoạch/** ThS. Nguyễn Mạnh Hiếu, Ths. Phạm Thị Thanh Tĩnh; ThS. Nguyễn Thị Tú Quỳnh; KS. Lê Thị Hiền; KS. Đỗ Thu Trang; KS. Vũ Ngọc Dũng; ThS. Tạ Phương Thảo; ThS. Vũ Đức Hưng; KS. Cù Thị Hằng; KS. Trần Văn Khoa - Đăk Nông - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2022; (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Quả bơ có giá trị kinh tế cao nhưng cũng là một trong những loại trái cây có tính thời vụ và rất dễ bị suy giảm chất lượng dẫn đến thối hỏng nếu không được bảo quản đúng cách sau thu hoạch. Hoàn thiện quy trình công nghệ bảo quản bơ sau thu hoạch; Ứng dụng và chuyển giao công nghệ kéo dài thời gian bảo

quản bơ sau thu hoạch tại tỉnh Đăk Nông. Nội dung nghiên cứu của đề tài: Kết quả phân tích hiện trạng sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ và đánh giá tổn thất sau thu hoạch quả bơ ở Đăk Nông; Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ bảo quản bơ trồng tại Đăk Nông; Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ xử lý chín quả bơ trồng tại Đăk Nông bằng khí Ethylene ngoại sinh; Xây dựng mô hình sơ chế, bảo quản bơ tại tỉnh Đăk Nông.

Số hồ sơ lưu: 02/02022

20102. Kỹ thuật xây dựng

85854.04-2023. **Nghiên cứu chế tạo block bê tông polymer siêu nhẹ, ứng dụng cho kết cấu vách ngăn lắp ghép trong công trình nhà cao tầng/** TS. Tổng Tôn Kiên, ThS. Lưu Văn Sáng; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Phát; TS. Nguyễn Tiến Dũng; TS. Nguyễn Ngọc Lâm; ThS. Vũ Phương Lê; ThS. Phạm Thị Vinh Lan; ThS. Nguyễn Tuấn Minh; TS. Lê Mạnh Cường; ThS. Cao Thị Hương - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2021; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu và sử dụng phế thải nhiệt điện, xỉ lò cao để sản xuất bê tông geopolimer và gạch nhẹ không nung trên thế giới và ở Việt Nam. Nghiên cứu cơ sở lý thuyết chế tạo bê tông geopolimer và gạch geopolimer nhẹ từ phế thải tro bay nhiệt điện - xỉ lò cao hạt hóa nghiên cứu mịn. Nghiên cứu thiết kế thành phần cấp phối vật liệu bê tông geopolimer nhẹ và đề xuất công nghệ sản xuất. Đánh giá hiệu quả

kinh tế - kỹ thuật - môi trường và hướng dẫn sử dụng sản phẩm block bê tông geopolymer nhẹ.

Số hồ sơ lưu: 21203

85910.04-2023. **Nghiên cứu sử dụng xỉ thép làm vật liệu san lấp, đắp nền trong xây dựng/** ThS. Tạ Văn Luân, ThS. Lê Việt Hùng; ThS. Khổng Thị Giang; KS. Vũ Văn Linh; ThS. Phan Văn Quỳnh; KS. Phạm Hữu Thiên; CN. Phạm Phương Nam; KS. Nguyễn Thị Mai; TS. Mai Văn Thanh; KS. Đỗ Văn Khánh - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập, tổng hợp tài liệu, báo cáo tổng quan tình hình nghiên cứu, sử dụng xỉ thép làm vật liệu san lấp, đắp nền trong xây dựng tại Việt Nam và trên thế giới. Tổng quan các quy định, tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật về đặc tính kỹ thuật và môi trường khi sử dụng xỉ thép làm vật liệu san lấp, đắp nền trong xây dựng. Khảo sát, lấy mẫu tại các cơ sở sản xuất thép, các đơn vị xử lý xỉ thép. Đánh giá quy trình thu gom, xử lý xỉ thép tại Việt Nam. Nghiên cứu đánh giá các tính chất môi trường của các mẫu xỉ thép. Nghiên cứu đánh giá các tính chất cơ lý hóa của các mẫu xỉ thép. Thử nghiệm hiện trường. Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật “Xỉ thép làm vật liệu san lấp, đắp nền trong xây dựng”. Nghiên cứu xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật “Sử dụng xỉ thép làm vật liệu san lấp, đắp nền trong xây dựng”.

Số hồ sơ lưu: 21241

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

85764.04-2023. **Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp về phân pha và thiết lập các thông số của đèn tín hiệu điều khiển nhằm nâng cao năng lực thông hành và giảm thiểu nguy cơ ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông ở Hà Nội/** ThS. Lê Văn Thanh, TS. Đào Huy Hoàng; TS. Đỗ Duy Đình; PGS.TS. Vũ Hoài Nam; ThS. Giang Công Sang; ThS. Phạm Sỹ Doanh; ThS. Phạm Minh Tâm; KS. Nguyễn Văn Hợi - Hà Nội - Tổng cục Đường bộ Việt Nam, 2021; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng về tình hình giao thông, tổ chức giao thông, độ chậm trễ của dòng xe, việc triển khai áp dụng hệ thống đèn tín hiệu giao thông thông minh trên địa bàn thành phố Hà Nội; Tính toán độ chậm trễ của dòng xe không đồng nhất, đề xuất một số giải pháp để phân pha và thiết lập các thông số của đèn tín hiệu điều khiển; đề xuất mô hình đèn tín hiệu giao thông thông minh nhằm nâng cao năng lực thông hành và giảm thiểu nguy cơ ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 21162

20105. Kỹ thuật thủy lợi

85874.04-2023. **Nghiên cứu tính toán áp lực dòng chảy lên công trình cầu chịu ảnh hưởng của lũ lụt do biến đổi khí hậu/** TS. Nguyễn Hữu Thuận, ThS. Lê Hà Linh; NCS. Nguyễn Mạnh Hải; TS. Dương Thế Anh; ThS. Cao Thị Mai Lan; KS. Nguyễn Tất Nam; ThS.

Trần Văn Thanh; TS. Hồ Xuân Nam; ThS. Phạm Quốc Đạt; KS. Hoàng Đình Trường - Hà Nội - Tổng cục Đường bộ Việt Nam, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích so sánh các phương pháp tính toán áp lực dòng chảy lên KCN cầu vượt sông theo một số tiêu chuẩn thiết kế hiện hành ở Việt Nam và trên thế giới. Đề xuất và xây dựng mô hình tính toán mới cho áp lực dòng chảy lên kết cấu nhịp cầu (Phương pháp Thủy động lực học hạt mịn-SPH (Smoothed Particles hydrodynamics)). Áp dụng tính toán áp lực dòng chảy theo các phương pháp khác nhau: tiêu chuẩn thiết kế của một số nước trên thế giới; phương pháp mô phỏng số SPH. Phân tích, so sánh, đánh giá giữa các phương pháp tính toán khác nhau. Phân tích ứng xử cơ học của KCN cầu dưới tác dụng của áp lực dòng chảy với các tổ hợp tải trọng như tĩnh tải, hoạt tải, cây trôi tắc nghẽn. Đề xuất các giải pháp cấu tạo, thiết kế để giảm thiểu tác động của áp lực dòng chảy lên KCN cầu chịu lũ, lụt.

Số hồ sơ lưu: 21222

85986.04-2023. **Điều tra khảo sát và đánh giá thiệt hại do ngập lụt đến kinh tế - xã hội; xây dựng bản đồ thiệt hại do ngập lụt phục vụ công tác chống ngập, quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.**/ ThS. Nguyễn Việt Hưng, TS Bùi Việt Hưng; TS Phan Anh Tuấn; ThS Nguyễn Minh Giám; KS Đặng Xuân Dũng; ThS Trịnh Thị Minh Châu; ThS Trần Huỳnh Thảo; Ths Trần Nhật

Nguyên; ThS Trần Thành Công; ThS Đặng Quang Thanh - Tp. Hồ Chí Minh - Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ, 2021; 08/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá những tác động và thiệt hại, rủi ro ngập ảnh hưởng đến kinh tế, con người và môi trường của người dân trong khu vực đô thị thành phố. Nghiên cứu này sẽ giúp chúng ta có cái nhìn chi tiết và rõ ràng về hiện trạng ngập và những ảnh hưởng, thiệt hại do ngập lụt gây ra, là cơ sở để đề xuất những giải pháp giảm ngập, những yêu cầu cần giải quyết để phục vụ phát triển kinh tế-xã hội gắn liền với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, việc thực hiện nghiên cứu là cơ sở nghiên cứu để các nhà quản lý đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp với tình hình ngập lụt hiện nay, góp phần đánh giá chức năng của các công trình chống ngập đã và đang được thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu của đề tài này rất hữu dụng và cần thiết cho công tác đầu tư xây dựng các công trình chống ngập, cho công tác điều hành hệ thống công trình chống ngập (hay cho hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông), cho công tác quy hoạch đô thị ở mức độ phù hợp, có hiệu quả (kinh phí, giải pháp thiết kế...) và có tính đến yếu tố rủi ro của thiên tai – dựa trên các kịch bản ngập lụt và thiệt hại do ngập lụt đô thị.

Số hồ sơ lưu: HCM-137-2022

85987.04-2023. **Nghiên cứu đề xuất biện pháp công trình thủy lợi thích ứng với biến động về dòng chảy đến số lượng và chất lượng nước tại các lưu vực sông dưới tác động của biến đổi khí hậu/** PGS.TS. Lương Văn Thanh, ThS. Quách Đình Hùng; KS. Hà Thị Xuyên; ThS. Đỗ Hoài Nam; ThS. Nguyễn Trường Thọ; ThS. Lê Thị Vân Linh; ThS. Lương Văn Khanh; CN. Nguyễn Thị Thanh Thảo; ThS. Hoàng Đức Cường; ThS. Bùi Văn Hùng - Tp. Hồ Chí Minh - Viện kỹ thuật biển, 2022; 07/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, tổng hợp và phân tích tài liệu, dữ liệu: đặc điểm công trình thủy lợi, công trình chống ngập, kinh tế - xã hội, môi trường. Đánh giá thực trạng và tác động của BĐKH đến các công trình thủy lợi trên các lưu vực sông trên địa bàn thành phố. Đo đạc, khảo sát ngoài hiện trường như đo đạc thủy văn dòng chảy và chất lượng môi trường nước. Lập mô hình mô phỏng chế độ thủy văn, thủy lực và chất lượng nước dưới những tác động của BĐKH đến các công trình thủy lợi và giải pháp công trình thủy lợi. Đánh giá tác động của BĐKH đến các công trình thủy lợi trên các lưu vực sông, Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp công trình thủy lợi nhằm thích ứng với những biến động về nguồn nước (số lượng và chất lượng) dưới tác động về BĐKH trên các lưu vực sông.

Số hồ sơ lưu: HCM-138-2022

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

85773.04-2023. **Chế tạo cảm biến tia cực tím linh hoạt và trong suốt dựa trên phương pháp tổng hợp dung dịch/** TS. Trần Việt Cường, TS. Vũ Bảo Khánh; TS. Nguyễn Hoàng Hưng; TS. Đinh Đức Anh; ThS. Đoàn Tuấn Anh; CN. Trần Trung Tín - Hà Nội - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo điện cực dẫn linh hoạt và trong suốt. Thiết kế và chế tạo lớp hoạt tính linh hoạt và trong suốt với cấu trúc nano để điều chỉnh vùng cấm. Phát triển và tối ưu hóa quy trình để tổng hợp tất cả thành phần này bằng phương pháp dung dịch ổn định. Tích hợp điện cực FT và lớp hoạt tính FT vào thiết bị trên các loại vật liệu nền mềm. Kết hợp các thành phần này lên vật liệu nền mềm để tạo ra một thiết bị có khả năng phát hiện vùng UV thay đổi từ 200 đến 400nm với độ nhạy, tính ổn định và độ chọn lọc cao (3S).

Số hồ sơ lưu: 21168

85775.04-2023. **Nghiên cứu chế tạo và khảo sát tính chất của một số tổ hợp đa pha sắt trên cơ sở vật liệu oxides từ và điện/** PGS. TS. Phạm Đức Thắng, TS. Nguyễn Thị Minh Hồng; TS. Lê Việt Cường; TS. Lưu Văn Thiêm; TS. Phan Thế Long; ThS. Nguyễn Thị Dung; ThS. Nguyễn Thanh Tùng - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo một số vật liệu điện có cấu trúc perovskite và từ có cấu trúc spinel và hexaferrite kiểu M dạng hạt, khối cấu trúc nano và dạng tổ hợp (lõi - vỏ) bằng các phương pháp hóa học. Khảo sát một số tính chất về hình thái học, cấu trúc tinh thể, cấu trúc điện tử của các ion và tính chất điện, từ của các vật liệu sau chế tạo, giải thích sự thay đổi tính chất trên cơ sở tương tác giữa các pha điện và từ.

Số hồ sơ lưu: 21172

85991.04-2023. **Hoàn thiện công nghệ và chế tạo thiết bị tự động lắp – vặn đầu xoắn E27 cho bóng đèn LED.**/ Lê Xuân Nghiêm, - Tp. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang, 2022; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hiện nay, các vấn đề tự động hoá đã được triển khai rộng rãi trong sản xuất, Điện Quang cũng đã nhập 1 dây chuyền sản xuất bóng đèn LED tự động hoàn chỉnh nhưng giá thành đắt lên tới hàng triệu USD. Bên cạnh đó tại Điện Quang vẫn còn một số dây chuyền/ thiết bị sản xuất thủ công, bán tự động trước đây, năng suất sản xuất không cao, đôi khi vấn đề chất lượng vẫn xảy ra trong sản xuất dù đã được phát hiện và ngăn chặn kịp thời. Sản xuất thủ công cho năng suất thấp, không đáp ứng đầu ra của chuyền tự động gắn chip và tạo bóng thuỷ tinh + bọc vỏ nhựa. Ngoài ra, việc vặn tay sẽ làm chất lượng sản phẩm không đều, vặn không đủ chặt sẽ làm đầu đèn lỏng lẻo, tiếp điện không tốt. Ngược lại, khi vặn bằng tay quá chặt có thể làm

rạn nứt thuỷ tinh vỏ đèn. Chính vì vậy, việc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và đưa vào ứng dụng thiết bị lắp-vặn đầu đèn có tính cấp thiết cho Điện Quang. Ngoài ra, sản phẩm có thể được ứng dụng cho các cơ sở sản xuất bóng đèn LED khác.

Số hồ sơ lưu: HCM-140-2022

86001.04-2023. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo ống nhôm hỗn hợp ngày đêm theo nguyên lý ảnh nhiệt dùng cho lực lượng đặc nhiệm**/ ThS. Hoàng Anh Tú, TS. Phạm Sơn Lâm; TS. Trần Quốc Tuấn; TS. Hoàng Văn Phòng; ThS. Lê Văn Đại; ThS. Lê Ngọc Cường; ThS. Phạm Thanh Quang; ThS. Lê Văn Hoàng - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Vật lý Kỹ thuật/ Viện Khoa học, 2021; 12/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở phân tích nhu cầu thực tiễn của đơn vị và tìm hiểu khả năng ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nước nhằm từng bước tạo ra sản phẩm chất lượng cao trang bị cho các đơn vị Quân đội, nhóm nghiên cứu đã tiến hành xây dựng đề tài cấp Sở KH-TPHCM đề tài: “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo ống nhôm hỗn hợp ngày đêm theo nguyên lý ảnh nhiệt dùng cho lực lượng đặc nhiệm”, với mục đích chế tạo ra 02 ống nhôm hỗn hợp ngày đêm trong nước trang bị cho lực lượng bộ binh, đặc nhiệm trong Bộ Tư Lệnh TPHCM/QK7 nhằm nâng cao khả năng quan sát, phát hiện mục tiêu trong mọi điều kiện thời tiết phục vụ nhiệm vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu.

Số hồ sơ lưu: HCM-146-2022

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v.) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

85707.04-2023. **Nghiên cứu định hướng xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn phục vụ chuyển đổi số của Việt Nam/** ThS. Đinh Quang Trung, ThS. Nguyễn Anh Tuấn Đinh Hải Đăng; Trần Thị Minh Phương; Nguyễn Thị Thu Phương; Nguyễn Quang Tỏa; Phan Trung Kiên; Phạm Thị Diệu Thúy; Nguyễn Thị Thanh - Hà Nội - Vụ Khoa học và Công nghệ, 2021; 02/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu xây dựng tiêu chuẩn phục vụ chuyển đổi số của Việt Nam. Tìm hiểu tình hình tiêu chuẩn hóa phục vụ chuyển đổi số của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế và một số quốc gia. Qua đó, đề xuất định hướng xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn phục vụ chuyển đổi số của Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 21146

85719.04-2023. **Xây dựng hệ thống điều khiển qua mạng (networked control system) duy trì ổn định cân bằng vị trí chính xác cho mô hình giàn khoan tự nâng/** PGS. TS. Đặng Xuân Kiên, CN. Trần Mai Hương; ThS. Thái Văn Nông; ThS. Trần Tiến Đạt; ThS. Đỗ Việt Dũng; ThS. Phạm Minh Châu; CN. Nguyễn Thị Lan Anh; CN. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Phạm Thị Duyên Anh; ThS. Phan Thanh Minh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học

Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 01/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng, phân tích cấu trúc và phương trình động lực học của giàn khoan, xây dựng mô hình vật lý trên máy tính. Xây dựng mô hình kiểm nghiệm bằng mô phỏng. Đồng thời, xây dựng các giải thuật điều khiển ổn định trong mạng các đối tượng điều khiển (Networked control system), các giải thuật điều khiển cho hệ thống trên nền MATLAB, lập trình điều khiển và thử nghiệm trên mô hình giàn khoan. Tính toán lựa chọn cấu hình, thiết kế, xây dựng hệ thống điều khiển qua mạng (networked control system) duy trì ổn định cân bằng vị trí chính xác cho mô hình JuR và viết phần mềm tích hợp hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 21151

85771.04-2023. **Nghiên cứu xây dựng giải pháp và phần mềm giám sát, cảnh báo sự cố hệ thống thư điện tử Bộ Thông tin và Truyền thông/** ThS. Ngô Quang Huy, KS. Võ Quốc Trường; KS. Vũ Bình Minh; ThS. Đinh Trung Dũng; KS. Đỗ Thế Hùng; KS. Nguyễn Minh Tài; KS. Lưu Hữu Hoàng; KS. Bùi Danh Tuyên; TS. Lã Hoàng Trung; Phan Chính Mơ; Vương Thu Hạnh; Phạm Thiện Duy; KS. Nguyễn Trường Giang - Hà Nội - Trung tâm Thông tin, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tình hình chung về các bất cập của hệ thống thư điện tử; Khảo sát, phân tích sự cần thiết và vai trò công tác giám sát, cảnh báo

hoạt động cho các hệ thống thư điện tử của cơ quan nhà nước; Nghiên cứu các thư rác và các biện pháp phòng chống thư rác; Xây dựng phương pháp phát hiện một số sự cố của hệ thống thư điện tử, cơ chế bảo mật cho phần mềm giám sát và cảnh báo hoạt động của hệ thống thư điện tử; Xây dựng quy trình và cơ chế quản lý, xử lý cảnh báo sự cố hệ thống giám sát thư điện tử; Thiết kế xây dựng và tích hợp phần mềm giám sát và cảnh báo hoạt động gửi nhận thư điện tử.

Số hồ sơ lưu: 21166

85824.04-2023. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và thử nghiệm bộ điều khiển thích nghi mạng nơ ron cho công trực sử dụng trong các nhà máy đóng tàu/ TS.** Phạm Văn Triệu, TS. Lưu Quang Hiệu; TS. Đặng Thanh Tùng; ThS. Hoàng Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Văn Bách; ThS. Lê Đình Nghiêm; ThS. Nguyễn Văn Ngọc; ThS. Bùi Quang Thuật; ThS. Phạm Hoàng Nghĩa; ThS. Đinh Vương Quý - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2022; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Điều khiển chính xác giá con lăn mang tải tới vị trí mong muốn với độ chính xác cao. Nâng hoặc hạ tải từ vị trí ban đầu đến vị trí mong muốn với độ chính xác cao. Giữ góc lắc tải nhỏ trong suốt quá trình vận chuyển. Tăng tốc độ làm việc của công trực, góp phần nâng cao năng suất làm việc tại các nhà máy đóng tàu.

Số hồ sơ lưu: 21188

85916.04-2023. **Chế tạo cảm biến điện hóa và thiết bị phân tích methanol trong đồ uống có cồn và nhiên liệu xăng/ GS.TS.** Trần Đại Lâm, Trần Đại Lâm; Phạm Thị Năm; Lê Viết Hải; Huỳnh Lê Thanh; Huỳnh Lê Thanh Nguyên; Vũ Thị Thu; Đinh Thị Mai Thanh; Nguyễn Thị Thu Trang; Nguyễn Thị Thơm; Võ Thị Kiều Anh; Nguyễn Trung Huy; Nguyễn Long Giang; Ngô Mạnh Tiến - TP. Hồ Chí Minh - Viện kỹ thuật nhiệt đới, 2021; 12/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình và chế tạo thành công điện cực in SPE trên đế bản mạch in SPE với các đặc trưng hình thái, cấu trúc và hoạt tính điện hóa tốt. Xây dựng quy trình và chế tạo thành công điện cực cảm biến trên điện cực nền SPE phủ composite PANI-CNTs, PANI-Graphene và mang xúc tác CuO hoặc NiO có hoạt tính và độ chọn lọc cao đối với khả năng phân tích phát hiện methanol trong môi trường nước sử dụng nền NaOH 0,1M. Thử nghiệm và xây dựng được các đặc trưng của cảm biến (vùng tuyến tính, độ nhạy, giới hạn phát hiện, thời gian đáp ứng) cho mỗi hệ điện cực. Xây dựng thành công quy trình phân tích và phân tích đối chứng hoạt động của cảm biến với phương pháp GC/MS cho các mẫu xăng A95 và rượu chưng cất bằng phương pháp thêm mẫu. Phân tích mẫu thực và đánh giá hoạt động của cảm biến, xây dựng quy trình phân tích và bộ tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị.

Số hồ sơ lưu: HCM-162-2022

85944.04-2023. **Hoàn thiện thiết kế và chế tạo buồng phun dịch khử khuẩn đa năng/** Tổng Nhựt Phương, Dương Văn Tú; Trịnh Hoài Nam; Lê Thanh Long; Nguyễn Thành Hội; Lê Hoàng Nguyên Chương - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề có thể bao quát toàn bộ cơ thể người sử dụng cũng như không gian trong buồng, dung dịch được chuyển thành dạng hơi siêu nhỏ nhờ vào hệ thống phun siêu âm với đường kính hạt từ khoảng 10 nm, các lỗ phun sương được bố trí hai bên vách và trên trần của buồng phun. Thời gian khử khuẩn để lấp đầy thể tích buồng là 20 giây kể từ khi người sử dụng bước vào, sau đó 10 giây là thời gian đảm bảo việc phun khử khuẩn hiệu quả. Lưu lượng để đảm bảo quá trình này là khoảng 0,08 m³/s. Buồng khử khuẩn cần được trang bị các bánh xe để thuận tiện trong việc di chuyển. Các bộ phận của buồng có khả năng tháo lắp, nhằm linh động trong việc thay thế và sửa chữa cũng như công tác vệ sinh. Nhằm hạn chế ít nhất sự can thiệp và tiếp xúc của con người, buồng phải trang bị hệ thống cảm biến quang học nhằm nhận biết khi có người bước vào, từ đó tự động vận hành quá trình khử khuẩn.

Số hồ sơ lưu: HCM-158-2022

85963.04-2023. **Nghiên cứu phát triển công cụ hỗ trợ triển khai ứng dụng trên hệ thống máy tính mạnh & xử lý dữ liệu lớn**

(HPDA giai đoạn I)/ PGS. TS. Thoại Nam, Nguyễn Quang Hùng; Phạm Trần Vũ; Lê Thành Sách; Nguyễn Mạnh Thìn; Bùi Xuân Giang; Chung Thành Minh; Phạm Trung Kiên; Trần Ngọc Anh Tú; Nguyễn Lê Duy Lai - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2020; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo môi trường thuận lợi cho người dùng khi tiếp cận và triển khai ứng dụng trên hệ thống SuperNode-XP thông qua một cổng giao tiếp; Quản lý tài khoản, thư viện tiện ích và dữ liệu của người dùng trên môi trường máy thực và máy ảo; Phân bổ tài nguyên tự động/bán tự động nhằm đơn giản hoá việc quản lý và hướng đến hiệu quả sử dụng hệ thống cao hơn;. Hỗ trợ người dùng sử dụng được card gia tốc tính toán mạnh Xeon Phi, GPU trên SuperNode-XP.

Số hồ sơ lưu: HCM-125-2022

85964.04-2023. **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị IoT Gateway tích hợp giải pháp bảo mật trên nền tảng IoT ứng dụng thí điểm quan trắc chất lượng không khí tại Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh/** TS. Trịnh Xuân Thắng, PGS.TS Nguyễn Hiếu Minh; KS. Nguyễn Tuấn Khoa; ThS. Nguyễn Duy Phương; ThS. Đặng Hùng Việt; ThS. Nguyễn Xuân Sơn; KS. Lê Vũ Thành Long; ThS. Đào Thanh Mai; ThS. Trịnh Viết Quang; ThS. Hoàng Kim Thông - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm

nghiên cứu triển khai khu công nghệ cao, 2021; 12/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo các thiết bị IoT Gateway, IoT Node và phần cứng mã hóa ứng dụng thử nghiệm quan trắc chất lượng không khí tại khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh; Xây dựng nền tảng phần mềm (các phần mềm ứng dụng, dịch vụ đám mây) phục vụ lưu trữ, xử lý dữ liệu thu thập từ các thiết bị IoT; Giảm chi phí vận hành (không sử dụng mạng 3G/4G) của hệ thống sử dụng nền tảng IoT được phát triển; Giải quyết bài toán thu thập dữ liệu môi trường bằng phương pháp quan trắc di động trong phạm vi của khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh; Triển khai lắp đặt thử nghiệm trong khu công nghệ cao nhằm thu thập dữ liệu quan trắc môi trường với các chỉ số (SO₂; NO₂; PM_{2,5}; PM₁₀) và thử nghiệm thu thập dữ liệu hình ảnh.

Số hồ sơ lưu: HCM-126-2022

86006.04-2023. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo kính ngắm ảnh nhiệt tích hợp đo xa laser dùng chung cho súng AKn và SVD./** ThS. Lê Văn Đại, TS. Phạm Sơn Lâm; TS. Trần Quốc Tuấn; TS. Hoàng Văn Phòng ; ThS. Hoàng Anh Tú; ThS. Lê Văn Dũng; ThS. Phạm Thanh Quang; ThS. Hoàng Anh Đức; ThS. Nguyễn Chí Công - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Vật lý Kỹ thuật/Viện KH&CN Quân sự, 2021; 06/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở phân tích nhu cầu thực tiễn của đơn vị và tìm hiểu khả năng ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nước nhằm từng bước tạo ra sản phẩm chất lượng cao trang bị cho các đơn vị Quân đội, nhóm nghiên cứu đã tiến hành xây dựng đề tài cấp Sở KH-TPHCM đề tài: “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo kính ngắm ảnh nhiệt tích hợp đo xa laser dùng chung cho súng AKn và SVD”, với mục đích chế tạo ra 02 kính ngắm ảnh nhiệt tích hợp đo xa laser trong nước trang bị cho Quân khu 7 và Bộ Tư Lệnh TPHCM/QK7 nhằm phát huy khả năng chiến đấu của bộ đội trong mọi điều kiện thời tiết phục vụ nhiệm vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu.

Số hồ sơ lưu: HCM-150-2022

20205. Viễn thông

85885.04-2023. **Nghiên cứu, thiết kế và xây dựng hệ thống truyền thông radio số đồng nhất 03 cấp phục vụ đổi mới công nghệ thông tin, truyền thông tại tỉnh Đắk Lắk và khu vực Tây Nguyên/** TS. Nguyễn Quốc Uy, PGS.TS. Nguyễn Tiến Ban; TS. Vũ Tuấn Lâm; TS. Ngô Đức Thiện; TS. Nguyễn Việt Hưng; TS. Nguyễn Trung Hiếu; CN. Đặng Quốc Huy; ThS. Nguyễn Công Thành; ThS. Đặng Phi Hồng; ThS. Trần Vũ Hải - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021; 03/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế và xây dựng hệ thống truyền thông radio số đồng nhất 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) phục vụ phổ biến kiến thức thông tin kinh tế, văn

hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và các thông tin khẩn cấp của tỉnh Đắk Lắk và khu vực Tây Nguyên, đảm bảo an toàn thông tin và tính dự phòng hệ thống trong trường hợp khẩn cấp. Triển khai thử nghiệm hệ thống truyền thông radio số tại một số địa phương tại tỉnh Đắk Lắk có hiệu quả truyền thông cao, chi phí vận hành giảm đáng kể so với hệ thống truyền thông hiện hành.

Số hồ sơ lưu: 21221

20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác

78983.04-2023. **Xây dựng mô hình thử nghiệm hệ thống chiếu sáng thông minh tại một số trường học trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** KS. Tăng Đức Tiến, Tăng Đức Tiến ; Vũ Như Lý; Vũ Văn Tân; Tiêu Huy Bình; Nguyễn Thị Vân; Bùi Quang Sĩ; Vũ Hồng Khiêm; Lê Văn Hiệu - Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ và Khảo nghiệm giống – Trung tâm ứng dụng khoa học, công nghệ và khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương, 2020; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Khảo sát, đánh giá thực trạng chiếu sáng học đường trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Xây dựng mô hình thử nghiệm hệ thống chiếu sáng thông minh đảm bảo tiêu chuẩn chiếu sáng tại các phòng học. Đề xuất các giải pháp về chiếu sáng học đường đảm bảo chiếu sáng và tiết kiệm năng lượng cho các trường học trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 12HD.2020

85457.04-2023. **Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ Khoa học và Công nghệ cập nhật phiên bản 2.0/** PGS. TS. Hà Quốc Trung, KS. Hà Thị Phương Thảo; ThS. Mai Thanh Huyền; ThS. Chu Văn Quang; KS. Nguyễn Quốc Việt; KS. Nguyễn Khánh Linh; CN. Vũ Ngọc Ly; CN. Nguyễn Thị Việt Nga; CN. Nguyễn Tiến Trung; ThS. Lê Thị Loan - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 08/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng các mô hình thành phần Kiến trúc CPĐT Bộ KH&CN phù hợp với khung Kiến trúc CPĐT Việt Nam, phiên bản 2.0 nhằm mục đích xây dựng Kiến trúc CPĐT tại Bộ KH&CN, cập nhật phiên bản 2.0. Đảm bảo các kiến trúc thành phần sự phù hợp và đồng bộ với khung Kiến trúc CPĐT Việt Nam phiên bản 2.0; Hình thành và triển khai áp dụng hiệu quả, chặt chẽ, đồng bộ các mô hình hệ thống Kiến trúc CPĐT từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực KH&CN;

Số hồ sơ lưu: 21055

85636.04-2023. **Nhân rộng điểm thông tin Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới tại xã phường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình./** KS. An Mạnh Cường, KS. An Mạnh Cường; KS. Đặng Tiến Trình; CN. Trần Quốc Tuấn; ThS. Bùi Đức An; CN. Hoàng Văn Dương; KS. Bùi Mai Anh; CN. Bùi Thị Phương; ThS. Trần Đình Thắng - Hòa Bình - Trung tâm Ứng dụng

Thông tin KH,CN tỉnh Hòa Bình, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nhân rộng các mô hình điểm thông tin - truyền thông khoa học công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới tại một số xã phường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Mở 11 lớp tập huấn truyền thông, hướng dẫn sử dụng, khai thác thông tin truyền thông khoa học và công nghệ; Thu thập, bổ sung cơ sở dữ liệu vào hệ thống nhằm nâng cao năng lực phục vụ tra cứu; Thu thập ý kiến người sử dụng, nâng cấp, sửa lỗi chương trình phần mềm khai thác thông tin để đáp ứng tốt trên các thiết bị di động cầm tay.

Số hồ sơ lưu: ĐTT_HB

85985.04-2023. **Xây dựng framework chuyển đổi dữ liệu cho hệ thống tích hợp dữ liệu/** TS. Lê Hồng Trang, PGS.TS. Đặng Trần Khánh; ThS. Trương Quỳnh Chi; TS. Phan Trọng Nhân; ThS. Lê Thị Kim Tuyến; NCS. ThS. Nguyễn Thị Ái Thảo; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; NCS. ThS. Đặng Trần Trí; ThS. Mai Đức Trung; TS. Lê Hồng Trang; HVCH. Nguyễn Bình Long; HVCH. Tạ Mạnh Huy; HVCH. Trần Quân; HVCH. Dương Thị Anh Thư; HVCH. Lâm Thanh Hiền; HVCH. Trần Thị Kim Khánh; HVCH. Hồ Đức Dân - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2021; 07/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu trình bày những nội dung đã tìm hiểu, các kiến thức về các nguồn dữ liệu liên quan tới ứng dụng thành phố thông minh, các đặc tính của chúng và các ứng dụng liên quan tới thành phố thông minh hiện có, các mô hình dữ liệu và định dạng dữ liệu. Tìm hiểu các công trình nghiên cứu liên quan trong lĩnh vực tích hợp dữ liệu, chuyển đổi dữ liệu, các nghiên cứu đã thực hiện một số biện pháp để thực hiện quy trình chuyển đổi dữ liệu. Nghiên cứu cũng đã tìm hiểu phân tích các điểm mạnh, điểm yếu của các nghiên cứu đã kể trên. Từ những kiến thức thu được về đặc trưng của các nguồn dữ liệu và các kiến thức liên quan trong lĩnh vực chuyển đổi dữ liệu, đề xuất framework cũng như các bước thực hiện của quy trình chuyển đổi dữ liệu cho hệ thống tích hợp dữ liệu.

Số hồ sơ lưu: HCM-1366-2022

20303. Chế tạo máy công cụ

85533.04-2023. **Nghiên cứu chế tạo hệ laser sợi quang có khuếch đại dao động chủ (MOPA) ứng dụng trong kỹ thuật khắc tạo màu trên bề mặt kim loại/** TS. Trần Thị Vân Anh, ThS. Đỗ Xuân Tiến; TS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Phạm Chí Hiếu; ThS. Vũ Văn Liệu; KS. Trương Đức Toàn; KS. Nguyễn Phương Đông; KS. Đinh Văn Giang; ThS. Giang Mạnh Khôi - Hà Nội - Trung Tâm Công Nghệ Laser, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ chế khắc laser tạo màu trên bề mặt vật liệu kim loại. Nghiên cứu nguồn laser sợi quang MOPA và xây dựng hệ thiết bị khắc

laser tạo màu. Thử nghiệm kỹ thuật khắc laser tạo màu trên một số vật liệu kim loại. Nghiên cứu các đặc trưng của màu sắc bề mặt và xây dựng bộ thông số khắc laser tạo màu. Xây dựng hệ laser sợi quang có khuếch đại dao động chủ (MOPA) cho phép khắc tạo màu trên bề mặt kim loại; Hiệu rõ cơ chế và đưa ra các tham số hình thành màu sắc trong tương tác giữa chùm tia laser và kim loại,

Số hồ sơ lưu: 21076

85837.04-2023. **Nghiên cứu làm chủ thiết kế hệ thống sản xuất tấm panel PU liên tục/ PGS. TS. Phùng Xuân Sơn, TS. Nguyễn Minh Việt; PGS. TS. Nguyễn Thế Hữu; TS. Nguyễn Anh Ngọc; TS. Nguyễn Tuấn Linh; ThS. Vũ Thị Huệ; ThS. Trần Anh Sơn; ThS. Nguyễn Minh Quang; TS. Nguyễn Như Tùng; KS. Nguyễn Đình chiếu; ThS. Nguyễn Thị Phương - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2022; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu công nghệ và thiết bị sản xuất tấm panel PU liên tục. Tính toán, thiết kế thiết bị trong hệ thống sản xuất tấm panel PU liên tục gồm, bao gồm máy xả cuộn, bộ dán nilon, máy cán sóng, buồng gia nhiệt 2 lớp tôn, buồng ép tấm panel PU, máy cắt, giàn nâng và ổn định sản phẩm. Thiết kế hệ thống điện, điều khiển và lập quy trình công nghệ chế tạo các chi tiết, vận hành và bảo trì hệ thống sản xuất tấm panel PU liên tục.

Số hồ sơ lưu: 21191

20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông

85869.04-2023. **Nghiên cứu làm chủ công nghệ chế tạo van phân phối thủy lực sử dụng cho máy xây dựng thông qua khai thác sáng chế/ TS. Phạm Ngọc Pha, ThS. Trương Nguyệt Ánh; TS. Nguyễn Trọng Hiếu; ThS. Nguyễn Hồng Điệp; CN. Nguyễn Thị Thu; CN. Đỗ Thị Quỳnh Anh; ThS. Hà Diệu Linh; TS. Nguyễn Chí Hưng; TS. Nguyễn Xuân Thuận; KS. Trần Quân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu sáng chế và khai thác công nghệ, 2022; 10/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu nhận dạng và phân tích các sáng chế, công nghệ van phân phối thủy lực; Nghiên cứu điều kiện làm việc của van phân phối thủy lực sử dụng cho máy xúc Doosan DX55; - Nghiên cứu thiết kế van phân phối thủy lực phù hợp với điều kiện tại Việt Nam; Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo và tiến hành chế tạo thử nghiệm 03 van phân phối thủy lực 2 cửa 2 vị trí cho máy xúc Doosan DX55; Lắp đặt, vận hành và kiểm tra yêu cầu kỹ thuật của 03 van phân phối thủy lực mẫu đã chế tạo thử nghiệm; Có chấp nhận đơn hợp lệ cho hồ sơ đăng ký giải pháp hữu ích.

Số hồ sơ lưu: 21220

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng

85765.04-2023. **Nghiên cứu, thử nghiệm đốt than kèm chất phụ gia để tăng hiệu suất và giảm phát thải khí ô nhiễm cho nhà máy nhiệt điện đốt than/ TS. Đỗ Hữu**

Hào, TS. Nguyễn Chiến Thắng; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; GS.TS. Vũ Thị Thu Hà; ThS. Đỗ Công Hải; KS. Dương Sơn Bá; KS. Trịnh Văn Yên; KS. Nguyễn Gia Đễ; KS. Nguyễn Tuấn Anh - Hà Nội - Viện năng lượng, 2021; 11/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ đốt than kèm phụ gia cho nhà máy nhiệt điện đốt than để giảm tiêu thụ than trên 2%, giảm phát thải khí ô nhiễm tối thiểu 5%. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lắp đặt hệ thiết bị đốt than kèm chất phụ gia, đồng bộ, được mô đun hóa phù hợp với nhà máy nhiệt điện đốt than. Phân tích, lựa chọn phụ gia phù hợp với công nghệ đốt than và nhiên liệu, đáp ứng mục tiêu của đề tài và an toàn cho nhà máy nhiệt điện đốt than tại Việt Nam. Ứng dụng thử nghiệm thành công công nghệ đốt than kèm chất phụ gia giảm tiêu thụ than trên 2%, giảm phát thải khí ô nhiễm tối thiểu 5%. Thử nghiệm tại nhà máy nhiệt điện đốt than (công nghệ đốt than phun) có công suất tổ máy 300 MW với 2 loại phụ gia được lựa chọn.

Số hồ sơ lưu: 21165

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân

85717.04-2023. **Nghiên cứu đánh giá chi tiết các đặc trưng phóng xạ trong các cấu trúc chính và cập nhật bản kế hoạch sơ bộ về tẩy xạ và tháo dỡ cho Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt (LPUHNDL) sau khi kết thúc vận hành/** ThS. Trần Quốc Dưỡng, ThS. Phạm Quang Huy; ThS. Huỳnh Tôn Nghiêm; ThS.

Nguyễn Kiên Cường; CN. Nguyễn Minh Tuấn; CN. Hồ Nguyễn Thành Vinh; ThS. Võ Đoàn Hải Đăng; CN. Trang Cao Sứ; CN. Nguyễn Tiến Vũ; ThS. Phạm Hoài Phương - Đà Lạt - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định đặc trưng phóng xạ trong các cấu trúc chính của Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt (LPUHNDL). Tính toán chi tiết phân bố trường neutron trong toàn bộ cấu trúc lò bằng chương trình MCNP5 với các cấu hình vùng hoạt khác nhau. Đồng thời, tính toán hoạt độ phóng xạ và phân bố hoạt độ phóng xạ trong các thành phần cấu trúc lò dựa trên thành phần cấu trúc, phân bố trường neutron và lịch sử vận hành lò bằng chương trình ORIGEN. Hướng dẫn sử dụng chương trình CERREX-D và kết quả ước tính giá thành cho việc tẩy xạ và tháo dỡ Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt (LPUHNDL). Cập nhật bản kế hoạch tẩy xạ và tháo dỡ sơ bộ cho Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt (LPUHNDL)

Số hồ sơ lưu: 21153

20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác

85982.04-2023. **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống xử lý cặn rớt và làm sạch ba-via biên dạng 3d chi tiết đúc/** KS. Nguyễn Thanh Liêm, ThS. Nguyễn Thành Trí; KS. Nguyễn Đức Huy; ThS. Trần Hiếu Thuận; TS. Nguyễn Hoàng Giáp; KS. Nguyễn Ngọc Vinh; ThS. Nguyễn Đức Hoàng; KS. Đặng Thị Mỹ Hạnh; KS. Nguyễn Hữu Tài;

KS. Nguyễn Thanh Tiên - Tp. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH DV KT TM Nhất Tinh, 2021; 07/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả nghiên cứu các thiết bị gia công để hình thành dây chuyền tự động tổng quát cho ứng dụng cắt – mài sản phẩm đúc (lốc xe máy, khung máy may,...). Các kết quả nghiên cứu nổi bật bao gồm: Máy cưa lọng tiêu chuẩn kết hợp bàn máy di chuyển phôi CNC 2.5D cắt được vật liệu kim loại có chiều dày cắt tối đa 20 mm (nhôm); Hành trình (X Y) 400 x 400 mm; Sai số vị trí ± 0.3 mm; Sai số lặp lại ± 0.2 mm; Sai số gia công ± 1 mm; Công suất 4 kW; Tốc độ bàn máy 1-8 m/ph; Góc xoay cắt; 270 $^{\circ}$; Biên dạng lõm đến 270 $^{\circ}$. Máy giải quyết được vấn đề khó khăn cho các máy cắt kết hợp bàn máy 2D chỉ cắt vật liệu phi kim, góc cắt đến 180 $^{\circ}$ Máy cưa lọng tiêu chuẩn kết hợp tay máy Scara di chuyển phôi cắt được vật liệu kim loại có chiều dày cắt tối đa 20 mm (nhôm); Hành trình (X Y); 400 x 400 mm; Sai số vị trí ± 0.3 mm; Sai số lặp lại ± 0.2 mm; Sai số gia công ± 1 mm; Công suất 4 kW; Tốc độ bàn máy 1-8 m/ph; Cắt biên dạng lõm đến 270 $^{\circ}$.

Số hồ sơ lưu: HCM-135-2022

20404. Kỹ thuật hoá vô cơ

85766.04-2023. **Nghiên cứu sự tạo thành các liên kết cacbon-cacbon hoặc cacbon-dị tố mới trên cơ sở chuyển hóa chọn lọc một số liên kết cacbon-hydro có sự hỗ trợ của kim loại chuyển tiếp/ TS.**

Nguyễn Thanh Tùng, GS.TS. Phan Thanh Sơn Nam; ThS. Nguyễn Thái Anh; ThS. Tô Anh Tường; ThS. Đặng Văn Hà; TS. Lê Vũ Hà - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2022; 09/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thực hiện các phản ứng chuyển hóa có chọn lọc liên kết C-H sử dụng các nhóm định hướng đa càng, hướng đến việc tìm ra các chuyển hóa C-H thành các liên kết C-C hoặc C- dị tố mới mà trước đây chưa từng được công bố. Hướng đến việc sử dụng các kim loại chuyển tiếp nặng, đắt tiền, đang ngày càng trở nên khan hiếm cho việc chuyển hóa chọn lọc liên kết C-H. Nghiên cứu ứng dụng hóa học xanh trong chuyển hóa chọn lọc liên kết C-H có sử dụng kim loại như sử dụng dung môi xanh hoặc dung môi có khả năng thu hồi, sử dụng chất oxy hóa đơn giản, rẻ tiền hoặc có khả năng thu hồi được.

Số hồ sơ lưu: 21161

20499. Kỹ thuật hóa học khác

86182.04-2023. **Nghiên cứu sản xuất chất chữa cháy dạng foam trên cơ sở gốc Alcohol/ THS.** Lý Mạnh Quân, ThS. Trịnh Duy Đức; TS. Lê Xuân Lương; TS. Trần Quang Sáng; TS. Vũ Ngọc Doãn; ThS. Dương Văn Năm; KS. Nguyễn Anh Đức; ThS. Nguyễn Xuân Toàn; ThS. Vũ Văn Hiếu; ThS. Phan Xuân Trang; ThS. Lại Văn Cường - Hà Nội - Viện Hóa học Môi trường quân sự, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về đặc điểm, tính chất của các đám cháy, các phương

pháp chữa cháy; các chất chữa cháy dạng bột và phương tiện sử dụng. Phân tích, thử nghiệm đánh giá một số chất chữa cháy dạng bột nhập ngoại và trong nước. Nghiên cứu phương pháp điều chế, lựa chọn các hợp chất dùng để sản xuất chất chữa cháy dạng bột trên cơ sở alcohol. Nghiên cứu sản xuất và xây dựng quy trình điều chế chất chữa cháy dạng bột với công suất (dự kiến): 10-15 kg/m³. Phân tích, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm đề tài theo các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định trong các tiêu chuẩn hiện hành. Thử nghiệm đánh giá khả năng chữa cháy của sản phẩm đề tài trên bình chữa cháy dạng bột của mô tô chữa cháy.

Số hồ sơ lưu: HNI- 2021-59/ĐK-TTTT&TK

20507. Vật liệu xây dựng

85852.04-2023. **Biến tính tro bay và khảo sát độ bền của composit bitum/tro bay ứng dụng trong công nghệ sản xuất bê tông asphalt/** TS. Phạm Gia Vũ, GS.TS. Trần Đại Lâm; PGS.TS. Tô Thị Xuân Hằng; PGS.TS. Trịnh Anh Trúc; TS. Nguyễn Anh Sơn; TS. Nguyễn Thùy Dương; TS. Thái Thu Thủy; CN. Vũ Kế Oánh; KS. Vũ Lương Sơn; GS.TS. Thái Hoàng - Hà Nội - Viện Kỹ thuật nhiệt đới - Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2020; 05/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tro bay có thành phần chính là các oxit kim loại như oxit silic, oxit nhôm, oxit sắt...các hạt oxit này khi phân tán trong bitum sẽ có sự phân tách pha giữa pha vô cơ và hữu cơ.

Vì vậy biến tính chúng là sử dụng các chất hữu cơ (silan) để liên kết bề mặt của các hạt tro bay với bitum tạo thành một khối composit có liên kết tốt giữa các hạt tro bay và bitum làm cho tăng cường các tính chất cơ lý của composit bitum với các hạt tro bay. Hơn nữa sự cơ mặt của hợp chất silan cũng làm tăng cường khả năng chịu nhiệt của bitum. Từ đó cải thiện được tính chất nhiệt của hỗn hợp composit bitum/tro bay. Từ đó xây dựng quy trình sản xuất bê tông asphalt sử dụng tro bay phế thải của nhà máy nhiệt điện.

Số hồ sơ lưu: 21210

85853.04-2023. **Nghiên cứu thực nghiệm đánh giá các tính năng và xây dựng tiêu chuẩn thiết kế, thi công và nghiệm thu của vật liệu nhẹ EPS/** PGS. TS. Phạm Hoàng Kiên, TS. Từ Sỹ Quân; TS. Nguyễn Xuân Tùng; TS. Đào Sỹ Đán; ThS. Nguyễn Thị Thanh Yên; ThS. Trần Thế Hiệp; KS. Trần Hữu Hiệp - Hà Nội - Tổng cục Đường bộ Việt Nam, 2020; 01/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu ưu nhược điểm khi sử dụng vật liệu nhẹ EPS, xác định phạm vi áp dụng. Nghiên cứu các đặc tính vật liệu và phương pháp thiết kế khi sử dụng vật liệu nhẹ EPS. Nghiên cứu thực nghiệm đánh giá các tính năng của vật liệu EPS. Xây dựng tiêu chuẩn thiết kế, thi công và nghiệm thu của vật liệu nhẹ EPS.

Số hồ sơ lưu: 21213

85860.04-2023. **Nghiên cứu sử dụng tro, xỉ của lò đốt chất thải rắn sinh hoạt làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng/** ThS. Cao Tiến Phú, ThS. Nguyễn Thị Kim; ThS. Hoàng Lê Anh; KS. Lưu Hoàng Sơn; KS. Lê Xuân Hoàng; KS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Trần Thị Minh Hải; ThS. Nguyễn Đức Thành; TS. Lê Việt Hùng; ThS. Lê Cao Chiến - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát thực tế các nhà máy đốt chất thải rắn sinh hoạt, lấy mẫu thử nghiệm, phân tích đánh giá nguồn tro bay, tro đáy. Nghiên cứu tro đáy phát thải từ hai loại lò công suất nhỏ đốt chất thải rắn sinh hoạt cấp huyện, xã và lò công suất lớn. Nghiên cứu thực nghiệm đánh giá các chất và xử lý tro bay, tro đáy. Chọn tro bay, tro đáy phù hợp để nghiên cứu làm nguyên liệu cho gạch bê tông và bê tông đảm bảo yêu cầu về tính an toàn với môi trường, con người, tính chất kỹ thuật của sản phẩm. Nghiên cứu xử lý tro bay, tro đáy và đánh giá các tính chất của tro bay, tro đáy sau khi xử lý các tiêu chí yêu cầu an toàn môi trường, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đối với nguyên liệu. Đánh giá khả năng xử lý để làm nguyên liệu gạch bê tông, bê tông.

Số hồ sơ lưu: 21200

85863.04-2023. **Nghiên cứu công nghệ tách tạp chất bã thạch cao photpho nhà máy phân bón cho sản xuất vật liệu xây dựng/** PGS. TS. Ngô Kim Chi, ThS. Đặng Ngọc Phượng; TS. Chu Quang

Truyền; CN. Nguyễn Mai Linh; CN. Nguyễn Thị Hồng Vân; TS. Nguyễn Minh Hoàng; KS. Phạm Văn Lâm; TS. Phạm Thy San; Nguyễn Trường Giang; KS. Nguyễn Quang Dương; CN. Nguyễn Xuân Dũng; CN. Nguyễn Thị Thủy; KTV. Nguyễn Tấn Phú - Hà Nội - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2021; 07/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tài liệu về nguồn chất thải thạch cao photpho nhà máy hóa chất, các công nghệ và kỹ thuật loại bỏ tạp chất trong chất thải thạch cao photpho. Đánh giá hiện trạng bã thạch cao tại các nhà máy phân bón. Xây dựng công nghệ tách tạp chất và thử nghiệm công nghệ hoà tách tạp chất bã thải thạch cao photpho. Nghiên cứu bài phối liệu trộn mẫu bê tông xi măng phụ gia thạch cao và thử nghiệm Nhiệm vụ 5: So sánh hiệu quả. Đề xuất mô hình công nghệ tách tạp chất bã thải thạch cao photpho. Xây dựng tài liệu kỹ thuật, đào tạo, đánh giá hiệu quả kinh tế kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 21215

85875.04-2023. **Nghiên cứu chế tạo sản phẩm chịu lửa định hình hệ cacbua silic (SiC) liên kết nitrua silic (Si₃N₄) dùng cho lò công nghiệp/** KS. Nguyễn Thị Thu Hà, ThS. Trần Thị Minh Hải; ThS. Hoàng Lê Anh; ThS. Nguyễn Thị Kim; KS. Lê Xuân Hoàng; KS. Lưu Hoàng Sơn; TS. Vũ Văn Dũng - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2020; 07/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về sản phẩm SiC-Si₃N₄; Lựa chọn nguyên liệu; Khảo sát lựa chọn cấp phối hạt tối ưu; Khảo sát chế độ sấy nung sản phẩm; Ảnh hưởng của độ mịn Si đến sản phẩm; Thiết lập thông số công nghệ sản xuất sản phẩm; Sản xuất thử 500kg sản phẩm làm tấm trụ đỡ cho công nghiệp gốm sứ.

Số hồ sơ lưu: 21209

85878.04-2023. **Nghiên cứu chế tạo vữa chống cháy siêu nhẹ phun phủ bảo vệ cấu kiện thép trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp/** KS. Lưu Hoàng Sơn, ThS. Nguyễn Thị Kim; ThS. Hoàng Lê Anh; ThS. Trần Thị Minh Hải; KS. Lê Xuân Hoàng; TS. Vũ Văn Dũng; KS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Đức Thành; KTV. Đào Quang Hòa - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2021; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quy trình công nghệ chế tạo vữa chống cháy siêu nhẹ tương đối đơn giản, và có tính khả thi cao. Quy trình sản xuất cũng như bảo quản và hướng dẫn thi công chi tiết, cụ thể để người dùng có thể dễ dàng thi công sản phẩm. Sản xuất thử 3 tấn sản phẩm; Kết quả ứng dụng thử ban đầu đã được chủ công trình đánh giá cao về tính năng kỹ thuật, cũng như về hiệu quả kinh tế. Sản phẩm của đề tài đã phần nào đáp ứng được tiêu chí tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu trong nước với 70%, sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu về vật liệu chống cháy cho các công trình dân dụng và công nghiệp đang ngày một tăng cao.

Số hồ sơ lưu: 21205

85879.04-2023. **Nghiên cứu sử dụng nano silica (SiO₂) làm chất kết dính chế tạo bê tông chịu lửa bền hóa cao cấp/** TS. Vũ Văn Dũng, ThS. Nguyễn Thị Kim; ThS. Hoàng Lê Anh; ThS. Trần Thị Minh Hải; KS. Lê Xuân Hoàng; KS. Lưu Hoàng Sơn; KS. Nguyễn Thị Thu Hà; Đào Quang Hòa - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 06/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lựa chọn cấp phối bê tông chịu lửa và chất phân tán. Khảo sát ảnh hưởng của phụ gia gia gel hóa. Khảo sát ảnh hưởng của hàm lượng nano silica và nghiên cứu ảnh hưởng hàm lượng microsilica đến tính chất bê tông chịu lửa. Nghiên cứu khả năng sấy nung bê tông chịu lửa sử dụng nano silica và so sánh tính chất của bê tông chịu lửa sử dụng nano silica và bê tông chịu lửa ít xi măng

Số hồ sơ lưu: 21201

85880.04-2023. **Nghiên cứu xử lý và sử dụng phế thải vật liệu chịu lửa của ngành công nghiệp luyện thép để làm nguyên liệu sản xuất vật liệu chịu lửa và vật liệu xây dựng/** Hoàng Lê Anh, Nguyễn Thị Thu Hà; Nguyễn Đức Thành; Lê Xuân Hoàng; Lưu Hoàng Sơn; Trần Thị Minh Hải; Nguyễn Thị Kim; Vũ Văn Dũng - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2019; 09/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, phân loại, đánh giá chất lượng các chủng loại phế thải chịu lửa ngành luyện thép; Xác lập

quy trình thu gom, bảo quản phế thải chịu lửa tại các nhà máy sản xuất thép; Nghiên cứu, xác lập biện pháp gia công chế biến hợp lý cho từng chủng loại phế thải chịu lửa, xác định mô hình công nghệ, lựa chọn sử dụng thiết bị thích hợp cho các công đoạn; Nghiên cứu, chế tạo mẫu nhỏ trong phòng thí nghiệm các sản phẩm vật liệu chịu lửa cụ thể từ nguyên liệu phế thải chịu lửa đáp ứng yêu cầu sử dụng trong công nghiệp luyện kim, xi măng và các thiết bị công nghiệp khác.

Số hồ sơ lưu: 21207

85960.04-2023. **Nghiên cứu lựa chọn giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm sứ vệ sinh, kính xây dựng, gạch ốp lát tại các cơ sở sản xuất của Việt Nam/** TS. Trần Hữu Hà, ThS. Lê Thị Thanh Hà; ThS. Lê Ngọc Lan; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Trần Thị Thu Ngân; ThS. Huỳnh Phạm Việt Chương; CN. Nguyễn Thị Vân Anh; TS. Nguyễn Mạnh Hồng; TS. Thái Duy Sâm; TS. Tạ Văn Phấn - Hà Nội - Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thông qua việc nghiên cứu và tổng hợp các giải pháp tiên tiến trong và ngoài nước giúp cơ sở sản xuất sứ vệ sinh, kính xây dựng, gạch ốp lát trên cả có thêm cơ hội lựa chọn các giải pháp phù hợp nhất với đơn vị nhằm thúc đẩy năng suất, chất lượng sản phẩm; góp phần thực hiện tốt mục tiêu của Quyết định 299/QĐ-BXD ngày 12/4/2007 “Tạo bước chuyển biến rõ rệt về năng suất

và chất lượng của các sản phẩm, hàng hóa chủ lực, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành xây dựng nói riêng và kinh tế - xã hội của đất nước”..

Số hồ sơ lưu: 21242

20509. Vật liệu kim loại

85876.04-2023. **Nghiên cứu chế tạo cốt liệu chịu lửa cao nhôm thiêu kết cao cấp tabular cho ngành công nghiệp sản xuất vật liệu chịu lửa từ nguồn nguyên liệu trong nước/** ThS. Trần Thị Minh Hải, ThS. Nguyễn Thị Kim; ThS. Hoàng Lê Anh; KS. Lưu Hoàng Sơn; KS. Lê Xuân Hoàng; TS. Vũ Văn Dũng; KS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Đức Thành; KS. Trương Đức Tiếp; Đào Quang Hòa - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 05/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát các thông số công nghệ ảnh hưởng đến khả năng tạo tabular. Nghiên cứu chế tạo cốt liệu chịu lửa tabular. Xác định ảnh hưởng của hàm lượng phụ gia TiO_2 đến khả năng kết khối của oxit nhôm. Chế tạo oxit nhôm hoạt tính từ hydroxit nhôm Nhân Cơ. Chế tạo cốt liệu chịu lửa tabular từ oxit nhôm hoạt tính. Sản xuất và ứng dụng thử nghiệm sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 21202

20510. Gốm

85826.04-2023. **Nghiên cứu chế tạo tấm kê trụ đỡ cho lò nung gốm sứ trên nền gốm cordierite-zircon/**

ThS. Nguyễn Văn Trung, KS. Quách Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Hữu Tài; ThS. Ngô Hùng Cường; KS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Nguyễn Thị Lê Quyên - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 05/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chế tạo tấm kê trụ đỡ từ gốm cordierite-zircon. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất tấm kê trụ đỡ gốm cordierite-zircon. Chế tạo thử nghiệm 60 tấm kê, 80 trụ đỡ có chất lượng tương đương sản phẩm nhập khẩu. Ứng dụng tấm kê, trụ đỡ nghiên cứu cho lò nung của 01 cơ sở sản xuất ngói nung.

Số hồ sơ lưu: 21193

20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)

85914.04-2023. **Chế tạo vật liệu tổ hợp $\text{NaNOSnO}_2/\text{Bi}_2\text{S}_3\text{-BiOCl}$ nhằm ứng dụng trong quang xúc tác loại bỏ Rhodamine B/** TS. Phạm Văn Việt, - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 11/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tổng hợp thành công vật liệu tổng hợp $\text{SnO}_2/\text{Bi}_2\text{S}_3\text{-Bi}_2\text{O}_3$ thông qua phương pháp thủy nhiệt đơn giản, mạnh mẽ và dễ dàng tiếp theo là phân hủy nhiệt. Chất quang xúc tác phức hợp bậc ba đã được chuẩn bị sẵn thể hiện hoạt tính quang xúc tác vượt trội trong việc phân hủy rhodamine B bằng cách kích hoạt ánh sáng khả kiến, cao hơn Bi_2S_3

khoảng 2,75 lần; SnO_2 NPs không cho thấy bất kỳ hoạt động quang xúc tác nào do dải rộng lớn. Kết quả cũng cho thấy rằng nồng độ của dung dịch tiền chất SnO_2 với 15% là nồng độ tối ưu làm tăng hiệu suất phân hủy chất quang xúc tác là 80,8% trong 180 phút dưới ánh sáng khả kiến. Chất quang xúc tác $\text{SnO}_2/\text{Bi}_2\text{S}_3\text{-Bi}_2\text{O}_3$ cũng cho thấy khả năng quang ổn xuất sắc. Thử nghiệm bẫy gốc chỉ ra rằng h^+ là yếu tố chính trong phản ứng quang xúc tác, góp phần trực tiếp vào quá trình oxy hóa và phân hủy chất ô nhiễm. Do đó, vật liệu tổng hợp $\text{SnO}_2/\text{Bi}_2\text{S}_3\text{-Bi}_2\text{O}_3$ hứa hẹn như một chất quang xúc tác mới, hiệu quả và mạnh mẽ, có thể loại bỏ các chất ô nhiễm hữu cơ một cách chủ động. Vì các chất quang xúc tác $\text{SnO}_2/\text{Bi}_2\text{S}_3\text{-Bi}_2\text{O}_3$ ược hình thành thông qua tổng hợp một bước rất có triển vọng, nên cần có các nghiên cứu sâu hơn để khám phá đầy đủ ứng dụng tiềm năng của chúng.

Số hồ sơ lưu: HCM-163-20222

85917.04-2023. **Nghiên cứu, chế tạo vật liệu tổ hợp HDPE/EVA/GYPSUM biến tính ứng dụng chế tạo ống gân xoắn chất lượng cao chống cháy, bền thời tiết phục vụ ngành điện lực và viễn thông/** PGS. TS. Nguyễn Vũ Giang, - Hà Nội - Viện Kỹ thuật nhiệt đới., 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xác định được các điều kiện công nghệ ảnh hưởng đến quá trình biến tính hữu cơ gypsum. Từ đó xây dựng quy trình biến tính hữu cơ

gypsum làm chất độn cho ống gân xoắn bền thời tiết và chống cháy. Chế tạo được vật liệu composit HDPE/EVA/gypsum biến tính có độ bền thời tiết và chống cháy đáp ứng TCVN 7997:2009. Xác định được điều kiện thích hợp chế tạo ống gân xoắn bền thời tiết và chống cháy từ hệ vật liệu HDPE/EVA/gypsum biến tính. Xây dựng được quy trình sản xuất ống gân xoắn chống cháy và bền thời tiết từ vật liệu tổ hợp HDPE/EVA/gypsum biến tính đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7997:2009.

Số hồ sơ lưu: HCM-161-2022

85918.04-2023. **Phát triển công nghệ sản xuất vật liệu Aerogel Composite từ tro bay định hướng ứng dụng làm vật liệu siêu nhẹ, cách âm, cách nhiệt/ PGS.TS. Lê Thị Kim Phụng, - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Chế tạo thành công vật liệu aerogel và aerogel composite từ tro bay sử dụng công nghệ sấy thăng hoa và dung môi xanh, cùng chất kết dính thân thiện với môi trường nhằm ứng dụng vào vật liệu cách nhiệt và cách âm. Xây dựng quy trình tổng hợp vật liệu cao cấp từ tro bay nhằm tận dụng nguồn phế phẩm công nghiệp dồi dào, giải quyết vấn đề ô nhiễm của tro bay tại các bãi chứa và tăng hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp trong nước.

Số hồ sơ lưu: HCM-160-2022

85946.04-2023. **Tổng hợp pigment mgcr2o4 kích thước nano**

ở nhiệt độ thấp bằng phương pháp tạo hợp chất cơ kim trong dung dịch ứng dụng chế tạo sơn/ ThS. Đinh Thị Vân, Lê Đức Mạnh; Đỗ Thị Tuyết Nhung; Vũ Văn Huy; Phan Ngọc Tú - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm nhiệt đới Việt - Nga - chi nhánh phía Nam, 2021; 12/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu sản xuất pigment MgCr2O4 ở nhiệt độ thấp bằng phương pháp tạo hợp chất cơ kim trong dung dịch nhằm tạo sản phẩm có độ ổn định và bền màu cao, kích thước hạt cỡ nano; với yêu cầu tiêu thụ năng lượng thấp, quy trình công nghệ đơn giản và phù hợp với điều kiện kỹ thuật trong nước. Kết hợp với Công ty sơn chế tạo sơn từ pigment nano MgCr2O4 tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: HCM-157-2022

85952.04-2023. **Chế tạo và cải tạo tính chống đông bề mặt màng nano electrospun polyurethan/poly-caprolacton (pu/pcl) cho ứng dụng mạch máu nhân tạo đường kính nhỏ/ HVCH. Lê Nguyễn Mỹ An, Nguyễn Thị Hiệp; Đặng Ngọc Thảo Nhi; Nguyễn Ngô Anh Trường - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu đã chế tạo thành công một ống rỗng electrospun hai lớp với bề mặt bên trong được cải tiến bằng poloxamer giúp thúc đẩy sự bám dính và tăng sinh tế bào đồng thời ức chế sự bám dính tiểu

cầu cho các ứng dụng kỹ thuật mạch máu. Ống rỗng hai lớp thể hiện độ bền kéo tốt với các sợi nano đồng nhất. Poloxamer đã tăng cường đáng kể khả năng thấm ướt của bề mặt do tính ưa nước của các khối PEG. Hơn nữa, động lực của các đuôi hoạt động này khiến các tế bào và tiểu cầu kết dính và tăng sinh khác nhau để phản ứng với các tác động của steric và năng lượng bề mặt. Nồng độ poloxamer được pha trộn càng cao, thì tính ưa nước của bề mặt sợi nano càng cao và khả năng đẩy lùi và làm bất hoạt các tiểu cầu càng cao. Việc khảo sát các hành vi của tế bào để đáp ứng với các lumen PU / PCL đã sửa đổi mật độ poloxamer khác nhau được tiến hành đồng thời để xác định nồng độ pha trộn tối ưu hóa. Có thể nhận mạnh rằng mật độ thích hợp của poloxamer (3% - 8% trọng lượng) trên bề mặt mang lại hiệu suất cao trong việc tạo kết cấu bề mặt mạng sinh học và tạo hình các vị trí hoạt động sinh học để có tác dụng kép - thúc đẩy tăng sinh tế bào nhanh và ức chế sự kết dính / hoạt hóa ban đầu của tiểu cầu. Tóm lại, pha trộn poloxamer là một cách tiếp cận bền vững, đơn giản, giá cả phải chăng và hiệu quả nhằm thay đổi thích hợp bề mặt phát sáng của ống rỗng đường kính nhỏ. Hơn nữa, nghiên cứu này cũng đề xuất tiềm năng của nghiên cứu trong tương lai về các hành vi tạo nội mô trong điều kiện động và tiếp xúc với dòng máu để tiến tới các ứng dụng như ghép mạch hiệu suất cao.

Số hồ sơ lưu: HCM-154-2022

20515. Vật liệu tiên tiến

85550.04-2023. **Tạo vật liệu chiết suất âm trong miền quang học dựa vào hiệu ứng trong suốt cảm ứng điện từ/** TS. Lê Văn Đoài, PGS.TS. Vũ Ngọc Sáu; GS.TS. Nguyễn Huy Bằng; TS. Lê Thị Minh Phương; TS. Lê Nguyễn Mai Anh; TS. Nguyễn Lê Thuỷ An - Nghệ An - Trường Đại học Vinh, 2022; 04/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo vật liệu chiết suất âm đa tần số trong miền quang học của môi trường khí nguyên tử nhiều mức năng lượng dựa vào hiệu ứng EIT; Nghiên cứu điều khiển miền chiết suất âm theo cường độ, tần số, phân cực và pha của các trường laser kích thích; Nghiên cứu điều khiển miền chiết suất âm theo từ trường ngoài. Từ đó, nghiên cứu điều khiển miền chiết suất âm (xê dịch, mở rộng) theo cường độ, tần số, phân cực và pha của các trường laser kích thích và từ trường ngoài.

Số hồ sơ lưu: 21080

20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác;

85995.04-2023. **Kỹ thuật đồng nhất hóa vật liệu không đồng nhất với phần tử tấm mỏng chịu uốn đại diện/** ThS. Nguyễn Hoàng Phương, Lê Văn Cảnh; Hồ Lê Huy Phúc - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 01/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng kỹ thuật đồng nhất hóa vật liệu cho kết cấu

tám mỏng chịu uốn. Trường chuyển vị được rời rạc hóa và xấp xỉ bằng phần tử HCT thông qua ngôn ngữ lập trình bằng Matlab. Các thông số đàn hồi hữu hiệu được xác định thông qua việc lấy trung bình thể tích tám đại diện RPE. Qua đó, bài toán vĩ mô được phân tích bằng các thông số đàn hồi hữu hiệu này. Hai ví dụ được thực hiện là kết cấu tám mỏng khoét lỗ vuông chịu uốn và kết cấu tám nhiều lớp khoét lỗ tròn chịu uốn. Các kết quả được so sánh với các nghiên cứu lý thuyết và phương pháp số khác.

Số hồ sơ lưu: HCM-144-2022

20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh

86169.04-2023. **Ứng dụng cộng hưởng từ sức căng khuếch tán (DTI) trong nghiên cứu đường dẫn truyền thần kinh giữa các trung khu của não bộ để góp phần chẩn đoán một số bệnh lý thần kinh/** PGS. TS. Lâm Khánh, TS. Vũ Đình Triển; GS.TS. Nguyễn Duy Bắc; TS. Đặng Tiến Trường; TS. Nguyễn Trọng Yên; TS. Nguyễn Hồng Quân; BS. Đinh Gia Khánh; BS. Lê Hải Sơn; TS. Phạm Thành Nguyên; TS. Nguyễn Ngọc Trung - Hà Nội - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, 2022; 09/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh đường dẫn truyền thần kinh giữa các trung khu não bộ bằng kỹ thuật cộng hưởng từ sức căng khuếch tán ở người trưởng thành bình thường. Ứng dụng cộng hưởng từ DTI trong khảo sát một số bệnh lý thần kinh

thường gặp: Alzheimer, xơ cứng rải rác (MS) và u não người lớn.

Số hồ sơ lưu: 21206

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

85851.04-2023. **Nghiên cứu kỹ thuật sinh thái xanh không sử dụng năng lượng để xử lý nước thải sinh hoạt/** PGS. TS. Nguyễn Thị Hằng Nga, TS. Nguyễn Thị Thế Nguyên; TS. Đoàn Thu Hà; TS. Đặng Minh Hải; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Giang Thu Thảo; ThS. Nguyễn Việt Anh; ThS. Nguyễn Thị Liễu - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2022; 07/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nước thải sinh hoạt và kỹ thuật sinh thái tiết kiệm năng lượng để xử lý nước thải sinh hoạt. Đánh giá hiệu suất xử lý nước thải của mô hình thí nghiệm trong phòng. Đánh giá hiệu suất xử lý nước thải sinh hoạt từ mô hình thử nghiệm pilot. Hướng dẫn xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải bằng kỹ thuật trộn vật liệu có nguồn gốc từ đất. Hướng dẫn xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải bằng kỹ thuật trộn vật liệu có nguồn gốc từ đất.

Số hồ sơ lưu: 21197

20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt)

85877.04-2023. **Nghiên cứu sử dụng xúc tác đã qua sử dụng của phân xưởng cracking dầu mỏ làm nguyên liệu sản xuất gốm sứ/** KS. Nguyễn Văn Trung, ThS. Nguyễn Hữu Tài; KS. Quách Thanh Tùng;

ThS. Ngô Hùng Cường; KS. Nguyễn Văn Liễu - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thành phần, tính chất của xúc tác trong phân xưởng cracking dầu mỏ đã qua sử dụng. Nghiên cứu đưa RFCC vào làm nguyên liệu thay thế cao lanh trong sản xuất gạch gốm ốp lát. Xây dựng quy trình công nghệ sử dụng RFCC đã qua sử dụng làm nguyên liệu thay thế cao lanh để sản xuất gạch gốm ốp lát. Chế tạo 30 m² sản phẩm gạch ốp lát đạt chất lượng theo TCVN 7745.

Số hồ sơ lưu: 21226

20899. Công nghệ sinh học môi trường khác

85525.04-2023. **Ảnh hưởng của than sinh học (biochar) được sản xuất từ các nguồn nguyên liệu và nhiệt độ chế biến khác nhau đến lên men dạ cỏ và phát thải mêtan trong điều kiện in vitro/** PGS. TS. Đinh Văn Dũng, PGS.TS. Lê Đình Phùng; GS.TS. Lê Đức Ngoan; ThS. Nguyễn Hải Quân; ThS. Thân Thị Thanh Trà; TS. Lê Đức Thọ; ThS. Võ Thị Minh Tâm - Hà Nội - Trường Đại học Nông Lâm, 2022; 09/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá ảnh hưởng của bioc-har được sản xuất từ các nguồn nguyên liệu khác nhau đến lên men dạ cỏ và phát thải khí trong điều kiện in vitro. Đánh giá ảnh hưởng của bioc-har sản xuất ở các nhiệt độ chế biến khác nhau đến lên men dạ cỏ và

phát thải khí mêtan trong điều kiện in vitro. Đánh giá ảnh hưởng của mức bioc-har bổ sung vào khẩu phần den lên men dạ cỏ và phát thải khí mêtan trong điều kiện in vitro.

Số hồ sơ lưu: 21075

85552.04-2023. **Nghiên cứu xử lý một số kim loại nặng trong môi trường đất bằng vật liệu hấp phụ lưỡng cực - Mg/Al LDH-zeolit/ GS. TS. Đặng Văn Minh, TS. Nguyễn Đình Vinh; TS. Văn Hữu Tập; TS. Trần Thị Phả; TS. Chu Mạnh Nhung; ThS. Dương Thị Minh Hòa - Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2022; 09/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Chế tạo vật liệu hấp phụ lưỡng cực Mg/Al LDH-Zeolite bằng phương pháp in-situ hoặc ex-situ để tạo ra vật liệu lưỡng cực (Mg/Al LDH-Zeolite). Thử nghiệm khả năng hấp phụ anion và cation kim loại nặng trong môi trường nước để đánh giá và lựa chọn điều kiện thích hợp chế tạo vật liệu Mg/Al LDH-Zeolite bằng phương pháp in-situ hoặc ex-situ trước khi áp dụng xử lý các cation và anion trong môi trường đất. Nghiên cứu khả năng hấp phụ các cation kim loại nặng (Pb²⁺, Cd²⁺) trong môi trường đất bằng vật liệu Mg/Al LDH-Zeolite đã chế tạo được. Nghiên cứu khả năng hấp phụ anion kim loại nặng (CrO₄²⁻) trong môi trường đất bằng vật liệu Mg/Al LDH-Zeolite đã chế tạo được. Nghiên cứu khả năng hấp phụ đồng thời cả cation và anion kim loại trong môi trường đất bằng vật liệu Mg/Al LDH-Zeolite. Nghiên cứu cơ

chế hấp phụ cố định cation (Pb^{2+} , Cd^{2+}) và anion (CrO_4^{2-}) trong môi trường đất của vật liệu lưỡng cực Mg/Al LDH-Zeolite.

Số hồ sơ lưu: 21082

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

85477.04-2023. **Nghiên cứu chế tạo, khảo sát các đặc trưng, tính chất và hình thái cấu trúc của vật liệu composite sinh học trên cơ sở polyamide-11 và sợi đay được gia cường bằng hạt nano SiO_2 , TiO_2 / TS. Đỗ Văn Công, PGS.TS. Nguyễn Vũ Giang; TS. Đỗ Quang Thâm; ThS. Trần Hữu Trung; TS. Nguyễn Thị Thái; TS. Mai Văn Tiến - Hà Nội - Viện kỹ thuật nhiệt đới, 2022; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Chế tạo vật liệu polyme composite PA11/sợi đay có và không có phụ gia nano SiO_2 và TiO_2 bằng phương pháp trộn nóng chảy và phương pháp ép khuôn nóng chảy. Đánh giá khả năng gia cường của sợi đay và các phụ gia nano đến một số tính chất đặc trưng (độ bền kéo đứt, mô đun Young, độ bền nhiệt và độ bền thời tiết) của vật liệu composite nêu trên. Đưa ra bộ số liệu về ảnh hưởng của hạt nano SiO_2 , TiO_2 đến khả năng phân tán và cải thiện tương tác, bám dính giữa các thành phần trong vật liệu nêu trên.

Số hồ sơ lưu: 21059

85538.04-2023. **Ổn định nhiệt đàn hồi của tấm và vỏ nanocomposite có kể đến tính đàn hồi của liên kết biên/ PGS. TS.**

Hoàng Văn Tùng, PGS.TS. Vũ Hoài Nam; ThS. Phạm Thanh Hiếu; PGS.TS. Nguyễn Thị Phương - Hà Nội - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 2022; 04/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích ứng xử vòng và sau vòng của các tấm và vỏ làm từ vật liệu nanocomposite gia cường ống các-bon nano cơ tính biến thiên FG-CNTRC chịu các loại tải nhiệt và cơ-nhiệt. Các kết cấu có thể ở dạng đơn lớp hoặc sandwich. Nghiên cứu ổn định phi tuyến của các tấm và vỏ làm từ vật liệu nanocomposite gia cường phiến graphene cơ tính biến thiên chịu các loại tải nhiệt và kết hợp cơ-nhiệt. Phân tích ảnh hưởng của tính đàn hồi của liên kết biên lên khả năng kháng vòng và chịu tải trong giai đoạn sau vòng của các kết cấu tấm vỏ nanocomposite. Thêm vào đó, đề tài cũng sẽ đánh giá ảnh hưởng tương tác của các dạng phân bố vật liệu, điều kiện tải trọng, tính không hoàn hảo hình dáng, nền đàn hồi và sự phụ thuộc vào nhiệt độ của các tính chất vật liệu lên sự ổn định của tấm vỏ nanocomposite.

Số hồ sơ lưu: 21079

85822.04-2023. **Tối ưu hóa tính toán kết cấu nano xốp/ TS. Phùng Văn Phúc, GS. TS. Nguyễn Xuân Hùng; ThS. Châu Nguyên Khải; KS. Châu Nguyên Khánh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu phương pháp đẳng hình học nhằm tính toán các đáp ứng

động lực học và phân tích ảnh hưởng của các thành phần vật liệu, sự phân bố vật liệu, kích thước nội, phân bố độ xốp, các tham số hình học và đặc tính tải trọng động lên đáp ứng đầu ra của các cấu trúc vi mô xốp như độ võng, vận tốc, gia tốc. Bài toán tối ưu hóa sau đó được thiết lập để nghiên cứu và tối ưu hóa tần số dao động và giảm khối lượng của các cấu trúc vi mô xốp. Vật liệu xốp được phân loại theo chức năng, vật liệu tổng hợp có xét đến lỗ rỗng, vật liệu xốp gia cường sợi cacbon và vật liệu metal xốp

Số hồ sơ lưu: 21189

85954.04-2023. **Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano từ tính bạc vàng định hướng ứng dụng làm chất mang thuốc ức chế tăng sinh tế bào ung thư/** Mai Xuân Trường, Nguyễn Phương Tùng; Hoàng Anh Quân; Nguyễn Thị Hồng Nhung - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đã phát triển thành công một phương pháp giá thành thấp, dễ tiếp cận để chế tạo vật liệu nano vàng mang thuốc và sắt từ bọc nano vàng mang thuốc bằng phương pháp hóa học xanh với nguồn nguyên liệu là cây thuốc của Việt Nam. Phương pháp hóa học xanh đang là xu hướng của thế giới với mục đích chính là giảm thiểu tác động với môi trường trong quá trình chế tạo. Nghiên cứu đã đề ra quy trình chế tạo đơn giản, có khả năng điều chế ra các hạt nano vàng gắn thuốc xạ đen với tác dụng nâng cao

hoạt tính của xạ đen lên nhiều lần. Nhờ đó có thể thấy tiềm năng rất lớn của vật liệu này trong việc làm thuốc chữa ung thư. Ngoài ra vật liệu sắt từ bọc nano vàng mang thuốc có hoạt tính cao so với doxorubicin (36 so với 75 $\mu\text{g}/\text{mL}$), một loại thuốc đang dùng để điều trị ung thư. Độ từ hóa của vật liệu cũng tương đối cao, cho phép khả năng ứng dụng trong dẫn truyền thuốc đến đích.

Số hồ sơ lưu: HCM-153-2022

85980.04-2023. **Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nanocomposite trên cơ sở graphene ứng dụng trong pin mặt trời chất màu nhạy quang/** TS. Phạm Trọng Liêm Châu, PGS. TS. Huỳnh Kỳ Phương Hạ; TS. Huỳnh Khánh Duy; TS. Nguyễn Trường Sơn; TS. Hồ Quang Như; TS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Tống Thanh Danh; TS. Đặng Bảo Trung; TS. Trần Thụy Tuyết Mai; TS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Nguyễn Kim Trung; CN. Trần Hoàng Tú; KS. Nguyễn Thị Thu Sương; KS. Nguyễn Minh Đạt; ThS. Lê Thị Bích Liễu; KS. Ngô Văn Tuyền; ThS. Lữ Thị Mộng Thy; KS. Đặng Thị Uyên Hà; KS. Trần Đỗ Đạt; KS. Trần Quốc Trung; CN. Lê Trần Trung Nghĩa; CN. Lê Văn Cường - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách Khoa-ĐHQG TP. HCM, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đưa ra quy trình tổng hợp thành công vật liệu nanocomposite Gr-Pt và Gr-TiO₂ với đầy đủ thông số chi tiết của từng công đoạn; Đưa ra quy trình tạo hệ keo thành công từ vật

liệu nanocomposite Gr-Pt và Gr-TiO₂ với đầy đủ thông số chi tiết của từng công đoạn; Chế tạo thành công điện cực catot từ các hệ keo Gr-Pt với độ dày màng < 50 nm và anot Gr-TiO₂ với lớp màng có độ dày 10 – 20 mm; điện cực hình thành có lớp màng được phủ đều, không bị nứt, không bị bong khỏi nền FTO; Tổng hợp thành công vật liệu nanocomposite từ tiền chất platin (Pt), titan đioxit (TiO₂), graphene (Gr) và tìm ra vật liệu phù hợp để chế tạo điện cực (catot, anot) nhằm giảm giá thành và tăng cường hiệu quả làm việc của pin DSSC.

Số hồ sơ lưu: HCM-134-2022

21101. Kỹ thuật thực phẩm

85856.04-2023. **Nghiên cứu chiết xuất sản phẩm Beta-glucan từ phụ phẩm men bia tại các nhà máy bia sử dụng enzyme từ chủng vi khuẩn chịu nhiệt và chịu kiềm/** ThS. Trịnh Thị Thu Thủy, ThS. Phan Thị Hiền; TS. Nguyễn Xuân Cảnh; ThS. Nguyễn Quốc Trung; ThS. Tống Văn Hải; KS. Phùng Thị Duyên; PGS.TS. Phạm Kim Đăng; PGS.TS. Bùi Quang Tuấn - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng quy trình phá vách tế bào nấm men thu nhận tế bào beta-glucan; Nghiên cứu tạo chế phẩm chiết xuất beta-glucan từ vách tế bào nấm men; Đánh giá chỉ tiêu dinh dưỡng của chế phẩm bột men bia thủy phân; Thử nghiệm sản xuất chế phẩm chiết xuất của vách tế bào nấm men bị phá vỡ.

Số hồ sơ lưu: 21212

86024.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Mật ong Tản Viên Ba Vì” huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội/ CN.** Nguyễn Tiến Dũng, KS. Nguyễn Văn Ba; Ông Đặng Mạnh Quân; CN. Hoàng Thị Kim Tuyền; Bà Nguyễn Thị Thu Hương; Bà Nguyễn Hải Anh; Bà Hoàng Thị Tâm; ThS. Bùi Phương Thanh; Bà Phạm Thị Thu Trang; Bà Phạm Thu Hà; Ông Bùi Tuấn Anh; Ông Bùi Quang Nguyên; Ông Lương Thế Hùng; Ông Hoàng Minh Huy; Ông Tạ Văn Tường; Bà Phan Thị Anh Thư - Hà Nội - Công ty TNHH tư vấn và phát triển thương hiệu AMC Việt Nam, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện báo cáo phân tích, đánh giá hiện trạng sản xuất, kinh doanh mật ong trên địa bàn huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Hồ sơ đăng ký bảo hộ NHTT được thành lập với đầy đủ các nội dung, tài liệu theo đúng quy định của pháp luật; Văn bằng bảo hộ NHTT “Mật ong Tản Viên Ba Vì” được Cục Sở hữu trí tuệ cấp; Hệ thống văn bản công cụ phương tiện phục vụ công tác quản lý và kiểm soát sản phẩm mang NHTT Mật ong Tản Viên Ba Vì được hoàn thiện, đảm bảo khoa học, đầy đủ thông tin và tính ứng dụng trong thực tiễn; Bộ nhận diện và quảng bá sản phẩm mật ong được hoàn thành mang tính thẩm mỹ cao, tính chuyên nghiệp, có điểm nhấn. Bộ nhận diện diễn tả được mục tiêu, ý nghĩa của sản phẩm; Công cụ quảng bá sản phẩm mang NHTT

“Mật ong Tản Viên Ba Vì” đảm bảo tính ứng dụng cao trong thực tiễn; Báo cáo xây dựng phát triển thị trường cho sản phẩm mang NHTT “Mật ong Tản Viên Ba Vì” đưa ra được phương hướng phát triển thị trường cho sản phẩm mật ong mang NHTT “Mật ong Tản viên Ba Vì” có tính khả thi cao.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-40/ĐK-TTTT&TK

86026.04-2023. **Nâng cao năng lực quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Minh Hồng” cho sản phẩm miến dong xã Minh Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội/** ThS. Bùi Phương Thanh, CN. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Hoàng Thị Kim Tuyền; Ông Đặng Mạnh Quân; ThS. Nguyễn Hải Anh; KS. Nguyễn Văn Ba; ThS. Lê Đình Việt; Bà Hoàng Thị Tâm; Bà Phạm Thị Thu Trang; Ông Lương Thế Hùng; ThS. Tạ Văn Tường; ThS. Đỗ Quang Việt; ThS. Hoàng Minh Huy; Bà Phan Thị Anh Thư - Hà Nội - Công ty TNHH tư vấn và phát triển thương hiệu AMC Việt Nam, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện báo cáo phân tích, đánh giá hiện trạng sản xuất, kinh doanh miến dong trên địa bàn huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Các công cụ quản lý và phát triển Nhãn hiệu tập thể đã được xây dựng, hoàn thành; Hệ thống văn bản công cụ phương tiện phục vụ công tác quản lý và kiểm soát sản phẩm mang NHTT Miến dong Minh Hồng được hoàn thiện, đảm bảo khoa học, đầy

đủ thông tin và tính ứng dụng trong thực tiễn; Bộ nhận diện và quảng bá sản phẩm miến dong được hoàn thành mang tính thẩm mỹ cao, tính chuyên nghiệp, có điểm nhấn. Bộ nhận diện diễn tả được mục tiêu, ý nghĩa của sản phẩm; Công cụ quảng bá sản phẩm mang NHTT “Miến dong Minh Hồng” đảm bảo tính ứng dụng cao trong thực tiễn; Báo cáo xây dựng phát triển thị trường cho sản phẩm mang NHTT “Miến dong Minh Hồng” đưa ra được phương hướng phát triển thị trường cho sản phẩm miến dong mang NHTT “Miến dong Minh Hồng” có tính khả thi cao.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-38/ĐK-TTTT&TK

21102. Kỹ thuật đồ uống

85070.04-2023. **Quy trình chế biến trà thảo dược quy mô phòng thí nghiệm từ nguồn cây dược liệu tại tỉnh Bạc Liêu/** KS. Mã Thị Ngọc Giàu, ThS. Lâm Thành Đắc; KS. Lê Thị Hoàng Trang; Lương y. Trần Hoàng Lên; CN. Mã Hoàng Lộc - Bạc Liêu - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ Thuật tỉnh Bạc Liêu, 2021; 01/2021 - 09/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng quy trình chế biến trà thảo dược quy mô phòng thí nghiệm từ nguồn cây dược liệu thu hái tại tỉnh Bạc Liêu. “Thực nghiệm trồng cây dược liệu trên đất vườn tạp ở huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu”. Đối tượng được trồng thử nghiệm là một số cây dược liệu như Đinh lăng, Chi tử, Nghệ đen. Kết quả của Dự án cho thấy các cây dược liệu nêu trên

phù hợp để trồng trên đất vườn tạp, cho năng suất cao và phù hợp để cải tạo vườn tạp trồng cây dược liệu cho giá trị kinh tế cao. Khảo sát vùng nguyên liệu dược liệu tại tỉnh Bạc Liêu từ tháng 01/2021 đến tháng 9/2021. Khảo sát: Hội Đông y các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, đi thực tế tại một số điểm có trồng cây dược liệu. Nội dung khảo sát: Thu thập thông tin, số liệu và tình hình sử dụng các cây thuốc nam tại địa phương, tính toán sản lượng nguyên liệu dược liệu phục vụ thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: BLU--001-2022

21199. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống khác

86027.04-2023. **Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Bánh tẻ Phú Nhi” phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội/** THS. Vũ Văn Đoàn, ThS. Lê Đức Công; CN. Bùi Thị Vân Thanh; CN. Phạm Ngọc Sang; CN. Đào Thị Hương; KS. Lê Hải Đăng - Hà Nội - Hội Khoa học Phát triển Nông Thôn Việt Nam, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng được quy định quản lý và sử dụng. Triển khai thực hiện nhiều hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm (thiết kế và sử dụng các công cụ quảng bá, giới thiệu sản phẩm với khách hàng và thị trường), kết nối được 2 kênh tiêu thụ mới tại Hà Nội. Bên cạnh thị trường tại chỗ, sản phẩm bánh tẻ đã mở rộng thị trường tiêu thụ tại nội thành Hà Nội thông qua chuỗi siêu thị mini Happy

Mart. Tổ chức được 5 lớp tập huấn cho trên 120 học viên về quản lý và sử dụng, kiểm soát chất lượng sản phẩm, vận hành hệ thống quản lý NHTT “Bánh tẻ Phú Nhi”. Tổ chức được các chuyến theo dõi - đánh giá dự án theo định kỳ nhằm điều chỉnh kịp thời các hoạt động, sử dụng kinh phí phù hợp theo đúng các yêu cầu nội dung và mục tiêu của dự án đã đề ra.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-28/ĐK-TTTT&TK

3. Khoa học y, dược

85934.04-2023. **Đánh giá kết quả điều trị bệnh suy tĩnh mạch chi dưới mạn tính bằng sử dụng năng lượng sóng có tần số Radio tại Khoa Nội tim mạch Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2020-2021/** TS. Nguyễn Thị Thanh Trung, ThS. Vũ Thị Diễm ThS. Nguyễn Thị Hiền; BSNT. Vũ Thị Ánh Tuyết; BS. Lại Tấn Phát; BS. Nguyễn Thị Vỹ; BS. Nguyễn Hồng Quang; BSNT. Nguyễn Văn Thăng; Điều dưỡng CKI Hà Thị Thanh Thủy; Điều dưỡng Đại học Nguyễn Thị Dương - Thái Bình - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân suy tĩnh mạch chi dưới mạn tính điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình. Đánh giá kết quả của phương pháp điều trị suy tĩnh mạch chi dưới mạn tính bằng năng lượng sóng có tần số Radio ở bệnh nhân suy tĩnh mạch chi dưới

mạn tính tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2020-2021. Một số khuyến nghị phòng bệnh và phòng tái phát bệnh suy tĩnh mạch chi dưới mạn tính.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-024

85937.04-2023. **Nghiên cứu đặc điểm kiểu gen cagA, vacA và tính kháng thuốc của chủng vi khuẩn *Helicobacter pylori* ở bệnh nhân viêm loét dạ dày tá tràng tại Thái Bình/** ThS. Trần Thị Như Quỳnh, TS. Nguyễn Ngọc Trung BS. Đỗ Thị Thu Hương; TS. Trần Mạnh Hà; TS. Trần Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Lê Thủy; ThS. Hoàng Thị Thúy Diệu; ThS. Trần Thị Hoa; ThS. Trần Thị Nương; ThS. Phí Trọng Hiếu; ThS. Đặng Thái Tôn; ThS. Nguyễn Văn Hưng - Thái Bình - Trường Đại học Y dược Thái Bình, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định đặc điểm kiểu gen, phân nhóm kiểu gen cagA, vacA của chủng vi khuẩn *Helicobacter pylori* và mối liên quan đến bệnh viêm loét dạ dày tá tràng ở các bệnh nhân khám, điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình năm 2020 - 2021. Đánh giá tình trạng kháng kháng sinh của chủng vi khuẩn *Helicobacter pylori* phân lập được ở các bệnh nhân viêm loét dạ dày tá tràng tại địa điểm nghiên cứu. Đề xuất việc lựa chọn loại kháng sinh sử dụng trong phác đồ điều trị *Helicobacter pylori* tại các bệnh viện của khu vực Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-025

30109. Bệnh học

85955.04-2023. **Nghiên cứu xác định các gen nguy cơ ở bệnh nhân Alzheimer Việt Nam bằng kỹ thuật giải trình tự thế hệ mới./** TS. Giang Hoa, TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ; TS. Trần Công Thắng; S. Nguyễn Hoài Nghĩa; BSCK1. Tống Mai Trang; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Lan; PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Thủy; TS. Đường Thị Hồng Diệp, CN. Nguyễn Thành Luân; CN. Võ Thanh Bình - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Di Truyền Y Học, 2020; 12/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác lập được quy trình làm giàu DNA từ 15 gen mục tiêu liên quan đến bệnh Alzheimer. Thiết kế quy trình giải trình tự thế hệ mới (NGS) với độ sâu hợp lý cho việc xác định từng loại biến thể di truyền. Thiết kế quy trình sinh tin học (Bioinformatics) phù hợp để phân tích kết quả giải trình tự gen thế hệ mới cho bệnh Alzheimer tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: HCM-121-2022

30204. Hệ tim mạch

85072.04-2023. **Đánh giá kết quả đặt máy tạo nhịp tim vĩnh viễn trên bệnh nhân rối loạn nhịp chậm tại bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu/** ThS BS. Đặng Thanh Huyền, PGS TS. Nguyễn Văn Tân; BS CK1. Nguyễn Văn Nhân - Bạc Liêu - Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu, 2021; 01/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Rối loạn nhịp là vấn đề thường gặp trong cấp cứu tim mạch, đặc biệt là rối loạn nhịp chậm dễ gây rối loạn huyết động và dẫn đến tử vong. Block nhĩ thất hoàn toàn, tính riêng ở Hoa Kỳ, tỷ lệ này khoảng 0,02% và trên toàn thế giới vào khoảng 0,04%. Tỷ lệ bệnh lý nhịp chậm tăng dần theo tuổi do sự lão hóa, đồng thời do tỷ lệ thiếu máu cơ tim cũng tăng dần theo độ tuổi. Rối loạn nhịp chậm có thể gây ra nhiều triệu chứng/hoặc suy cơ quan, biến chứng sau cùng của nhịp tim chậm là ngừng tim, đột tử. Những triệu chứng xảy ra do thiếu máu cung cấp cho cơ quan bao gồm mệt mỏi, khó chịu. Giảm cung cấp máu cho những cơ quan khác có thể dẫn đến suy tim, thận và gan. Đánh giá kết quả đặt máy tạo nhịp tim vĩnh viễn trên bệnh nhân rối loạn nhịp chậm tại từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2022 Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu. Mô tả các đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của các bệnh nhân rối loạn nhịp chậm được đặt máy tạo nhịp tim vĩnh viễn. Khảo sát các thông số liên quan đến chỉ định và kỹ thuật đặt máy tạo nhịp tim vĩnh viễn. Đánh giá kết quả và các biến chứng của đặt máy tạo nhịp điều trị bệnh nhân rối loạn nhịp chậm.

Số hồ sơ lưu: BLU-02-2022

85993.04-2023. **Xác định các biến thể trên các gene liên quan đến bệnh cơ tim giãn nở ở bệnh nhân Việt Nam bằng kỹ thuật giải trình tự DNA thế hệ mới/ PGS TS Hồ Huỳnh Thủy Dương, PGS TS BS Phạm Nguyễn Vinh; TS Nguyễn Thụy Vy; TS BS Trần Vũ Minh**

Thu; BS Huỳnh Thanh Kiều; TS Thái Kế Quân; ThS Huỳnh Nhã Vân; CN Lê Ngọc Hồng Phượng; CN Lê Lan Anh; CN Nguyễn Tấn Huy - Tp. Hồ Chí Minh - Khoa Y, ĐHQG-HCM, 2021; 12/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu nhận dữ liệu giải trình tự của gene liên quan đến DCM di truyền của các BN Việt Nam và một số thân nhân. Xây dựng bộ tài liệu mẫu trả kết quả, thông tin về bệnh và ý nghĩa xét nghiệm, tài liệu TVDT. Xác định mối liên hệ (nếu có) giữa các biến thể ghi nhận được và các yếu tố lâm sàng, cận lâm sàng ở BN DCM tham gia nghiên cứu. Xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ về các biến thể liên quan DCM di truyền ở các BN tham gia nghiên cứu. Xác định các biến thể trên các gene có liên quan đến DCM bằng kỹ thuật NGS và nghiên cứu mối liên hệ giữa các biến thể và các yếu tố lâm sàng, cận lâm sàng ở BN DCM Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: HCM-142-2022

30206. Huyết học và truyền máu

85989.04-2023. **Khảo sát bệnh tồn lưu tối thiểu trong bệnh Bạch cầu cấp dòng lympho B ở trẻ em./ TS. BS. Nguyễn Phương Liên, Phan Thị Xinh; Võ Thị Thanh Trúc; Hoàng Thị Tuệ Ngọc; Huỳnh Nghĩa; Đặng Quốc Nhi; Nguyễn Hồng Diệp; Cao Văn Động; Phan Nguyễn Thanh Vân; Nguyễn Tấn Bình; Phù Chí Dũng - Tp. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Truyền máu huyết học, 2021; 04/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu sử dụng cả 03 kỹ thuật trên để đánh giá BTLTT cho các trẻ em BCCDL-B nhằm với mục tiêu tổng quát “Xác định BTLTT sau các giai đoạn điều trị theo phác đồ Fralle 2000 ở bệnh BCCDL-B trẻ em”. Trong đó, các mục tiêu cụ thể được xác định như sau: Xác định tỷ lệ BTLTT dương và BTLTT âm bằng kỹ thuật tế bào dòng chảy dựa trên các dấu ấn bề mặt tế bào. Xác định tỷ lệ BTLTT dương và BTLTT âm bằng kỹ thuật RQ-PCR dựa vào tổ hợp gen MLL-AF4, E2A-PBX1, BCR-ABL và TEL-AML1. Xác định tỷ lệ BTLTT dương và BTLTT âm bằng kỹ thuật RQ-PCR dựa vào tái sắp xếp gen Ig-TCR. Đánh giá đáp ứng điều trị và tỷ lệ tái phát sớm và rất sớm sau khi kết thúc điều trị giai đoạn tăng cường II của phác đồ Fralle 2000.

Số hồ sơ lưu: HCM-139-2022

30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật)

85967.04-2023. **Kết quả phẫu thuật nội soi có robot hỗ trợ trong ung thư trực tràng và ung thư tuyến tiền liệt/** PGS. TS. Trần Vĩnh Hưng, GS.TS.BS. Nguyễn Phúc Cẩm Hoàng; BS. CKII. Hoàng Vĩnh Chúc; PGS.TS.BS. Vũ Lê Chuyên; GS. Văn Tàn; ThS BS. Nguyễn Phúc Minh; BS CK II Nguyễn Ngọc Bình; PGS.TS.BS. Tăng Kim Hồng; ThS. BS. Lê Nguyễn Minh Hoàng; BS. CKII Nguyễn Phú Hữu - Tp. Hồ Chí Minh - Bệnh Viện Bình Dân, 2021; 12/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bệnh viện Bình Dân là bệnh viện đầu tiên của Việt Nam áp dụng

PTRB trên người lớn trong phẫu thuật Ngoại Tổng quát và Ngoại Tiết niệu. Sự phát triển của PTRB trên thế giới đã dần được khẳng định về tính an toàn và hiệu quả, PTRB ở Việt Nam tuy tiến hành muộn hơn, nhưng được thừa hưởng kết quả từ những nghiên cứu trên thế giới. Điều này có thể giúp cho các phẫu thuật viên Việt Nam rút ngắn đường cong học tập. Ngoài ra do thể hình của người Việt Nam với khung chậu hẹp càng cho thấy rõ ưu thế của PTRB so với PTNS kinh điển hoặc mổ mở ở vùng chậu. Trong phạm vi cả nước, đây là nghiên cứu đầu tiên về PTRB tiến hành trên quần thể dân số người lớn Việt Nam, do đó sẽ không tránh khỏi những khó khăn trong bước đầu áp dụng như: bệnh nhân chưa hiểu rõ về phương pháp phẫu thuật, phẫu thuật viên cần có thời gian hoàn thành đường cong học tập, chi phí cho cuộc phẫu thuật còn cao, bảo hiểm y tế chưa chi trả ...

Số hồ sơ lưu: HCM-128-2022

85996.04-2023. **Ứng dụng phẫu thuật laser vi phẫu qua đường miệng trong điều trị ung thư thanh quản tầng thanh môn giai đoạn sớm/** PGS.TS.BS. Trần Phan Chung Thủy, - Tp. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. HCM, 2021; 01/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô tả đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân ung thư thanh quản tầng thanh môn giai đoạn sớm. Đánh giá hiệu quả của phương pháp phẫu thuật laser vi phẫu qua đường miệng trong bệnh lý ung thư thanh

quản tăng thanh môn giai đoạn sớm. Đánh giá bảo tồn chức năng thanh quản sau phẫu thuật laser vi phẫu qua đường miệng trong bệnh lý ung thư thanh quản tăng thanh môn giai đoạn sớm.

Số hồ sơ lưu: HCM-145-2021

30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hooomon)

86064.04-2023. **Thực trạng và hiệu quả can thiệp chế độ ăn, hoạt động thể lực nhằm cải thiện một số yếu tố của Hội chứng chuyển hóa ở người trưởng thành tại tỉnh Thái Bình/ BSCCKII.** Nguyễn Văn Thơm, TS. Phạm Thị Dung ThS. Phạm Thị Vân Anh; ThS. Đỗ Xuân Cấp; ThS. Lê Thị Hồng Nhung; ThS. Phạm Thị Thu Hà; ThS. Đỗ Thiện Khuyến; ThS. Phạm Thị Kiều Chinh; ThS. Đỗ Thị Thu Hiền; ThS. Bùi Thị Minh Thúy - Thái Bình - Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Thái Bình, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng hội chứng chuyển hóa (HCCH) và các yếu tố liên quan ở người trưởng thành từ 25-64 tuổi tại tỉnh Thái Bình năm 2020. Xác định hiệu quả can thiệp điều chỉnh chế độ ăn, hoạt động thể lực để cải thiện một số yếu tố của hội chứng chuyển hóa ở người trưởng thành từ 45-64 tuổi tại tỉnh Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-028

30219. Tiêu hoá và gan mật học

86085.04-2023. **Nghiên cứu sản xuất sản phẩm “Trung hòa vị” và**

đánh giá tác dụng trong điều trị hội chứng dạ dày - tá tràng có Helicobacter pylori (+) tại Bệnh viện Đại học Y Dược Thái Bình/ TS. Đỗ Quốc Hương, TS. Vũ Thị Bình Phương PGS. TS. Phạm Thị Vân Anh; TS. Mai Phương Thanh; TS. Đậu Thùy Dương; TS. Vũ Duy Tùng; TS. Vũ Thanh Bình; TS. Bùi Thị Bình; ThS. Lưu Thị Trang Ngân; ThS. Nguyễn Phan Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Bùi Thị Thao; TS. Nguyễn Minh Phúc; DS. Đoàn Thị Minh Huệ - Thái Bình - Trường Đại học Y dược Thái Bình, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Viêm loét dạ dày, hành tá tràng là bệnh lý đường tiêu hóa phổ biến trên toàn thế giới. Để điều trị hiệu quả viêm loét dạ dày, tá tràng do *H. pylori*, phác đồ được sử dụng là phối hợp nhiều loại kháng sinh kết hợp với tiết dịch vị. Việc nghiên cứu các thuốc mới từ dược liệu đang là hướng đi được nhiều nhà khoa học quan tâm, giúp thầy thuốc và người bệnh có thêm sự lựa chọn trong điều trị mang lại hiệu quả cao, an toàn. Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất và sản xuất sản phẩm “Trung hòa vị” đưa vào nghiên cứu thực nghiệm và thử nghiệm lâm sàng. Đánh giá tác dụng của sản phẩm “Trung hòa vị” trên thực nghiệm và trên lâm sàng.

Số hồ sơ lưu: TBH-2022-032

86181.04-2023. **Đánh giá kết quả Phẫu thuật nội soi điều trị viêm phúc mạc ruột thừa ở người cao tuổi tại Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu, từ ngày 01 tháng 01 năm**

2021 đến ngày 30 tháng 10 năm 2021./ BS CKII. Trần Văn Triệu, BS. Đỗ Tấn Lộc. - Bạc Liêu - Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu, 2021; (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi điều trị viêm phúc mạc do ruột thừa ở người cao tuổi tại Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu có bệnh cảnh lâm sàng đa dạng. Phẫu thuật nội soi điều trị viêm phúc mạc ruột thừa là phương pháp có độ an toàn cao, khả thi và đáng tin cậy.

Số hồ sơ lưu: BLU-06-2022

30220. Niệu học và thận học

86074.04-2023. **Nghiên cứu đánh giá hiệu quả sử dụng muối natri hàm lượng thấp cho người bệnh suy thận mạn khám và điều trị tại Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2020-2021/** ThS. BS. Lê Thị Thanh Phương, TS. Trần Khánh Thu ThS. Vũ Thị Loan; TS. Trần Thị Vân Anh; TS. Trần Mạnh Hà; ThS. Nguyễn Đức Tuấn; BS. Phạm Thị Lan; CN. Bùi Thị Lan; PGS. TS. Trần Minh Hậu; ThS. Nguyễn Thị Kim Dung; ThS. Phạm Thị Kiều Chinh; Điều dưỡng viên Nguyễn Thị My; BSCKI. Lê Thị Hương - Thái Bình - Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, 2021; 01/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và tình trạng dinh dưỡng, đặc điểm khẩu phần ăn của người bệnh suy thận mạn khám và điều trị

tại Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình. Mô tả lượng natri tiêu thụ thông qua đánh giá lượng natri niệu 24h của bệnh nhân. Xây dựng khẩu phần ăn có sử dụng muối natri hàm lượng thấp và đánh giá hiệu quả thực hiện cho người bệnh suy thận mạn khám và điều trị tại Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-027

86101.04-2023. **Khảo sát tình hình sử dụng thuốc hạ áp trên bệnh nhân chạy thận nhân tạo tại Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu, từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 5 năm 2020./** DS CKI. Hồ Hải Đăng, - Bạc Liêu - Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu, 2021; (Đề tài cấp Cơ sở)

Bệnh thận mạn là vấn đề sức khỏe có tính toàn cầu, là một trong những bệnh lý nội khoa có nhiều biến chứng trầm trọng, có tỷ lệ tử vong cao khi bệnh tiến triển đến giai đoạn cuối (ERSD). Tăng huyết áp là yếu tố nguy cơ chính của tổn thương tim mạch và bệnh thận. Ngược lại, bệnh thận mạn là nguyên nhân thường gặp nhất gây tăng huyết áp thứ phát. Khảo sát đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân chạy thận nhân tạo tại Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu. Đặc điểm lâm sàng: Huyết áp bệnh nhân tại thời điểm nhập viện, chỉ số BMI, bệnh lý phối hợp (thiếu máu, viêm loét dạ dày – tá tràng, đái tháo đường type 2, thiếu máu cục bộ cơ tim mạn, rối loạn lipid máu, suy tim), tần suất chạy

thận, có hay không có sử dụng erythropoietin.

Số hồ sơ lưu: BLU-04-2022

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

85977.04-2023. **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới trong khảo sát đột biến gen ở bệnh nhân ung thư đại trực tràng trẻ tuổi/** TS. Nguyễn Hữu Thịnh, Đỗ Đức Minh; Trần Diệp Tuấn; Nguyễn Hoài Nghĩa; Đỗ Thị Thanh Thủy; Huỳnh Thanh Tuấn; Nguyễn Hoàng Bắc; Hoàng Anh Vũ; Lê Thái Khương; Nguyễn Thế Vinh - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 05/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới cho nhóm gen thường bị đột biến trong ung thư đại trực tràng. Mô tả phổ đột biến sinh dưỡng và khảo sát mối tương quan của các đột biến gen với các đặc điểm lâm sàng, giải phẫu bệnh ở bệnh nhân ung thư đại trực tràng trẻ tuổi. Mô tả các đột biến mầm và khảo sát tình trạng mang gen đột biến ở người cùng huyết thống của bệnh nhân ung thư đại trực tràng trẻ tuổi dựa trên các đột biến mầm đã được phát hiện, nhằm tư vấn tầm soát phát hiện sớm ung thư. Ứng dụng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới để khảo sát đột biến gen ở bệnh nhân ung thư đại trực tràng trẻ tuổi

Số hồ sơ lưu: HCM-133-2022

86075.04-2023. **Đánh giá kết quả điều trị ung thư biểu mô tế bào gan bằng phương pháp nút động mạch hóa chất dưới máy số hóa xóa nền (DSA) tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2020-2021/** ThS. Lê Hoàng Anh, ThS. Đào Thị Oanh ThS. Nguyễn Đức Thái; BSCCKII. Nguyễn Phúc Kiên; BSCCKII. Lê Thị Hồng Thúy; BS. Đào Văn Lý; ThS. Bùi Hải Nam; KTV. Nguyễn Xuân Chính; KTV. Đỗ Văn Mạnh; KTV. Trần Ngọc Lược; KTV. Ngô Văn Trung. - Thái Bình - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, 2021; 02/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và 1 số yếu tố liên quan của bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2020-2021. Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan bằng phương pháp nút động mạch hóa chất tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-026

30229. Y học bổ trợ và kết hợp

78804.04-2023. **Ứng dụng phẫu thuật lấy sỏi thận qua da tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương/** Ths. BSCCKII Nguyễn Duy Đông, ThS Vũ Minh Ủy; BSCCKI. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS Vũ Quốc Thịnh; BSCCKI Đỗ Hải Hùng; BSCCKI Tăng Bá Mạnh; BSCCKI Nguyễn Thế Linh - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương, 2020; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng phẫu thuật lấy sỏi thận qua da đường hầm nhỏ dưới hướng dẫn siêu âm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương. Hoàn thiện quy trình phẫu thuật lấy sỏi thận qua da đường hầm nhỏ dưới hướng dẫn siêu âm phù hợp với điều kiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương. Áp dụng và đánh giá kết quả điều trị sỏi thận bằng phẫu thuật lấy sỏi qua da đường hầm nhỏ dưới hướng dẫn của siêu âm trên cơ sở điều kiện của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 02HD.2020

30231. Y học dân tộc; y học cổ truyền

85781.04-2023. **Nghiên cứu quy trình chiết xuất dầu béo từ hạt Tía tô và sản xuất viên nang mềm hỗ trợ điều trị rối loạn chuyển hóa lipid máu/** TS. Trần Bá Kiên, TS. Trần Bá Kiên ; TS. Nguyễn Thị Đông; ThS Dương Ánh Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nhài; TS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Đỗ Văn Khái; ThS. Phạm Thị Hằng. - Hải Dương - Trường Cao đẳng Dược trung ương – Hải Dương, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu quy trình chiết xuất dầu béo từ hạt Tía tô và sản xuất viên nang mềm hỗ trợ điều trị rối loạn chuyển hóa lipid máu. Đồng thời Xây dựng được Sơ đồ quy trình chiết xuất dầu béo từ hạt Tía tô trên địa bàn tỉnh Hải Dương, xây dựng được công thức và sản xuất thử viên nang mềm từ dầu béo hạt Tía tô.

Tiến hành nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật chiết xuất dầu béo từ hạt Tía tô và sản xuất viên nang mềm. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy dầu béo hạt Tía tô có tác dụng tốt trong hỗ trợ điều trị rối loạn chuyển hóa lipid máu, không có biểu hiện độc tính cấp và không gây độc tính bán trường diễn, an toàn và hiệu quả khi sử dụng lâu dài trong hỗ trợ điều trị rối loạn chuyển hóa lipid máu.

Số hồ sơ lưu: 13

30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)

85510.04-2023. **Giải pháp nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra thực hiện chính sách bảo hiểm y tế tại cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế/** ThS. Nguyễn Thu Hương, CN. Nguyễn Thị Bích Hằng; BS. Lý Huệ Anh; ThS. Đoàn Thùy Dung; CN. Lê Trọng Toàn; BS. Nguyễn Minh Hiền; BS. Lý Thị Huệ; ThS. Vũ Minh Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Tám; BS. Đỗ Thu Hà - Hà Nội - Vụ Thanh tra - Kiểm tra, 2022; 03/2020 - 07/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa những vấn đề cơ bản trong công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách BHYT. Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu lực công tác kiểm tra thực hiện chính sách BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh. Phân tích, đánh giá thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách BHYT. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra thực hiện chính sách BHYT

tại các cơ sở KCB, góp phần nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, kiểm tra của ngành BHXH nhằm kiểm soát, quản lý, sử dụng quỹ BHYT hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 21070

30399. Các vấn đề y tế khác

86073.04-2023. **Nghiên cứu ứng dụng phần mềm quản lý sự cố y khoa tại các bệnh viện của tỉnh Thái Bình, năm 2020-2021/** BSCCKII. Đỗ Mạnh Dũng, ThS. Nguyễn Hữu Thiện; BSCCKII. Vũ Thanh Liêm; BSCCKII. Trần Trọng Kiêm; ThS. Nguyễn Văn Quý; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Phan Trọng Luân; ThS. Tống Đức Thuận; BSCCKI. Trần Thị Quỳnh Anh; CN. Nguyễn Thị Thu Thảo - Thái Bình - Bệnh viện Nhi Thái Bình, 2021; 02/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Quản lý sự cố y khoa cũng chính là quản lý được các nguy cơ gây mất an toàn tại bệnh viện. Khi tình huống/nguy cơ gây ra sự cố y khoa có ảnh hưởng đến người bệnh, nhân viên y tế, đến trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, ... được ngăn chặn kịp thời tức là sẽ không có hoặc sự cố có thể xảy ra nhưng hậu quả của nó đã được kiểm soát và nhẹ hơn rất nhiều. Đánh giá tình hình quản lý sự cố y khoa tại các bệnh viện của tỉnh Thái Bình. Xác định hiệu quả ứng dụng phần mềm quản lý sự cố y khoa tại các bệnh viện của tỉnh Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-023

86065.04-2023. **Đánh giá kết quả phục hồi chức năng cho bệnh**

nhân sau đột quỵ não tại Bệnh viện Phục hồi chức năng Thái Bình năm 2020-2021/ ThS. BSCCKII. Phạm Quang Lịch, ThS. Nguyễn Quỳnh Hoa BSCCKI. Trần Văn Khương; ThS. BSCCKII. Tạ Thúy Loan; BSCCKI. Nguyễn Thái Sinh; BSCCKI. Vũ Duy Thụ; BS. Phạm Ngọc Biên; CN. Phạm Thị Tươi; CN. Phạm Thị Thảo; CN. Nguyễn Thị Luyên; DS. Đặng Thị Văn Anh; ThS. Lê Thị Thúy Nhân - Thái Bình - Bệnh viện Phục hồi chức năng Thái Bình, 2021; 01/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định nhu cầu phục hồi chức năng và tìm hiểu một số yếu tố liên quan của người bệnh đột quỵ não tại Bệnh viện Phục hồi chức năng Thái Bình năm 2020; Xây dựng phác đồ điều trị phục hồi chức năng cho bệnh nhân đột quỵ não áp dụng thực hiện tại Bệnh viện Phục hồi chức năng. Đánh giá kết quả phục hồi chức năng vận động, sinh hoạt của người bệnh tại Bệnh viện Phục hồi chức năng Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-021

30402. Dược học lâm sàng và điều trị

85941.04-2023. **Xây dựng quy trình sản xuất chế phẩm muối thảo dược ngâm chân của muối sản xuất tại Cần Giờ/** Th. Lê Đặng Tú Nguyên, - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học và Công nghệ Dược Sài Gòn, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu phân tích đặc tính (hóa học, cơ lý) của bán thành phẩm và thành phẩm muối Cần Giờ; Xây dựng 4 công thức muối thảo dược ngâm chân; Thử nghiệm kích ứng da trên chuột trắng và đánh giá điểm số chất lượng sống của muối thảo dược ngâm chân trên người tình nguyện; Khảo sát mức độ hài lòng của người tiêu dùng về sản phẩm muối thảo dược ngâm chân; Điều chỉnh công thức, xây dựng quy trình sản xuất muối quy mô pilot và tiêu chuẩn hóa sản phẩm muối thảo dược ngâm chân; Đề xuất phương án chuyển giao công nghệ để thương mại hóa sản phẩm muối thảo dược ngâm chân

Số hồ sơ lưu: HCM-159-2022

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

78988.04-2023. **Nghiên cứu bào chế viên nang cứng có tác dụng hạ huyết áp của phân đoạn từ các loại hòe hoa (*Flos *Stypholbii japonnici**) được chế biến theo y học cổ truyền/** TS. Đinh Thị Diệu Hằng, TS. Trần Quang Cảnh; ThS Đỗ Thị Kim Oanh; PGS.TS Nguyễn Quốc Huy; ThS Trần Thị Thu Hiền; PGS.TS Vũ Đình Chính; GS.TS Nguyễn Công Khẩn; TS. Nguyễn Phương Thảo; DS Lê Thiên Kim; DS Đặng Văn Việt - Trường đại học kỹ thuật Y tế Hải Dương - Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, 2020; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hàm lượng quercetin, rutin của các phân đoạn của các loại

hòe hoa được chế biến theo y học cổ truyền. Đánh giá tác dụng hạ huyết áp của các phân đoạn của các loại hòe hoa được chế biến theo y học cổ truyền. Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hòe hoa được lựa chọn theo Dược điển Việt Nam V. Nghiên cứu bào chế cao định chuẩn từ nguyên liệu tiêu chuẩn. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cao định chuẩn. Đánh giá độc tính cấp của cao định chuẩn. Đánh giá độc tính bán trường diễn của cao định chuẩn. Nghiên cứu bào chế viên nang cứng từ cao định chuẩn. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở viên nang cứng. Đánh giá độ ổn định của viên nang cứng.

Số hồ sơ lưu: 17HD.2020

85648.04-2023. **Nghiên cứu quy trình chiết xuất cao giàu hàm lượng Lignans từ diệp hạ châu đắng/** ThS. Đào Anh Hoàng, ThS. Đào Anh Hoàng TS Hoàng Đức Mạnh; DS Nguyễn Thị Thu Hoài; ThS Phan Thị Phương; TS Hoàng Lê Sơn; TSKH Nguyễn Minh Khởi; TS Lê Thị Kim Vân; ThS Nguyễn Văn Khanh; DS Xa Thị Phương Thảo; DS Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Hải Dương - Viện Dược Liệu, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình chiết xuất cao giàu hàm lượng lignans từ diệp hạ châu đắng quy mô 100kg/mẻ, phù hợp với điều kiện trang thiết bị tại đơn vị dự kiến ứng dụng tại tỉnh. Đã xây dựng được quy trình và triển khai sản xuất viên nén bao phim giàu hàm lượng lignans từ diệp hạ châu đắng. Đối với doanh

nghiệp: tìm hiểu thị trường, áp dụng kết quả đề tài vào triển khai sản xuất kinh doanh. Liên kết xây dựng các vùng trồng nguyên liệu đạt GACP.

Số hồ sơ lưu: 02

85911.04-2023. **Xác định hoạt chất chống viêm trong dược liệu hy thiêm (*Siegesbeckia orientalis* L.) để nghiên cứu nâng cao hiệu suất chiết xuất hoạt chất từ dược liệu và nâng cấp tiêu chuẩn của các sản phẩm chứa hy thiêm/ PGS.** TS. Phương Thiện Thương, TS. Nguyễn Đức Hùng; TS. Vũ Văn Hà; ThS. Phạm Giang Nam; DS. Ngô Minh Khoa; KS. Bùi Lê Hoàng; ThS. Lê Hồng Oanh; BS. Đỗ Diệu Linh; TS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo; DS. Hoàng Thục Oanh; DS. Nguyễn Thị Linh; ThS. Hoàng Hương Diễm - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc, 2022; 07/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định hoạt chất chính của dược liệu Hy thiêm trồng và thu hái tại Việt Nam. Xây dựng quy trình chiết xuất cao giàu hoạt chất từ Hy thiêm Việt Nam. Xây dựng tiêu chuẩn cho dược liệu Hy thiêm và cao định chuẩn Hy thiêm (bán thành phẩm). Từ đó đưa ra một công cụ kiểm soát tốt chất lượng dược liệu, sản phẩm, đồng thời đưa ra được quy trình chiết xuất và làm giàu hoạt chất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 21238

85957.04-2023. **Nghiên cứu tạo sản phẩm có tác dụng chống lão hóa da từ hoạt chất astaxanthin**

được chiết xuất từ vi tảo *Haematococcus pluvialis*/ ThS. Tô Minh Quân, - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiệu quả thu nhận astaxanthin bằng dung môi dầu thực vật như dầu dừa, dầu *Sacha inchi*, dầu hạt nho. Đánh giá vai trò phục hồi của astaxanthin đối với tế bào da đã lão hóa trong điều kiện in vitro ở các nồng độ từ 0 – 5 µg/ml. Đánh giá hiệu quả ngăn ngừa lão hóa da của astaxanthin dạng thoa với 2,35 µg/cm² trên mô hình chuột *Mus musculus*.

Số hồ sơ lưu: HCM-122-2022

85961.04-2023. **Khảo sát tác dụng hỗ trợ điều trị sỏi tiết niệu của cao chiết từ quả Chuối hột (*Musa balbisiana* Colla)/ ThS.** Lý Hải Triều, Lê Văn Minh; Lâm Bích Thảo; Hà Quang Thanh; Lê Đức Thanh; Nguyễn Nhật Minh - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát tác dụng lợi tiểu của cao chiết tiềm năng từ quả Chuối hột trên mô hình chuột cống trắng bình thường. Kết quả cho thấy cao chiết tiềm năng từ quả Chuối hột liều 0,8 và 1,6 g/kg sau 7 ngày uống có tác dụng lợi tiểu thông qua làm tăng thể tích nước tiểu và nồng độ các ion điện giải (Na⁺, K⁺, Cl⁻). Hơn nữa, trên mô hình chuột cống trắng gây sỏi tiết niệu bởi ethylen glycol, cao

chiết tiềm năng từ quả Chuối hột liều 0,8 và 1,6 g/kg sau 28 ngày uống có tác dụng hỗ trợ điều trị sỏi tiết niệu; trong đó, cao chiết liều 1,6 g/kg có tác dụng điển hình hơn thông qua làm tăng thể tích nước tiểu, tăng nồng độ magie nước tiểu, giảm nồng độ calci nước tiểu, giảm nồng độ phospho, urea, creatinin máu và cải thiện mô bệnh học thận đáng kể so với lô bệnh lý. Các kết quả của đề tài cung cấp những dữ liệu khoa học tin cậy, làm tiền đề cho việc định hướng nghiên cứu và phát triển quả Chuối hột trong hỗ trợ điều trị bệnh.

Số hồ sơ lưu: HCM-124-2022

86003.04-2023. **Nghiên cứu bào chế sản phẩm giảm đau chứa nano cao ớt/** TS. Võ Đỗ Minh Hoàng, PGS. TS. Nguyễn Đại Hải; PGS. TS. Lê Tiến Dũng; PGS. TS. Trần Phi Hoàng Yên; TSKH. Hoàng Ngọc Anh; TS. Bùi Thị Kim Lý; TS. Trần Lê Tuyết Châu; TS. Huỳnh Trúc Thanh Ngọc; TS. Nguyễn Quốc Thiết; PGS. TS. Trần Ngọc Quyên - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng, 2021; 12/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bào chế gel giảm đau chứa nano capsaicinoid có hiệu quả tương đương hoặc tốt hơn sản phẩm đối chiếu trên thị trường, đáp ứng được độ an toàn và giá thành phù hợp. Tổng quan tài liệu. Xây dựng quy trình chiết xuất cao ớt ở quy mô 5 kg nguyên liệu/mẻ. Xác định thành phần hóa học của cao ớt. Nghiên cứu hóa lý thiết lập công thức sản phẩm và ổn định các nguyên liệu đầu vào.

Xây dựng quy trình điều chế nano chứa cao ớt. Nâng cỡ lô quy trình điều chế sản phẩm nano chứa cao ớt trên quy mô 5kg/lô. Nghiên cứu phát triển sản phẩm gel giảm đau chứa nano cao ớt. Thử nghiệm và đánh giá tính an toàn và tác dụng giảm đau tại chỗ của thành phẩm. Đánh giá độ ổn định của cao ớt và các thành phẩm.

Số hồ sơ lưu: HCM-147-2022

86004.04-2023. **Nghiên cứu nhân sinh khối rễ tơ cây Bá bệnh (*Eurycoma longifolia*) bằng bioreactor hướng đến sản xuất quy mô lớn./** TS. Phan Tường Lộc, ThS. Hoàng Văn Dương; TS. Bùi Đình Thạch; CN. Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú; ThS. Trần Thị Linh Giang; KTV. Huỳnh Thị Kim Hoàng - Tp. Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2021; 06/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình tạo rễ tơ thông qua sự cảm ứng biến nạp gen bởi vi khuẩn *Agrobacterium rhizogenes*. Các dòng rễ tơ sẽ được chọn lọc dựa trên chỉ tiêu tăng trưởng sinh khối và tích lũy eurycomanone để làm vật liệu nuôi cấy. Đây cũng là hai chỉ tiêu để tiếp tục tiếp tục xác định các thông số về môi trường, đường, thời gian nuôi, chất cảm ứng, mức độ sục khí phù hợp khi nuôi rễ hiệu quả trong bioreactor 20l, làm cơ sở cho các quy mô sản xuất mong muốn.

Số hồ sơ lưu: HCM-148-2021

30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật

(hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc

85433.04-2023. **Nghiên cứu phát triển chip sinh học đếm tế bào lympho T CD4+ để đánh giá mức độ suy giảm miễn dịch sử dụng công nghệ nano và hệ vi lưu/PGS.** TS. Nguyễn Hoàng Nam, GS.TSKH. Nguyễn Hoàng Lương; PGS.TS. Trần Thị Hồng; TS. Lưu Mạnh Quỳnh; GS.TS. Chử Đức Trình; PGS.TS. Bùi Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Minh Hiếu; PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh; TS. Phạm Thị Thu Hường; TS. Lê Thị Hội - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 01/2018 - 01/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá mức độ suy giảm miễn dịch sử dụng công nghệ nano và chip vi lưu được đưa ra dựa trên nhu cầu thực tế về việc cần thiết phải có một thiết bị nhỏ gọn với giá thành không cao để có thể sử dụng đại trà đối với những người nghi nhiễm, bệnh nhân đang điều trị các bệnh về suy giảm miễn dịch. Một thiết bị như thế này hiện nay cũng chưa có trên thế giới và do đó có tiềm năng rất lớn trong khả năng thương mại hóa sau khi đưa vào thực tiễn. Phương pháp đếm tế bào sử dụng chip vi lưu và hiệu ứng điện hiện cũng đang là một phương pháp mới, được phát triển để có thể đếm được từng tế bào. Các vật liệu nano đa chức năng nghiên cứu trong đề tài cũng là một hướng hiện đại của khoa học công nghệ nano trên thế giới; việc sử dụng hạt nano đa chức năng trong đề tài nhằm làm tăng hiệu quả gắn kết với kháng thể và tách lọc đặc hiệu để tăng tính

chính xác của chip sinh học đếm tế bào T CD4+ cũng là một điểm mới, sáng tạo của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 21054

30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (được phẩm trên cơ sở gen

85537.04-2023. **Phân tích đột biến gen và mối quan hệ kiểu gen – kiểu hình trong bệnh não động kinh bằng giải trình tự toàn bộ vùng mã hóa/** TS. Đỗ Thị Thu Hằng, TS. Giang Hoa; TS.BS. Nguyễn Lê Trung Hiếu; ThS.BS. Huỳnh Thị Thúy Kiều; TS. Nguyễn Hải Hà; ThS. Huỳnh Thị Diệu Hiền; CN. Nguyễn Đăng Thành An - Tp. Hồ Chí Minh - Khoa Y - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 12/2018 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu được dự kiến tiến hành trên nhóm đối tượng 80 trẻ em được chẩn đoán mắc các hội chứng bệnh não động kinh tại bệnh viện Nhi Đồng 2, Tp.HCM. Nội dung nghiên cứu bắt đầu từ việc tuyển chọn các bệnh nhân mắc bệnh não động kinh và phân loại thành từng nhóm hội chứng. Các bệnh nhân đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu sẽ được thực hiện giải trình tự toàn bộ vùng mã hóa (WES) trên hệ thống NextSeq 500 (Illumina), một trong những hệ thống phổ biến và phù hợp đối với WES hiện nay. Dữ liệu thu được sẽ được phân tích bằng các

công cụ tin sinh học phổ biến và đáng tin cậy. Các biến thể tìm thấy sẽ được kiểm tra lại bằng Sanger sequencing và phân loại khả năng gây bệnh dựa trên tiêu chuẩn mới nhất của American College of Medical Genetics and Genomics (ACMG). Cuối cùng là tính toán hiệu quả chẩn đoán của WES và phân tích các mối quan hệ kiểu gen - kiểu hình.

Số hồ sơ lưu: 21078

399. Khoa học y, dược khác

86022.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Dược liệu Sóc Sơn” huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội/** CN. Lương Thị Yến, CN. Vũ Thị Phương; CN. Vũ Thị Hồng Phương; ThS. Lê Kinh Hải; CN. Nguyễn Thị Hiền; CN. Lê Thế Khắc; KS. Nguyễn Mạnh Tuấn; CN. Lê Thanh Kiên; CN. Lê Kinh Bình; CN. Nguyễn Thị Phương - Hà Nội - Công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoạt động quản lý, sử dụng tài chính luôn tuân thủ các quy định hiện hành của Trung ương và thành phố Hà Nội áp dụng cho dự án, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ, tuân thủ các quy định về hoạt động mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của luật đấu thầu, đảm bảo khách quan, đúng tiến độ. Dự án đã góp phần thực hiện thành công Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của thành phố Hà Nội giai đoạn 2019 - 2020; Dự án đã góp phần tích cực trong việc phát triển bền vững

mô hình kinh tế tập thể (HTX) và người dân sản xuất và kinh doanh dược liệu trên địa bàn huyện Sóc Sơn. Dự án được đơn vị chủ trì, chủ nhiệm dự án, các thành viên thực hiện nghiêm túc và hoàn thành kế hoạch theo yêu cầu.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-20/ĐK-TTTT&TK

86023.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Dược liệu và thuốc nam Ba Vì” huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội/** THS. Nguyễn Hải Anh, CN. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Nguyễn Thị Kim Trang; KS. Nguyễn Văn Ba; CN. Phạm Thu Hà; CN. Nguyễn Thị Phúc; CN. Nguyễn Tiến Dũng; CN. Hoàng Thị Tâm; ThS. Hoàng Minh Huy; Ông Lương Thế Hùng; Bà Phan Thị Anh Thư; Ông Đặng Mạnh Quân; Bà Phạm Thị Thu Trang - Hà Nội - Công ty TNHH tư vấn và phát triển thương hiệu AMC Việt Nam, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo dựng cơ sở pháp lý và khoa học để định hướng nghề truyền thống sản xuất và kinh doanh dược liệu và thuốc nam nơi đây dần đi vào nề nếp và theo hướng chuyên nghiệp, từng bước đảm bảo đáp ứng các quy định hiện hành của Nhà nước về sản xuất và kinh doanh dược liệu và thuốc nam. Các cơ sở căn bản cho việc phát triển NHTT sau này cũng được tạo lập để phát triển nghề truyền thống này cũng như sản phẩm dược liệu và thuốc nam sau này. Góp phần chuyển đổi tư duy, nhận thức và từng bước đạt

hiệu quả tuyên truyền vận động các cộng đồng đồng bào thiểu số tại Ba Vì trong việc sản xuất thuốc nam và dược liệu.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-39/ĐK-TTTT&TK

4. Khoa học nông nghiệp

85595.04-2023. **Xây dựng mô hình trồng dưa lưới theo hướng an toàn trong nhà màng sử dụng công nghệ tưới nhỏ giọt tại tỉnh Trà Vinh/** KS. Lê Thị Ngọc Loan, ThS. Huỳnh Văn An; KS. Nguyễn Minh Thọ; KS. Ngô Chí Thiện; KS. Lê Ngọc Yến Nhi - Trà Vinh - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ Trà Vinh, 2022; 07/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng quy trình trồng dưa lưới mới theo hướng an toàn có khả năng giảm 15-20% chi phí sản xuất so với phương pháp truyền thống và đạt năng suất 3,0-3,5 tấn/1.000 m²/vụ tại tỉnh Trà Vinh. Xây dựng 01 quy trình trồng dưa lưới giống Taki theo hướng an toàn, sử dụng công nghệ tưới nhỏ giọt, với mật độ trồng là 2.500 cây/1.000 m², năng suất đạt 3,4 tấn/1.000 m², giảm 22 % so với chi phí sản xuất truyền thống. Sản phẩm dưa lưới của Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm và sản phẩm không dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

Số hồ sơ lưu: TVH-2022-006

85906.04-2023. **Phát triển công nghiệp chế biến tinh Đắk Lắk theo hướng bền vững giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030./** TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm, TS. Nguyễn Thị Hải Yến (Thư ký); TS. Nguyễn Thanh Trúc; TS. Đỗ Thị Nga; TS. Lê Thế Phiệt; TS. Dương Thị Ái Nhi; TS. Phạm Văn Trường; ThS. Vũ Trinh Vương; TS. Nguyễn Thanh Phương; ThS. Y Thanh Hà Niê Kdăm. - Đắk Lắk - Trường Đại học Tây Nguyên, 2022; 10/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản tỉnh Đắk Lắk. Phân tích các lợi thế cạnh tranh đối với phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản của tỉnh Đắk Lắk. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản của tỉnh Đắk Lắk. Xác định quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản của tỉnh Đắk Lắk. Giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030. Đề xuất sau nhóm giải pháp và các kiến nghị đối với UBND tỉnh Đắk Lắk nhằm phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-016

85920.04-2023. **Đánh giá diễn biến tài nguyên nước ngầm phục vụ sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu tại tỉnh Đắk Lắk/** ThS. Nguyễn An Bình, CN. Nguyễn Ngọc Ân (Thư ký); PGS.TS. Phạm Việt Hòa; ThS. Trần

Anh Phương; CN. Huỳnh Song Nhựt; ThS. Giang Thị Phương Thảo; CN. Võ Thị Mỹ Tiên; ThS. Nguyễn Cẩm Vân; TS. Nguyễn Đình Vượng; TS. Ngô Đức Chân. - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Địa lý tài nguyên Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 10/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá diễn biến tài nguyên nước ngầm phục vụ sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đắk Lắk. Sử dụng mô hình thủy văn MODFLOW mô phỏng và tính toán hiện trạng tài nguyên nước ngầm. Kết quả nghiên cứu đã chỉ rằng mực nước ngầm cùng trữ lượng tiềm năng sẽ bị suy giảm tương ứng với sự gia tăng lượng bổ cập và bốc hơi tính toán từ các kịch bản biến đổi khí hậu. Đề xuất giải pháp quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên nước ngầm phục vụ sản xuất nông nghiệp theo kịch bản biến đổi khí hậu chung cho tỉnh Đắk Lắk. Đề xuất đối với mô hình canh tác nông nghiệp tại huyện Cư Kuin là mô hình tiêu xen canh với cà phê.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-017

85924.04-2023. **Xây dựng nhãn hiệu tập thể Dứa Cự Đrăm, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.**/ KS. Lưu Văn Khánh, KS. H' Muel Eban (Thư ký); CN. Cao Văn Thọ; KS. Đỗ Trọng Giáp; KS. Võ Thị Ly; Trần Thị Len. - Đắk Lắk - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Krông Bông, 2022; 08/2020 - 02/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng thành công 01ha mô hình trồng Dứa Cayenne và được

Công ty Cổ phần giám định cà phê và hàng hóa xuất nhập khẩu (Cafecontrol) cấp chứng nhận VietGAP. Hoàn chỉnh đăng ký Nhãn hiệu tập thể “Dứa Cự Đrăm – Krông Bông”, được Cục Sở hữu trí tuệ cấp quyết định chấp nhận đơn hợp lệ (chưa được cấp chứng nhận do chưa đủ thời gian). Xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào vận hành bộ công cụ quản lý sản xuất dựa đáp ứng yêu cầu thị trường, bao gồm bộ tem QR và quy chế quản lý, sử dụng tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Tổ chức thành công Hội thảo tổng kết đề tài và kết nối khách hàng.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-019

86062.04-2023. **Nghiên cứu xây dựng mô hình và quy trình ứng dụng chế phẩm sinh học phù hợp để xử lý môi trường trong chăn nuôi trâu, bò thương phẩm trên địa bàn tỉnh Thái Bình/ BSTY.** Nguyễn Thị Bến, KS. Nguyễn Bá Hưng; KS. Hà Thị Kim Thu; ThS. BSTY. Phạm Văn Lý; BSTY. Đàm Thị Việt Anh; KS. Phạm Tuấn Anh; ThS. BSTY. Phạm Thành Nhung; ThS. BSTY. Hoàng Thị Miên; BSTY. Nguyễn Hoài Văn; CN. Nguyễn Thị Hoa Tươi; ThS. BSTY. Trịnh Quang Hiệp - Thái Bình - Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thái Bình, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đưa ra được quy trình sử dụng chế phẩm sinh học phù hợp với điều kiện chăn nuôi trâu, bò thương phẩm trên địa bàn tỉnh có hiệu quả trong xử lý làm giảm mùi hôi thối và bảo

đảm môi trường chuồng trại chăn nuôi trâu, bò trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-019

86066.04-2023. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin tạo lập, xây dựng cơ sở dữ liệu trồng trọt và bảo vệ thực vật để theo dõi, giám sát sinh trưởng, phát triển của cây trồng và dịch hại trên địa bàn tỉnh Thái Bình/** KS. Mai Thanh Giang, ThS. Trần Thiệu Dur; ThS. Nguyễn Xuân Thanh; KS. Trần Quốc Dương; KS. Lại Mạnh Tiến; KS. Nguyễn Bình Thanh; KS. Đỗ Hoài Linh; CN. Nguyễn Ngọc Chung; ThS. Phạm Thúy Hà; ThS. Nguyễn Thành Phúc; ThS. Đỗ Phương Dung; ThS. Vũ Trọng Thế; KS. Phạm Quang Hiên; KS. Vũ Tuấn Anh - Thái Bình - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thái Bình, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng mạng xã hội để quản trị, cập nhật thông tin giúp các nhà quản lý tiếp cận được một cách nhanh nhất, tức thời về tình hình sản xuất và diễn biến tín hiệu đồng ruộng, kịp thời đưa ra những quyết sách trong chỉ đạo, điều hành sản xuất lĩnh vực trồng trọt. Ứng dụng CNTT xây dựng phần mềm cập nhật cơ sở dữ liệu (CSDL) trồng trọt và bảo vệ thực vật, tạo dựng bộ CSDL trồng trọt và bảo vệ thực vật phục vụ công tác lưu trữ, tra cứu, kết xuất thông tin giám sát đồng ruộng; kết hợp với việc số hóa bản đồ tạo nền tảng ban đầu về CSDL để phát triển xây dựng phần mềm tin học theo dõi, giám sát tình hình sinh trưởng,

phát triển của cây trồng, dịch hại từ đó tham mưu cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành và tổ chức sản xuất trồng trọt, phòng trừ dịch hại một cách chính xác, kịp thời.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-029

86106.04-2023. **Sản xuất và ứng dụng chế phẩm sinh học phục vụ nuôi tôm tại tỉnh Trà Vinh/** CN. Lưu Thị Bích Liên, CN. Lưu Thị Bích Liên; KS. Lê Thị Ngọc Loan; KS. Lê Văn Quý; KS. Nguyễn Thanh Tuấn; KS. Lê Thị Hồng Gấm; KS. Đỗ Thị Kim Giàu - Trà Vinh - Trung Tâm Thông Tin và Ứng Dụng Khoa Học Công Nghệ, 2022; 07/2020 - 07/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Sản xuất thử nghiệm, đánh giá chỉ tiêu chất lượng 02 dạng chế phẩm sinh học EMTV1 và EMTV2 đều đạt theo QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. Đã sản xuất và đánh giá chỉ tiêu chất lượng 4.000 lít chế phẩm sinh học. Xây dựng 01 mô hình khảo nghiệm nuôi tôm sú sinh thái có sử dụng chế phẩm sinh học đạt hiệu quả kinh tế cao hơn từ 10-15% so với không sử dụng chế phẩm.

Số hồ sơ lưu: TVH-2022-0010

40101. Nông hoá

85728.04-2023. **Nghiên cứu tích hợp công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh đa chức năng từ phụ phẩm chế biến sản kết hợp nano silic phục vụ canh tác sản bền vững tại Việt Nam/** GS. TS.

Phạm Việt Cường, TS. Trần Thị Hồng; PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Cúc; ThS. Trần Thị Kim Dung; ThS. Tôn Thất Hữu Đạt; ThS. Trần Phương Hà; TS. Nguyễn Phương Hoa; TS. Phạm Thị Thúy Hoài; TS. Nguyễn Khoa Hiền; TS. Hoàng Văn Đức; ThS. Nguyễn Thị Thục Phương - Huế - Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung, 2022; 03/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phân lập tạo bộ chủng giống vi sinh vật bản địa cho 03 vùng trồng sắn chủ yếu của Việt Nam. Nghiên cứu điều chế vật liệu nano silica (nano orthosilicic axit) phù hợp cho cây sắn, xử lý phế phụ phẩm từ chế biến sắn làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ vi sinh (HCVS) đa chủng. Đồng thời nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm và phân hữu cơ vi sinh đa chức năng kết hợp nano silic (nano orthosilicic axit). Xây dựng quy trình sử dụng phân hữu cơ vi sinh đa chức năng nano và tổ chức sản xuất chế phẩm vi sinh vật gốc và sản phẩm phân HCVS đa chức năng kết hợp nano silic. Qua đó, xây dựng mô hình sử dụng phân hữu cơ vi sinh đa chức năng nano orthosilicic axit trên 3 vùng trồng sắn chính của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21157

85872.04-2023. **Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất phân hữu cơ vi sinh và hữu cơ khoáng từ rác thải sinh hoạt phục vụ nông nghiệp tại tỉnh Thái Bình/** KS. Nguyễn Tuấn Hội, Đỗ Chí Lệ; KS. Nguyễn Văn Hải; Hoàng Đình Bằng;

CN. Đỗ Thị Thúy; CN. Đặng Thị Nhài; Nguyễn Xuân Hân; CN. Đào Thị Loan - Thái Bình - Công ty cổ phần thương mại Thành Đạt, 2022; 07/2018 - 01/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ để sản xuất và sử dụng phân hữu cơ vi sinh (TĐ.18), phân hữu cơ khoáng (TĐ.17) khép kín từ rác thải sinh hoạt tại tỉnh Thái Bình. Thiết kế, xây dựng 1 phòng nhân nuôi vi sinh vật cho Công ty cổ phần Thành Đạt. Công ty tiếp nhận và làm chủ được công nghệ vi sinh vật ở tất cả các khâu chủng giống, nhân, nuôi cấy và sản xuất phân hữu cơ, HCVS từ rác thải.

Số hồ sơ lưu: 21223

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

75523.04-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa Gia lộc 301 phục vụ sản xuất bún, bánh./** TS Nguyễn Anh Dũng, TS Trần Thị Yến; KS Phạm Thị Quyên ; TS Vũ Thị Nhường; TS Đỗ Việt Cường; TS Phạm Thị Ngọc Diệp; TS Phạm Văn Tính; KS Nguyễn Thị Hà Thu. - Viện cây lương thực và cây thực phẩm - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2019; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa Gia Lộc 301 đạt năng suất cao, thích hợp làm nguyên liệu cho chế biến bún, bánh tại các vùng chuyên canh sản xuất lúa hàng hóa của tỉnh Hải Dương. Đánh giá chất

lượng bún, bánh được sản xuất bằng nguyên liệu giống lúa mới Gia lộc 301. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh giống lúa Gia lộc 301.

Số hồ sơ lưu: 04HD.2019

78902.04-2023. **Xây dựng mô hình trình diễn giống lúa nếp mới NT202 năng suất cao, chống chịu sâu bệnh trên địa bàn tỉnh Hải Dương/ ThS.** Trần Thị Yến, Trần Thị Yến; Phạm Văn Tính; Phạm Thị Quyên; Nguyễn Phi Long; Vũ Thị Nhung; Phạm Thị Ngọc Diệp; Nguyễn Thị Hà Thu; Nguyễn Đức Trung - Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm - Trung tâm Nghiên cứu phát triển đậu đỗ - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2020; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa NT202 đạt năng suất cao, chống chịu sâu bệnh trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Liên kết, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm của mô hình. Đồng thời hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh giống lúa NT202 phù hợp với điều kiện canh tác tỉnh Hải Dương

Số hồ sơ lưu: 04HD.2020

78986.04-2023. **Xây dựng vùng sản xuất lúa giống mới, giá trị cao gắn với tiêu thụ sản phẩm/ TS.** Nguyễn Trọng Khanh, Nguyễn Anh Dũng; Nguyễn Thị Miên; Phạm Văn Tính; Nguyễn Phi Long; Trần Thị Yến; Đỗ Việt Cường; Phạm Thị Quyên; Nguyễn Thị Hà Thu - Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm - Cơ sở II viện cây lương thực và cây

thực phẩm, 2020; 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất các giống lúa năng suất, chất lượng cao tại các vùng chuyên canh sản xuất lúa hàng hóa (giống lúa thơm Gia Lộc 102 và LTh31).

Số hồ sơ lưu: 14HD.2020

85618.04-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất ngô nếp tím giàu anthocyanin VNUA141 và ngô nếp trắng VNUA69 tại Hải Dương/ Phạm Quang Tuấn, TS Phạm Quang Tuấn; ThS Hoàng Thị Thùy; ThS Nguyễn Thị Nguyệt Anh; KS Đoàn Thị Yến; ThS Nguyễn Văn Hà; ThS Dương Thị Loan; ThS Vũ Thị Bích Hạnh; ThS Trần Thị Thanh Hà; ThS Nguyễn Trọng Tú - Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng - Viện Nghiên cứu và phát triển cây trồng, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu Xây dựng mô hình sản xuất ngô nếp tím giàu anthocyanin VNUA141 và ngô nếp trắng VNUA69 tại Hải Dương. Đồng thời xây dựng mô hình sản xuất ngô nếp tím giàu anthocyanin VNUA141 và ngô nếp trắng VNUA69 với quy mô 100 ha trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Tiến hành nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất thương phẩm ngô nếp tím giàu anthocyanin VNUA141 và ngô nếp trắng VNUA69 phù hợp với điều kiện canh tác của tỉnh Hải Dương. Qua đó đề xuất bổ sung 2 giống ngô nếp lai giàu anthocyanin VNUA141 và giống ngô nếp trắng VNUA69 vào cơ cấu giống của tỉnh nhằm đem lại

hiệu quả kinh tế, giúp người trồng có thu nhập cao.

Số hồ sơ lưu: 01

85654.04-2023. **Tạo lập, quản lý và phát triển Nhãn hiệu chứng nhận “Khoai sọ Phúc Sạn – Mai Châu” dùng cho sản phẩm khoai sọ của huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình/** ThS. Lê Thị Hạnh, ThS. Lê Thị Hạnh; ThS. Vương Thị Thanh Trì; PGS. TS. Nguyễn Đình Phan; TS. Ngô Hùng Mạnh; CN. Lê Thiên Lý; CN. Phạm Hương Khê; CN. Trần Thị Hùng Phi; CN. Dương Ngọc Chiến; CN. Phạm Vũ Tuấn; CN. Nguyễn Xuân Khang - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ Âu Mỹ (EAC)., 2021; 04/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo lập, quản lý và phát triển Nhãn hiệu chứng nhận “Khoai sọ Phúc Sạn – Mai Châu” cho sản phẩm khoai sọ của huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình nhằm kiểm soát chất lượng, nâng cao uy tín và danh tiếng của sản phẩm, xúc tiến thương mại cho sản phẩm, góp phần nâng cao được giá trị sản phẩm, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người sản xuất, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, giữ gìn và phát huy giá trị đặc sản của địa phương; Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc lập hồ sơ đăng ký xác lập quyền nhãn hiệu chứng nhận “Khoai Sọ Phúc Sạn – Mai Châu”; Lập và nộp hồ sơ đăng ký NHCN “Khoai Sọ Phúc Sạn - Mai Châu” cho sản phẩm khoai sọ của huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình; Xây dựng hệ thống văn bản

làm cơ sở cho công tác quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Khoai Sọ Phúc Sạn - Mai Châu”; Phát triển thị trường NHCN “Khoai Sọ Phúc Sạn - Mai Châu” cho sản phẩm khoai sọ của huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: KSMC_HB

85655.04-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất thử giống lúa BC15-02 kháng bệnh đạo ôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** TS. Phạm Thiên Thành, ThS. Tăng Thị Diệp; ThS Tống Thị Huyền; ThS Lê Thị Thanh ; KS Phạm Thị Hiệp; KS Nguyễn Thị Nga ; KS Thị Thanh Thanh; KS Lê Thị Thu Trang; CN Đào Trọng Nhân. - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất thử giống lúa BC15- 02 kháng đạo ôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương . Hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác giống lúa BC15 - 02 phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương. Với kết quả đạt được từ mô hình sản xuất thử giống lúa BC15-02 kháng bệnh đạo ôn, đề nghị các cấp chính quyền địa phương tiếp tục quan tâm mở rộng diện tích giống lúa BC15 -02 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 04

85657.04-2023. **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Ngô nếp Thung Khe – Mai Châu” dùng cho sản phẩm ngô nếp của huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình/** CN. Trần Thị Mai Anh,

CN. Trần Thị Mai Anh; ThS. Phạm Xuân Phú; TS. Hoàng Hà; TS. Ngô Hùng Mạnh; CN. Trần Quốc Hoàn; CN. Nguyễn Xuân Khang; ThS. Lê Thị Hạnh; CN. Vương Công Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Tôn Trường; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ Âu Mỹ (EAC)., 2021; 04/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Ngô nếp Thung Khe - Mai Châu” cho sản phẩm ngô nếp của huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình nhằm kiểm soát chất lượng, nâng cao uy tín và danh tiếng của sản phẩm, xúc tiến thương mại cho sản phẩm, góp phần nâng cao được giá trị sản phẩm, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người sản xuất, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, giữ gìn và phát huy giá trị đặc sản của địa phương; Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc lập hồ sơ đăng ký xác lập quyền nhãn hiệu chứng nhận “Ngô nếp Thung Khe - Mai Châu”; Lập và nộp hồ sơ đăng ký NHCN “Ngô nếp Thung Khe -Mai Châu” cho sản phẩm ngô nếp của huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình; Xây dựng hệ thống văn bản làm cơ sở cho công tác quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Ngô nếp Thung Khe - Mai Châu”; Phát triển thị trường NHCN “Ngô nếp Thung Khe - Mai Châu” cho sản phẩm Ngô nếp của huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: NNMC_HB

85666.04-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất thử giống lúa chất lượng cao HD11, Gia Lộc 37 trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** TS. Dương Xuân Tú, TS. Dương Xuân Tú; ThS Nguyễn Thị Miên ; ThS Đoàn Văn Thảo ; ThS Nguyễn Văn Tùng ; ThS Nguyễn Văn Tính; KS Nguyễn Thị Hà Thu; KS Phạm Thị Quyên; ThS Tống Thị Huyền; KS Đỗ Thanh Mai; ThS Trần Văn Tới; ThS Trần Thị Thúy; KS Nguyễn Đức Trung. - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất thử giống lúa chất lượng cao HD11, Gia Lộc 37 trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Đồng thời xây dựng mô hình sản xuất thử giống lúa chất lượng cao HD11, Gia Lộc 37 tại một số địa phương nhằm bổ sung vào cơ cấu giống lúa thuần chất lượng cao của tỉnh Hải Dương. Tiến hành nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh giống lúa HD11, Gia lộc 37 trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Qua đó đề xuất tiếp tục quan tâm, mở rộng diện tích gieo trồng giống lúa HD11, Gia Lộc 37 vào các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, vùng trồng cây vụ đông sớm đối với giống lúa Gia Lộc 37

Số hồ sơ lưu: 05

85670.04-2023. **Phát triển sản xuất giống lúa thuần ĐH12 có năng suất cao, chống chịu một số loại sâu bệnh hại chính tại Hải Dương/** ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thúy, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thúy;

TS. Nguyễn Văn Mười; PGS.TS. Trần Văn Quang; ThS. Vũ Văn Quang; ThS. Lê Văn Thành; ThS. Lê Văn Thành; ThS. Phạm Thị Ngọc Yến; TS. Phùng Danh Huân; ThS. Vũ Thị Bích Ngọc - Hải Dương - Viện Nghiên cứu và phát triển cây trồng, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu Phát triển sản xuất giống lúa thuần ĐH12 có năng suất cao, chống chịu một số loại sâu bệnh hại chính tại Hải Dương, Đồng thời xây dựng mô hình sản xuất giống lúa ĐH12 với quy mô 200ha trên địa bàn tỉnh Hải Dương, đạt năng suất vụ Xuân từ 6,5-7 tấn/ha, vụ Mùa 6-6,5 tấn/ha; Liên kết tiêu thụ thóc thương phẩm của đề tài; Tiến hành nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất giống lúa ĐH12 phù hợp với điều kiện canh tác tỉnh Hải Dương. Qua đó đề xuất tiếp tục quan tâm, mở rộng diện tích gieo trồng giống lúa ĐH 12 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 06

85694.04-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất thương phẩm giống lúa mới Hương Bình mang lại hiệu quả kinh tế cao trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** KS. Bùi Công Hiến, KS. Bùi Công Hiến; KS. Vũ Thị Lan Anh; KS. Phạm Thị Tuyết Nhung; KS. Đỗ Thị Thu Thùy; Nguyễn Thị Ngát; TS. Lê Lương Thịnh ; Đỗ Thị Hải Hà; KS. Nguyễn Thị Quỳnh Mai. - Hải Dương - Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương, 2022;

01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất thương phẩm giống lúa mới Hương Bình mang lại hiệu quả kinh tế cao trên địa bàn tỉnh Hải Dương Đồng thời xây dựng mô hình sản xuất thương phẩm giống lúa mới Hương Bình trên địa bàn tỉnh Hải Dương với quy mô 150 ha. Đây là giống lúa có tính thích nghi rộng, chống chịu tốt với các loại sâu bệnh hại. Giống có ưu điểm nổi bật là bông to, số hạt/ bông nhiều, đẻ nhánh khỏe, không nhiễm bệnh đạo ôn và bạc lá, hạt gạo trong, đẹp, thon dài, cơm ăn mềm dẻo, có mùi thơm nhẹ, vị đậm ngon cơm. Tiến hành nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất thương phẩm giống lúa mới Hương Bình trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 08

85715.04-2023. **Phát triển mô hình sản xuất giống lúa chịu úng, chua SHPT3 phục vụ chế biến bún, bánh trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** TS. Vũ Việt Anh, ThS. Vũ Thị Hà ThS. Vũ Thị Hà; ThS. Vũ Việt Anh; ThS. Nguyễn Hữu Hỷ; ThS. Lê Thái Nghiệp; KS. Trịnh Huy Đăng; TS. Lê Hùng Lĩnh; ThS. Nguyễn An Trung; CN. Nguyễn Thị Hồng Hà; KS. Mai Xuân Đăng; KS. Trần Văn Anh; ThS. Vũ Thị Hà; CN. Bùi Thị Ngọc - Hải Dương - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hải Dương, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng mô hình Phát triển mô hình sản xuất giống lúa chịu úng, chua SHPT3 phục vụ chế biến bún, bánh trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Đồng thời xây dựng mô hình giống lúa chịu úng, chua SHPT3 phục vụ chế biến bún, bánh với quy mô 700 ha trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Tiến hành nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất giống lúa chịu úng, chua SHPT3 phục vụ chế biến bún, bánh hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương. Qua đó đề xuất tiếp tục quan tâm, mở rộng diện tích gieo trồng giống lúa SHPT3 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 11

85720.04-2023. **Sản xuất thử nghiệm giống lạc LDH.09 tại vùng ven biển Nam Trung bộ/** ThS. Phạm Vũ Bảo, KS. Bùi Ngọc Thao; TS. Hồ Huy Cường; ThS. Mạc Khánh Trang; ThS. Trương Thị Thuận; ThS. Phan Trần Việt; KS. Đường Minh Mạnh; ThS. Nguyễn Đức Thọ; TS. Trần Văn Mạnh; Lê Văn Liêm - Bình Định - Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Duyên hải Nam trung bộ, 2022; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống lạc LDH.09, chất lượng hạt giống đảm bảo QCVN 01-48:2011. Đồng thời hoàn thiện quy trình thâm canh giống lạc LDH.09 trên vùng đất ven biển Nam Trung bộ năng suất đạt ≥ 3 tấn/ha/vụ, hiệu quả kinh tế cao. Tiến hành sản xuất thử nghiệm: Sản xuất hạt giống LDH.09: 1 ha giống cấp siêu nguyên chủng, 4 ha giống cấp nguyên chủng

và 40 ha giống cấp xác nhận (Hạt giống đảm bảo theo yêu cầu tại QCVN 01-48:2011/BNNPTNT); Sản xuất thương phẩm giống lạc mới LDH.09 với quy mô 10 ha trên vùng đất ven biển Nam Trung bộ, năng suất ≥ 3 tấn/ha/vụ, hiệu quả kinh tế cao. Tiến hành tập huấn cho cán bộ kỹ thuật và nông dân thành thạo kỹ thuật nhân giống, thâm canh giống lạc LDH.09.

Số hồ sơ lưu: 21147

85770.04-2023. **Sản xuất thử giống đậu tương DT2010 tại các tỉnh phía bắc/** TS. Lê Đức Thảo, TS. Nguyễn Văn Mạnh; TS. Phạm Thị Bảo Chung; ThS. Lê Thị Ánh Hồng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa; ThS. Nguyễn Việt Dũng; CN. Nguyễn Văn Bích; TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan; ThS. Hà Thị Thủy - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2022; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống, quy trình kỹ thuật thâm canh mở rộng sản xuất giống DT2010 tại các vùng trồng đậu tương thích hợp phía Bắc. Sản xuất hạt giống DT2010 gồm 01 ha hạt giống cấp siêu nguyên chủng, 05ha hạt giống nguyên chủng và 20ha hạt giống xác nhận, sản phẩm đảm bảo yêu cầu tại QCVN 01-49:2011. Sản xuất thương phẩm 60ha giống DT2010, năng suất đạt $> 2,20$ tấn/ha/vụ, đảm bảo ATTP, hiệu quả kinh tế $> 10\%$ so với canh tác truyền thống.

Số hồ sơ lưu: 21167

86012.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Gạo**

Đỗ Động” xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội/ CN. Lê Vũ Huyền, CN. Trịnh Dương Vân; ThS. Tăng Khương Đức; CN. Nguyễn Thanh Hương; CN. Nguyễn Huyền Trang; CN. Nguyễn Thị Hải Yên; KS. Đào Thu Trang; CN. Đào Thị Hương; CN. Nguyễn Thị Lan - Hà Nội - Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể Gạo Đỗ Động được triển khai thực hiện với sự phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội và Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp Investip - Đơn vị chủ trì thực hiện dự án. Dự án đã hoàn thành, đáp ứng đầy đủ mục tiêu và yêu cầu của dự án đặt ra; các sản phẩm của dự án đầy đủ, về cơ bản đảm bảo chất lượng và yêu cầu của cơ quan chuyên môn. Về kinh phí thực hiện dự án: việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng với các hạng mục công việc theo thuyết minh dự án đã được phê duyệt.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-33/ĐK-TTTT&TK

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

85651.04-2023. **Quản lý và phát triển Nhãn hiệu tập thể Bưởi đỏ Tân Lạc cho sản phẩm Bưởi đỏ của Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình/ CN. Lê Vũ Huyền, CN. Lê Vũ Huyền; Nguyễn Thanh Hương; Trịnh Dương Văn; Nguyễn Huyền Trang; Phạm Mai Anh; Nguyễn**

Mạnh Tài; Đào Thị Hương; Đào Thúy Nga; Trần Diệu Linh - Hòa Bình - Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP, 2021; 04/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hệ thống quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể “Bưởi đỏ Tân Lạc” cho sản phẩm Bưởi đỏ, phát huy hiệu quả của nhãn hiệu tập thể nâng cao giá trị cho sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, bảo tồn và phát triển vùng sản phẩm đặc sản; Điều tra, khảo sát và xác định thị trường tiêu thụ sản phẩm Bưởi đỏ Tân Lạc; Hoàn thiện mô hình hệ thống tổ chức quản lý nhãn hiệu tập thể; Hoàn thiện các điều kiện, phương tiện phục vụ quản lý nhãn hiệu tập thể Bưởi đỏ Tân Lạc; Xây dựng phương án quảng bá nhãn hiệu tập thể Bưởi đỏ Tân Lạc; Thực hiện thí điểm hoạt động quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể Bưởi đỏ Tân lạc.

Số hồ sơ lưu: BDTL_HB

85656.04-2023. **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Na Lạc Thủy” cho sản phẩm Na Lạc Thủy của huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình/ ThS. Trần Thị Thu Trang, ThS. Trần Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Hải Hòa; TS. Đàm Thế Chiến; ThS. Trần Thị Minh Thu; KS. Nguyễn Thị Tám; KS. Trần Thị Nguyệt; KS. Phạm Bá Phương - Hòa Bình - Trung tâm Nghiên cứu Đất và Phân bón vùng Trung du, 2020; 04/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Na Lạc Thủy” dùng cho sản phẩm Na của huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình nhằm kiểm soát chất lượng, xúc tiến thương mại cho sản phẩm; Góp phần nâng cao được giá trị sản phẩm, giữ gìn và phát huy giá trị đặc sản của địa phương; Xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm “Na Lạc Thủy” của huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình; Quản lý, khai thác và phát triển quyền sở hữu trí tuệ của nhãn hiệu chứng nhận “Na Lạc Thủy”; Đẩy mạnh hoạt động quảng bá và xúc tiến thương mại cho các sản phẩm “Na Lạc Thủy” của huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình;

Số hồ sơ lưu: NLT_HB

85695.04-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất thử 2 giống dưa hấu mới F1 AD070 và F1 VT007 trên địa bàn tỉnh Hải Dương./** KS. Trịnh Thị Hiếu, KS. Trịnh Thị Hiếu; CN Vũ Thị Hương; KS. Phạm Thị Uyên; CN Nguyễn Văn Thảo; Nguyễn Thị Thu Hương; KS. Phạm Thị Hải Hà - Hải Dương - Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất thử 2 giống dưa hấu mới F1 AD070 và F1 VT007 trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Đồng thời xây dựng mô hình sản xuất thử 2 giống dưa hấu mới F1 AD070 và F1 VT007 với quy mô 20ha trên địa bàn tỉnh Hải Dương, đạt năng suất trung bình đạt từ 45-54 tấn/ha. Tiến hành

nghiên cứu Hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc dưa hấu lai F1 AD070 và F1 VT007 phù hợp với điều kiện canh tác tại Hải Dương. Kết quả của mô hình cho thấy hai giống dưa hấu F1 AD 070 và F1 VT 007 thích nghi với điều kiện canh tác của tỉnh Hải Dương với thời gian sinh trưởng từ 60-68 ngày, cây sinh trưởng phát triển tốt, ít sâu bệnh hơn đề xuất tiếp tục quan tâm, mở rộng diện tích gieo trồng 2 giống dưa hấu mới F1 AD070 và F1 VT007 trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Số hồ sơ lưu: 09

85767.04-2023. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển vùng cây ăn quả có múi (cam CS1, quýt đường canh) tại huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam/** KS. Nguyễn Như Quỳnh, ThS. Dương Vũ Gia Khánh; ThS. Hoàng Thị Minh Lý; KS. Nguyễn Thị Hương; KS. Nguyễn Diệu Linh - Hà Nam - Công ty Cổ phần nông nghiệp HIFARM, 2022; 09/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận 6 quy trình kỹ thuật công nghệ nhân giống sạch bệnh; trồng, chăm sóc, bảo vệ thực vật giống quýt đường canh, cam chín sớm CS1 sạch bệnh. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật xây dựng thành công mô hình cây ăn quả có múi tạo thành vùng sản xuất hàng hóa nâng cao hiệu quả sản xuất và tăng thu nhập cho người dân tại huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Lựa chọn vùng sản xuất có đủ điều kiện đáp ứng các yêu cầu của công nghệ chuyển giao, chuẩn bị mặt bằng, đầu tư nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới các hạng

mục công trình hạ tầng, bao gồm cả hệ thống cấp thoát nước, vườn ươm, nhà lưới để sản xuất cây giống, nhà xưởng để thu hoạch, bảo quản.

Số hồ sơ lưu: 21159

85780.04-2023. **Nghiên cứu nguyên nhân dưa lê, dưa hấu chết đồng loạt tại các vùng chuyên canh và xây dựng giải pháp quản lý hiệu quả sâu bệnh hại dưa tại tỉnh Hải Dương.**/ TS. Lương Thị Kiểm, TS. Lương Thị Kiểm ; KS Vũ Thị Thủy ; KS. Nguyễn Quang Hưng; KS. Bùi Duy Đông; ThS. Trần Trung Âu; KS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Phạm Đức Lộc; CN Đồng Thị Kim Hoa; KS. Trần Thị Miên; KS. Nguyễn Thị Huyền. - Hải Dương - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu nguyên nhân dưa lê, dưa hấu chết đồng loạt tại các vùng chuyên canh và xây dựng giải pháp quản lý hiệu quả sâu bệnh hại dưa tại tỉnh Hải Dương, Đồng thời Xây dựng mô hình thí điểm diện hẹp về quản lý tổng hợp hiện tượng chết đồng loạt trên dưa hấu, dưa lê tại các vùng chuyên canh tỉnh Hải Dương. Tiến hành nghiên cứu hoàn thiện quy trình về quản lý dịch hại tổng hợp trên dưa hấu, dưa lê tại các vùng chuyên canh tỉnh Hải Dương. Qua đó việc xây dựng được biện pháp quản lý hiệu quả dịch hại trên cây dưa lê và dưa hấu, đặc biệt là hiện tượng chết cây đồng loạt góp phần ổn định tâm lý của người nông dân trồng dưa, nâng cao nhận thức

và hiểu biết về quản lý dịch hại cũng như sử dụng thuốc BVTV trên dưa, từ đó góp phần tạo ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, tạo nền sản xuất nông nghiệp bền vững. trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 12

85919.04-2023. **Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất bí đá Trái dài, mướp đắng Xanh tại Thái Bình.**/ ThS. Đoàn Minh Diệp, ThS. Đỗ Mạnh Thụ; ThS. Lê Tuấn Phong; ThS. Trịnh Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Xuyên; ThS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Nguyễn Tâm Phúc; Nguyễn Thị Thu Hằng - Thái Bình - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất và bảo quản giống bí đá trái dài, sản xuất giống mướp đắng xanh có năng suất, chất lượng cao nhằm giới thiệu, bổ sung tăng cường đa dạng cơ cấu giống cây trồng trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Hoàn thiện quy trình sản xuất và bảo quản sau thu hoạch bí đá Trái dài cho năng suất, chất lượng cao. Hoàn thiện quy trình sản xuất mướp đắng Xanh cho năng suất, chất lượng cao. Xây dựng 01 mô hình sản xuất quả thương phẩm; 01 mô hình bảo quản sau thu hoạch bí đá Trái dài. Xây dựng 01 mô hình sản xuất quả thương phẩm mướp đắng Xanh.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-001

85949.04-2023. **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất cây măng tây**

phù hợp với điều kiện sinh thái tỉnh Thái Bình/ TS. Trần Tố Tâm, ThS. Nguyễn Thị Hiền; CN. Đinh Thế Long; ThS. Trần Thị Loan - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2021; 03/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được các biện pháp kỹ thuật phù hợp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng măng tây góp phần đa dạng công thức luân canh, chuyển dịch cơ cấu cây trồng và tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích đất canh tác. Xây dựng được quy trình sản xuất măng tây nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm phù hợp với điều kiện sinh thái tỉnh Thái Bình. Xây dựng được mô hình sản xuất măng tây theo hướng VietGAP. Tập huấn cho nông dân kỹ thuật trồng và chăm sóc măng tây.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-006

85983.04-2023. Nghiên cứu xây dựng mô hình trình diễn giống dưa lê (Kim Bạch và Cẩm Châu) theo hướng VietGap tại Thái Bình./ TS. Đào Xuân Thăng , ThS. Nguyễn Thị Miên; ThS. Đoàn Văn Thảo; ThS. Nguyễn Văn Tùng; ThS. Phạm Văn Nghĩa; ThS. Trần Thị Thúy; Nguyễn Việt Cường; Nguyễn Thị Thêu - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình thâm canh giống dưa lê Kim Bạch và giống dưa lê Cẩm Châu theo hướng VietGAP phù hợp điều kiện của tỉnh Thái Bình. Xây dựng mô hình trình diễn giống dưa lê Kim Bạch và giống dưa

lê Cẩm Châu theo hướng VietGAP tại Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-009

86007.04-2023. Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Yên Nghĩa” Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội/ CN. Nguyễn Huyền Ly, CN. Trần Thị Lan; CN. Đỗ Thị Mỹ Liên; CN. Đỗ Thu Hương; CN. Đinh Văn Quý; CN. Trần Hoàng Long; CN. Vũ Đức Tùng; CN. Ngô Thu Trang; CN. Nguyễn Xuân Lượng; CN. Đỗ Thị Lan Phương - Hà Nội - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HAVIP, 2022; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sản phẩm của dự án đã được xây dựng đảm bảo các nguyên tắc tham gia, dân chủ, đồng thuận của người dân, đảm bảo chất lượng và được đơn vị chủ sở hữu NHTT (Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Hòa Bình) tiếp nhận và đưa vào áp dụng trên thực tế. Hệ thống quản lý và sử dụng NHTT được xây dựng khoa học, dễ hiểu và áp dụng đồng thời đúng các quy định hiện hành. Hệ thống Website, bộ nhận diện thương hiệu.... đã được xây dựng khoa học, đẹp mắt, đáp ứng các điều kiện về lưu hành, Phương án phát triển thị trường từng bước nhận diện đúng và đủ về sản phẩm, xây dựng được những quy định phù hợp để quản lý chất lượng, nâng cao uy tín, danh tiếng của sản phẩm trên thị trường. Để thích ứng với đại dịch, ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội và quận Hà Đông đang tư vấn, hỗ trợ bà con nông dân là thành viên

của Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Hòa Bình đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm rau an toàn qua hệ thống chợ truyền thống và một số cửa hàng thực phẩm, siêu thị nhỏ, đồng thời, dựa vào nhãn hiệu tập thể đại diện cho vùng sản xuất là “Rau an toàn Yên Nghĩa” đã được bảo hộ độc quyền để tiến hành đàm phán và ký kết hợp đồng với các siêu thị lớn như Vinmart, Tops Market....

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-25/ĐK-TTTT&TK

86008.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Hoa Đan Phượng” huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội/ THS.** Nguyễn Mạnh Cường, ThS. Phạm Thế Bảo; TS. Nguyễn Mai Hương; CN. Hà Thị Ngọc Bích; Ông Tạ Văn Tiến; CN. Nguyễn Như Khải; CN. Nguyễn Vũ Hoàng Lâm CN. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Thị Thủy Tiên - hà nội - Trung tâm phát triển nông thôn, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sản phẩm mang NHTT “Hoa Đan Phượng” bước đầu đã khẳng định được danh tiếng trên thị trường bằng chất lượng. Đánh giá hiện trạng sản xuất và tiêu thụ; thiết kế và sản xuất các công cụ quảng bá giới thiệu sản phẩm; Dự kiến sản phẩm sẽ có giá bán tăng cao hơn, các mô hình sản xuất hoa trên địa bàn đã tạo công ăn việc làm cho nhiều người dân thu nhập ổn định. Cần có sự tham gia và đồng thuận từ cơ quan quản lý dự án, chính quyền các cấp, các doanh nghiệp và HTX tại địa phương. Đặc biệt sự tham gia một cách chủ động

của người sản xuất và các HTX; Lựa chọn đúng sản phẩm có hiệu quả kinh tế - xã hội, có tiềm năng sản xuất và tiềm năng thị trường để xây dựng nhãn hiệu cộng đồng cũng như loại hình đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-45/ĐK-TTTT&TK

86009.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Chúc Sơn” thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội/ CN.** Nguyễn Minh Huyền, CN. Trần Hiền Phương; CN. Kim Ngọc Dung; CN. Nguyễn Thị Kim Ngân; CN. Nguyễn Thị Thoa; CN. Vương Sỹ Thị Giang; CN. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Bùi Thị Hồng Thơm; CN. Đỗ Thị Mỹ Hạnh; CN. Trần Thị Tuyết Mai - hà nội - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HAVIP, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thành báo cáo, phân tích, đánh giá hiện trạng sản xuất, kinh doanh sản phẩm rau an toàn thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; Bộ hồ sơ đăng ký bảo hộ NHTT “Rau an toàn Chúc Sơn”, đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Chúc Sơn”; Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Chúc Sơn” số 404782 được cấp theo Quyết định số 91416/QĐ-SHTT ngày 26/11/2021; Hệ thống quản lý NHTT “RAT Chúc Sơn”; Bộ thiết kế nhận diện nhãn hiệu tập thể; Công cụ quảng bá, phương án phát triển thị trường cho sản phẩm mang nhãn

hiệu tập thể “Rau an toàn Chúc Sơn”.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-26/ĐK-TTTT&TK

86010.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Xuân Phú” xã Xuân Đình, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội/ KS. Nguyễn Thị Hiền, ThS. Lê Thủy Ngân; CN. Phạm Gia Trí; ThS. Bùi Kim Đồng KS. Trịnh Thị Quyên; ThS. Hà Trần Mạnh Hùng - hà nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng các công cụ phục vụ cho việc quản lý chất lượng các sản phẩm rau đăng ký nhãn hiệu và nhãn hiệu. Nghiên cứu và xây dựng kế hoạch phát triển thị trường cho các sản phẩm rau của HTX nông nghiệp Xuân Phú. Tăng cường năng lực sản xuất, quản lý và sử dụng các NHTT thông qua việc biên soạn các tài liệu và tổ chức các lớp tập huấn cho các chủ thể kinh tế của HTX nông nghiệp Xuân Phú. Xây dựng thương hiệu cần đồng bộ giữa xác lập quyền sở hữu công nghiệp với quản lý và sử dụng tài sản trí tuệ này. Phát triển thương hiệu phải là cả quá trình từ định danh pháp lý tới định vị thị trường cho sản phẩm gắn với truyền thông, marketing và đổi mới công nghệ... để thích ứng với nhu cầu thị trường. Tuyên truyền, vận động và thuyết phục các hộ gia đình sản xuất rau, lựa chọn và xây dựng mô hình trình diễn có hiệu quả. Quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cộng

đồng là cả một quá trình, đòi hỏi thời gian, nhân lực, vật lực và sự kiên trì.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-31/ĐK-TTTT&TK

86011.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Ba Vì” huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội/ CN. Nguyễn Thị Thu Hương, KS. Trần Quang Minh; CN. Đặng Mạnh Quân; CN. Nguyễn Bá Hội; KS. Nguyễn Văn Hiếu; CN. Nguyễn Thị Thu Huyền; TS. Nguyễn Thị Hòa; CN. Bùi Phương Linh; ThS. Phạm Thị Thùy Nhung; CN. Phạm Hà My; CN. Nguyễn Kiều Vân Anh - hà nội - Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và Đầu tư (CONCETTI), 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Hoàn thành báo cáo điều tra hiện trạng sản xuất kinh doanh rau an toàn của huyện Ba Vì được hoàn thành; Hồ sơ đăng ký bảo hộ NHTT được thành lập với đầy đủ các nội dung, tài liệu theo đúng quy định của pháp luật; Văn bằng bảo hộ NHTT “Rau an toàn Ba Vì” được Cục Sở hữu trí tuệ cấp; Hệ thống công cụ quản lý NHTT “Rau an toàn Ba Vì” được hoàn thiện, đảm bảo khoa học, đầy đủ thông tin và tính ứng dụng trong thực tiễn; Bộ nhận diện thương hiệu NHTT “Rau an toàn Ba Vì” được hoàn thành mang tính thẩm mỹ cao, tính chuyên nghiệp, có điểm nhấn. Công cụ quảng bá sản phẩm mang NHTT “Rau an toàn Ba Vì” đảm bảo tính ứng dụng cao trong thực tiễn. Phương án phát triển thị

trường cho sản phẩm mang NHTT “Rau an toàn Ba Vì” phù hợp và có tính khả thi cao.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-41/ĐK-TTTT&TK

86014.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Đông Cao” Thôn Đông Cao, Xã Tráng Việt, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội/ CN.** Vũ Hồng Nhung, CN. Lê Thị Hằng; CN. Vũ Thị Hồng Phượng; ThS. Lê Kinh Hải; CN. Nguyễn Thị Vân Anh; CN. Lê Thanh Kiên; CN. Tạ Như Long; CN. Lê Thị Liễu; CN. Lê Lệnh Linh - Hà Nội - Công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án đã xác lập thành công quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tập thể rau an toàn Đông Cao; Dự án đã xây dựng hoàn thiện các công cụ quản lý, kiểm soát nhãn hiệu tập thể “Rau an toàn Đông Cao” thôn Đông Cao, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội và được Hợp tác xã rau an toàn Đông Cao thông qua và ban hành đưa vào áp dụng; Hệ thống các công cụ, phương tiện quảng bá, truyền thông để phát triển nhãn hiệu tập thể đã được hoàn thiện và ứng dụng vào thực tế, bước đầu mang lại hiệu quả tích cực; Hội thảo, lớp tập huấn được tổ chức đúng nội dung phù hợp nhu cầu thực tế, các học viên đã nâng cao kiến thức về Sở hữu trí tuệ, về nhãn hiệu; về xây dựng và bảo vệ thương hiệu mang nhãn hiệu tập thể cho người dân địa phương;

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-22/ĐK-TTTT&TK

86016.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Bưởi Nam Phương Tiến” xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội./ CN.** Nguyễn Thị Trang, CN. Mai Thị Diễm Hằng; CN. Nguyễn Thị Thanh Huyền; CN. Trần Thị Tuyết Mai; CN. Nguyễn Thị Điệp; CN. Nguyễn Hoàng Khanh; CN. Ngô Hạnh Lệ; CN. Đỗ Thị Thu Thảo; CN. Trần Hiền Phương; CN. Đào Việt Phong - Hà Nội - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HAVIP, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá lại thực trạng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm bưởi của HTX nông nghiệp hữu cơ Nam Phương Tiến làm cơ sở để đăng ký, đề xuất hệ thống quản lý và sử dụng NHTT. Xây dựng các công cụ phục vụ cho việc quản lý chất lượng các sản phẩm bưởi đăng ký nhãn hiệu (Quy định quản lý và sử dụng nhãn hiệu, Quy định kiểm soát nhãn hiệu, Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, hệ thống nhận diện và quảng bá sản phẩm khác...). Nghiên cứu và xây dựng kế hoạch phát triển thị trường cho các sản phẩm bưởi của HTX nông nghiệp hữu cơ Nam Phương Tiến. Xây dựng thương hiệu cần đồng bộ giữa xác lập quyền sở hữu công nghiệp với quản lý và sử dụng tài sản trí tuệ này. Tuyên truyền, vận động và thuyết phục các hộ gia đình sản xuất bưởi, lựa chọn và xây dựng mô hình có hiệu quả sẽ có tác dụng nhân rộng kết quả KH - CN trong phát triển kinh tế - xã hội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-24/ĐK-TTTT&TK

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

80646.04-2023. **Áp dụng tiêu chuẩn GACP-WHO để sản xuất cây sắn dây làm dược liệu tăng giá trị hiệu quả kinh tế tại tỉnh Hải Dương/** TS Nguyễn Mai Thơm, Nguyễn Mai Thơm ; Đinh Nguyệt Thu; Nguyễn Ngọc Dũng; Nguyễn Thu Thủy; Nguyễn Thị Ngân; Vũ Xuân Hải; Ninh Thị Nhíp - Trung tâm thực nghiệm và đào tạo nghề - Trung tâm Thực nghiệm và đào tạo nghề, 2020; 01/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội, xác định địa điểm thực hiện. Áp dụng các tiêu chuẩn GACP-WHO hoàn thiện quy trình canh tác cây sắn dây làm dược liệu. Áp dụng tiêu chuẩn GACP-WHO xây dựng mô hình trồng sắn dây làm dược liệu tại tỉnh Hải Dương Xây dựng mô hình liên kết, hợp tác với các tổ chức, cá nhân tiêu thụ sản phẩm của mô hình sau khi được cấp chứng nhận đạt GACP-WHO.

Số hồ sơ lưu: 25HD.2020

85475.04-2023. **Lưu giữ và bảo quản nguồn gen cây nguyên liệu dầu và cây tinh dầu/** TS. Lê Công Nông, ThS. Thái Nguyễn Quỳnh Thư; ThS. Trần Thị Phương Nhung; ThS. Nguyễn Thái Thúy Duy; KS. Trần Ngọc Thông; KS. Ngô Thị Thanh Trúc; KS. Nguyễn Thanh Duy; KS. Phạm Phú Thịnh - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu dầu và

cây có dầu, 2022; 04/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu giữ và bảo quản an toàn trên đồng ruộng 51 mẫu giống dừa; 3 mẫu giống phi long; 86 mẫu giống Jatropha; 21 mẫu giống cây tinh dầu (tràm trà, sả chanh, hương nhu, bạc hà, gừng). Lưu giữ nguồn gen bằng phương pháp bảo quản hạt trung hạn 177 mẫu giống lạc; 91 mẫu giống vừng; 110 mẫu giống đậu tương: 1 lần/năm lấy mẫu và kiểm tra TLNM của hạt giống lạc, vừng, đậu tương. Trẻ hóa 20 nguồn gen. Phục tráng 5 nguồn gen. Lưu giữ an toàn nguồn gen cây nguyên liệu dầu (dừa, phi long, Jatropha, lạc, vừng và đậu tương) và cây tinh dầu (bạc hà, hương nhu, tràm trà, sả chanh, gừng, long não, bạch đàn chanh) phục vụ công tác nghiên cứu và chọn tạo giống mới.

Số hồ sơ lưu: 21061

85478.04-2023. **Thu thập, đánh giá nguồn gen cây nguyên liệu dầu/** ThS. Thái Nguyễn Quỳnh Thư, KS. Phạm Phú Thịnh; ThS. Trần Thị Phương Nhung; ThS. Nguyễn Thái Thúy Duy; KS. Trần Ngọc Thông; ThS. Nguyễn Đoàn Hữu Trí; KTV. Đinh Việt Toàn - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu dầu và cây có dầu, 2022; 04/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Theo các tài liệu thống kê, Việt Nam là một trong 25 nước có mức đa dạng Sinh học cao nhất thế giới, ước tính có khoảng 20.000 - 30.000 loài thực vật. Ngày nay, do nhiều nguyên nhân như sự tăng dân số, nhu cầu lương thực và các nhu cầu khác

ngày càng cao dẫn đến khai thác rừng và các nguồn tài nguyên khác quá mức. Bên cạnh đó thiên tai, dịch bệnh và sự phát triển nhanh của các giống cây trồng mới có năng suất cao dẫn đến nguồn tài nguyên di truyền ở nhiều vùng sinh thái đã suy giảm nghiêm trọng, đặc biệt là ở các vùng đồng bằng nơi có điều kiện canh tác thuận lợi, mật độ dân số cao, điều kiện kinh tế phát triển, nông dân có trình độ cao để tiếp thu và đầu tư tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng các giống cây trồng mới. Vì vậy, nhiệm vụ “Thu thập, đánh giá nguồn gen cây nguyên liệu dầu” cần được thực hiện để thu thập bổ sung các nguồn gen quý, có các đặc tính tốt phục vụ công tác nghiên cứu và khai thác nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 21060

85509.04-2023. **Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây Xoay (*Dialium cochinchinensis* Pierre) ở Tây Nguyên/ TS. Ngô Văn Cẩm, ThS. Phạm Tiến Bằng; TS. Trần Hồng Sơn; TS. Nguyễn Thành Mến; TS. Huỳnh Nhân Trí; CN. Nguyễn Như Hiến; TS. Lê Cảnh Nam; ThS. Nguyễn Đăng Toàn Chương; ThS. Nguyễn Đức Huân; ThS. Nguyễn Thị Phương Mai - Gia Lai - Trung tâm Lâm nghiệp nhiệt đới, 2022; 10/2017 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xác định đặc điểm lâm học, đa dạng di truyền và giá trị nguồn gen cây Xoay; Tuyển chọn tối thiểu 50 cây trội từ ít nhất 3 xuất xứ được công nhận; Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc

cây Xoay; Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật thu hái quả bền vững và sơ chế quả Xoay; Xây dựng 3ha vườn sưu tập kết hợp khảo nghiệm giống Xoay tại 3 tỉnh (01ha/tỉnh); Xây dựng 09 ha mô hình trồng Xoay theo hướng cung cấp gỗ lớn kết hợp lấy quả tại 3 tỉnh (3ha/tỉnh). Đề xuất phương hướng khai thác và phát triển nguồn gen cây Xoay nhằm cung cấp gỗ lớn kết hợp lấy quả phục vụ quản lý rừng bền vững.

Số hồ sơ lưu: 21071

85653.04-2023. **Xây dựng, quản lý và phát triển Nhãn hiệu chứng nhận Cà gai leo Yên Thủy, cho sản phẩm Cà gai leo của Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình/ ThS. Tăng Đức Khương, ThS. Tăng Đức Khương; Lê Vũ Huyền; Trần Diệu Linh; Đào Yên Hoa; Phạm Mai Anh; Trần Danh Lưu; Đậu Thị Đức Sáu; Bùi Đại Hải; Nguyễn Anh Sơn; Phạm Minh Tuấn - Hòa Bình - Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP, 2021; 04/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận “Cà gai leo Yên Thủy” được bảo hộ sở hữu trí tuệ nhằm phát huy danh tiếng của sản phẩm, quản lý tốt chất lượng; tăng hiệu quả sản xuất tiêu thụ sản phẩm giúp nâng cao hiệu quả kinh tế và thu nhập cho người dân; Xây dựng được tiêu chí đánh giá chất lượng cho sản phẩm cà gai leo Yên Thủy; Hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc, sơ chế nguyên liệu cà gai leo Yên Thủy; Khoanh vùng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng

nhận “Cà gai leo Yên Thủy”; Xây dựng được logo và hệ thống nhận diện cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận; Xây dựng mô hình quản lý, vận hành, kiểm soát và khai thác nhãn hiệu chứng nhận; triển khai hoạt động quảng bá.

Số hồ sơ lưu: CGLYT_HB

85968.04-2023. **Xác định và bảo tồn giống hồ tiêu (*Piper nigrum* L.) sạch bệnh virus cho vùng Đông Nam Bộ/** ThS. Đặng Thị Kim Thúy, - Tp. Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2021; 12/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng bộ sưu tập các giống hồ tiêu đang canh tác chính tại Đông Nam Bộ. Chọn lựa dòng hồ tiêu sạch bệnh virus " Ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy đỉnh sinh trưởng và xử lý nhiệt tạo được cây hồ tiêu in vitro sạch bệnh virus. Xây dựng qui trình kỹ thuật nhân nhanh giống hồ tiêu sạch bệnh virus in vitro; Xây dựng qui trình kỹ thuật chăm sóc cây giống hậu nuôi cấy mô trên vườn ươm. Đề xuất phương hướng Bảo tồn nguồn gen và sản xuất giống hồ tiêu sạch bệnh bằng việc ứng dụng công nghệ sinh học.

Số hồ sơ lưu: HCM-129-2022

85974.04-2023. **Xây dựng quy trình nhân nhanh sinh khối rễ bất định cây đẳng sâm (*Codonopsis javanica*) có giá trị dược liệu bằng phương pháp nuôi cấy bioreactor và nuôi cấy ngập chìm tạm thời/** TS. Trịnh Thị Hương, TS. Nguyễn Minh Phương; TS. Đỗ Đăng Giáp;

ThS. Phạm Văn Lộc; ThS. Đặng Thị Kim Thúy; ThS. Lại Đình Biên; ThS. Trần Thị Anh Thoa; TS. Trần Trọng Tuấn - Tp. Hồ Chí Minh - Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM, 2021; 05/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định môi trường với chất điều hòa sinh trưởng, loại và hàm lượng đường thích hợp cho quá trình nhân nhanh sinh khối rễ bất định. Xác định pH môi trường và điều kiện chiếu sáng thích hợp cho quá trình nhân nhanh sinh khối rễ bất định. Xác định các thông số như khối lượng mẫu nuôi cấy ban đầu, thời gian bơm tối ưu cho quá trình nhân sinh khối trong hệ thống bán ngập chìm tạm thời. Xác định các thông số như lưu lượng khí, khối lượng mẫu nuôi cấy ban đầu tối ưu cho quá trình nhân sinh khối trong bioreactor 3 lít. Xây dựng quy trình nhân sinh khối ở quy mô bioractor 3 lít và 30 lít. Xây dựng quy trình nhân sinh khối bằng hệ thống ngập chìm tạm thời. Sản xuất 15-20 kg sinh khối tươi hoặc 1 - 2 kg sinh khối khô rễ bất định có chứa hoạt chất (polysaccharide/polyacetylene).

Số hồ sơ lưu: HCM-132-2022

40199. Khoa học trồng trọt khác

85969.04-2023. **Nghiên cứu hiện trạng sinh vật gây hại cây Trang (*Kandelia obovata*), cây Bần chua (*Sonneratia caseolaris*) và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả, thân thiện với môi trường tại rừng ngập mặn ven biển tỉnh Thái Bình/** NCS. ThS. Lê Quang Thịnh, ThS.

Nguyễn Thúy Hiền; TS. Đỗ Quý Mạnh; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Võ Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Nguyễn Thị My; KS. Phan Thị Thu; KS. Dương Văn Huy; KS. Phạm Văn Huy - Hà Nội - Viện Sinh thái và Bảo vệ Công trình, 2021; 03/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được thành phần loài sinh vật gây hại chính trên cây Trang và cây Bần chua tại Thái Bình gồm 32 thuộc 29 giống, 18 họ, 10 bộ và 2 ngành. Nghiên cứu và có những kết quả bước đầu về một số đặc điểm sinh học, sinh thái học có liên quan đến giải pháp phòng trừ như đặc trưng về vòng đời phát triển, đặc điểm sinh sản, đặc điểm phát sinh... của 2 đối tượng là Hà cám *Balanus amphitrite* và giáp xác chân đều *Sphaeroma terebrans*. Đề xuất bộ giải pháp kỹ thuật tổng hợp để phòng chống SVH bảo vệ cây Trang và Bần chua tại Thái Bình. Xây dựng được 01 mô hình thử nghiệm giải pháp phòng trừ SVH trên cây Trang và cây Bần chua tại Cồn Đồng Bào, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-007

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

85774.04-2023. **Nghiên cứu nâng cao năng suất và sử dụng có hiệu quả nguồn gen vịt Hòa Lan tại đồng bằng sông Cửu Long/** ThS. Hoàng Tuấn Thành, ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Trinh; ThS. Đâu Văn Hải;

ThS. Nguyễn Thị Hiệp; ThS. Bùi Thị Phượng; CN. Đỗ Thế Anh; ThS. Phạm Thị Như Tuyết ; BSTY. Nguyễn Đức Thỏa ; BSTY. Lê Văn Trang - Hà Nội - Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ, 2022; 09/2017 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo được đàn hạt nhân vịt Hòa Lan quy mô 250 mái sinh sản có các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Xây dựng được 02 mô hình đàn sản xuất vịt Hòa Lan quy mô 1000 mái sinh sản (500mái/mô hình) có các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Xây dựng được quy trình chọn đàn hạt nhân và quy trình chăn nuôi vịt Hòa Lan sinh sản. Xây dựng được tiêu chuẩn cơ sở đàn hạt nhân và đàn sản xuất vịt Hòa Lan. Báo cáo đặc điểm ngoại hình, phân tích ADN và khả năng sản xuất của vịt Hòa Lan. Chọn được đàn vịt Hòa Lan có đặc điểm ngoại hình đặc trưng và cải thiện được năng suất, qua đó khai thác và phát triển nguồn gen vịt Hòa Lan bền vững và hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 21170

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

85493.04-2023. **Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm Enzyme, Probiotic và thảo dược trong chăn nuôi lợn thịt theo hướng hữu cơ/** TS. Nguyễn Thị Hương, TS. Phạm Văn Sơn; TS. Trần Thị Minh Hoàng; TS. Lê Văn Huyền; TS. Nguyễn Văn Trung; KS. Đặng Văn Dũng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân; ThS. Nguyễn Thành Luân; ThS. Lê Thị Kim Ngọc; KS. Nguyễn Thanh Tĩnh

- Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu sử dụng Enzyme, Probiotic và thảo dược trong chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ tại nông trại Thủy Thiên Nhu, Phú Thành, Lạc Thủy, Hòa Bình. Thử nghiệm sử dụng Enzyme, Probiotic và thảo dược tại một số trang trại chăn nuôi lợn thịt theo hướng hữu cơ: (1) Nông trại Thủy Thiên Nhu, xóm Tân Phú, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. (2) Nông trại ông Trần Văn Tú, tổ dân phố Vàng, TT Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (3) Nông trại ông Nguyễn Đình Hiếu, thôn Quang Châu, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Từ nghiên cứu hoàn thiện quy trình sử dụng Enzyme, Probiotic và thảo dược trong chăn nuôi lợn thịt theo hướng hữu cơ.

Số hồ sơ lưu: 21063

85799.04-2023. Sử dụng một số thảo dược bổ xung vào khẩu phần thức ăn nhằm nâng cao chất lượng thịt và hiệu quả chăn nuôi lợn tại các cơ sở chăn nuôi tỉnh Hải Dương/ TS. Vũ Đình Tôn, TS. Vũ Đình Tôn ; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Nguyễn Văn Duy; CN. Nguyễn Đình Tiến; TS. Phan Đăng Thăng; TS. Đặng Thúy Nhung; TS. Nguyễn Văn Thắng; CN. Lê Thị Hồng Vân; ThS. Nguyễn Văn Thiện.
- Hải Dương - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu sử dụng một số thảo dược bổ xung vào khẩu phần thức ăn

nhằm nâng cao chất lượng thịt và hiệu quả chăn nuôi lợn tại các cơ sở chăn nuôi tỉnh Hải Dương, Đồng thời xây dựng được khẩu phần thức ăn có bổ sung thêm một số thảo dược nhằm nâng cao chất lượng thịt đảm bảo giá trị dinh dưỡng, an toàn vệ sinh và tăng hiệu quả kinh tế chăn nuôi. Tiến hành nghiên cứu hoàn thiện quy trình phối trộn hỗn hợp thức ăn có bổ sung thêm một số thảo dược cho lợn thịt.

Số hồ sơ lưu: 15

86052.04-2023. Mô hình nuôi trùn quế từ phân gia súc, gia cầm và phế thải nông nghiệp./ KS. Vương Hữu Minh, CN. Phạm Minh Phương CN. Lê Tuấn Em - Bạc Liêu - Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thành, 2021; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Mô hình nuôi trùn quế từ phân gia súc, gia cầm và phế thải nông nghiệp. Mô hình được tổ chức thực hiện trong 02 ô nuôi liền nhau mỗi ô có diện tích trên 50 m². Trong trại được xây thành ô, gạch cao khoảng 50cm, phía dưới nền đất được phủ bởi một lớp cát khoảng 3cm, lót thêm lớp lưới mịn để tránh trùn thoát ra ngoài, phần mái lợp bằng bạt cao su che phủ khu nuôi. Nguồn nước dùng để phục vụ cho nuôi trùn quế để tưới và giữ ẩm môi trường nuôi được lấy từ nguồn nước giếng khoan có độ PH: từ 6,5-8 phù hợp cho việc nuôi trùn quế. Sau 2 tháng nuôi thì lượng sinh khối mới bắt đầu phát triển và sau 2 tháng thì chúng ta mới thu hoạch.

Số hồ sơ lưu: BLU-03-2022

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

85782.04-2023. **Phát triển mô hình nuôi vịt chuyên trứng Đại Xuyên TC&TsC theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Hải Dương/ TS.** Phạm Thị Đào, TS. Phạm Thị Đào ; ThS. Nguyễn Thị Hảo; ThS. Bùi Thị Bén; BSTY. Vũ Văn Hoạt; ThS. Trần Văn Cảnh; ThS. Nguyễn Hữu Đáng; ThS. Nguyễn Văn Bình; ThS. Lê Văn Khoa; CN. Nguyễn Hữu Sanh; BSTY. Phạm Văn Chuân. - Hải Dương - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hải Dương, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi vịt chuyên trứng Đại Xuyên TC&TsC theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Đồng thời xây dựng chuỗi liên kết từ chăn nuôi đến tiêu thụ sản phẩm nhằm kiểm soát chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm, xuất sứ sản phẩm, quy trình sản xuất rõ ràng, tạo niềm tin cho người tiêu dùng đối với sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Tiến hành nghiên cứu hoàn thiện quy trình xây dựng chuỗi liên kết từ chăn nuôi đến tiêu thụ sản phẩm nhằm kiểm soát chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm, xuất sứ sản phẩm, quy trình sản xuất rõ ràng, tạo niềm tin cho người tiêu dùng đối với sản phẩm chăn nuôi vịt chuyên trứng Đại Xuyên TC&TsC.

Số hồ sơ lưu: 14

85897.04-2023. **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi gà lông màu hướng thịt bố mẹ TP và gà**

thương phẩm hướng trứng HA, hướng thịt TP tại tỉnh Hà Nam/ BSTY. Nguyễn Thị Quỳnh, Lê Văn Thạch; Nguyễn Thị Ngân; Nghiêm Bá Thoại; Lê Đức Thắng; Nguyễn Thị Đào; Nghiêm Bá Linh - Hà Nam - Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Tài Phát, 2022; 09/2018 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng thành công mô hình chăn nuôi gà lông màu hướng thịt bố mẹ TP và gà thương phẩm hướng trứng HA, hướng thịt TP chủ động được con giống gà TP ở quy mô phù hợp góp phần phát triển nghề sản xuất giống và nuôi thương phẩm gà lông màu tại Hà Nam. Chuyển giao quy trình công nghệ chăn nuôi gà lông màu: Tổ chức hỗ trợ công nghệ chuyển giao các quy trình công nghệ chăn nuôi, thú y phòng bệnh, gà TP bố mẹ sinh sản và gà thương phẩm HA, TP và ấp nở trứng gà TP, tổ chức chủ trì tiếp thu và làm chủ công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 21235

40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi

80328.04-2023. **Dự án “Phát triển sản xuất “Gà đồi Chí Linh” theo chuỗi giá trị sản xuất trên địa bàn thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương”/ Nguyễn Đức Hóa, KS.** Cao Văn Hào; KS. Đặng Xuân Tuấn; TS. Diệp Thị Thu; CN. Tô Văn Sang; CN. Trần Văn Dược; KS. Lê Thị Huệ; KS. Nguyễn Phúc Thịnh; KS. Nguyễn Văn Hà; KS. Mạc Tiến Tùng; KS. Phan Công Long; TS. Phạm Thị Hồng Tuyết; KS. Nguyễn

Văn Luật; KS. Nguyễn Duy Tâm; Lục Văn Nhân - Ủy ban nhân dân TP Chí Linh - Ủy ban nhân dân TP Chí Linh, 2020; 06/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng kênh cung ứng giống đảm bảo xuất xứ, chất lượng con giống phục vụ nuôi thương phẩm “Gà đồi Chí Linh”. Đồng thời xây dựng mô hình chăn nuôi gà thương phẩm theo nhóm hộ đạt năng suất và chất lượng đáp ứng yêu cầu thương hiệu “Gà đồi Chí Linh” Áp dụng hệ thống hệ thống quản lý truy nguyên nguồn gốc sản phẩm và hoàn thiện quy trình chăn nuôi gà thương phẩm đạt năng suất và chất lượng đáp ứng yêu cầu thương hiệu “Gà đồi Chí Linh. Xây dựng cơ sở giết mổ tập trung và đóng gói đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 18

40299. Khoa học chăn nuôi khác

86072.04-2023. Ứng dụng tiến bộ KHCN xây dựng mô hình chăn nuôi vịt bố mẹ sinh sản (trồng VSD x mái Star 53) và nuôi con thương phẩm theo hướng an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh Thái Bình/ TS. Trần Ngọc Tiến, ThS. Lê Tuấn Anh; ThS. Phạm Thùy Linh; ThS. Phạm Thị Xuân; ThS. Khuất Thị Tuyên; ThS. Nguyễn Thị Minh Hương; ThS. Nguyễn Thị Luyến - Thái Bình - Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, 2021; 01/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thành công mô hình chăn nuôi vịt bố mẹ sinh sản (trồng VSD x mái Star 53) và nuôi con thương phẩm theo hướng an toàn sinh học, năng suất chất lượng cao. Cung cấp con giống tại chỗ cho địa phương

Xây dựng được 01 (một) mô hình chăn nuôi vịt bố mẹ; Xây dựng 03 (ba) mô hình chăn nuôi vịt thương phẩm là con lai của vịt bố mẹ. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình chăn nuôi vịt bố mẹ sinh sản (trồng VSD x mái Star 53) và vịt thương phẩm theo hướng an toàn sinh học. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình ấp nở.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-022

40399. Khoa học thú y khác

85981.04-2023. Nghiên cứu ứng dụng nguồn gen mới để tạo đàn bê lai cao sản (bò cái nền lai Zebu của địa phương với bò đực Wagyu và Red Angus) nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Thái Bình/ TS. Phạm Văn Giới, ThS. Nguyễn Văn Trung; TS. Trần Thị Minh Hoàng; TS. Phạm Văn Sơn; Trần Sơn Hà; ThS. Quản Xuân Hữu; TS. Tăng Xuân Lưu; ThS. Trần Thị Loan; Đỗ Văn Thiêm; Đặng Văn Dũng - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2021; 05/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo được đàn bê lai từ nguồn gen mới bò thịt có năng suất, chất lượng thịt cao (bò Wagyu và Red Angus) nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Thái Bình. Lai tạo được 100 con bê lai cao sản (bò cái nền lai Zebu của địa phương

với bò đực Wagyu và Red Angus). Nâng cao kiến thức sinh sản trên bò và kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng bê lai Wagyu và Red Angus tại tỉnh Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-008

40403. Quản lý và bảo vệ rừng

85847.04-2023. **Thúc đẩy áp dụng tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững (FSC) và chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) vào các doanh nghiệp trồng rừng kinh tế và chế biến gỗ ở Việt Nam/** TS. Đào Công Khanh, TS. Triệu Thái Hưng ; CN. Dương Thị Liên; KS. Phan Văn Nhã; TS. Trần Lâm Đồng ; ThS. Nguyễn Huy Hoàng; ThS. Hoàng Thanh Sơn; ThS. Đào Lê Huyền Trang ; ThS. Nguyễn Tôn Quyền ; TS. Nguyễn Quang Trung - Hà Nội - Viện Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng, 2022; 02/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phổ biến, nâng cao kiến thức về quản lý bảo vệ rừng và cấp chứng chỉ rừng cho 100 doanh nghiệp trồng rừng, chế biến gỗ. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn áp dụng FSC FM và bộ tài liệu hướng dẫn áp dụng FSC-CoC. Tư vấn hỗ trợ 03 doanh nghiệp trồng rừng thực hiện quản lý bảo vệ rừng và cấp chứng chỉ rừng. Tư vấn hỗ trợ 07 doanh nghiệp chế biến gỗ áp dụng thành công tiêu chuẩn CoC và cấp chứng chỉ CoC. Hoàn thiện bộ tài liệu hướng dẫn áp dụng FSC FM và FSC CoC và xây dựng phương án nhân rộng.

Số hồ sơ lưu: 21198

40501. Sinh lý và dinh dưỡng thủy sản

85971.04-2023. **Nghiên cứu điều chế sản phẩm polyphenol từ Hạt bơ (*Persea americana mill.*) nhằm nâng cao hiệu quả nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*)/** TS. Phan Thị Anh Đào, - Tp. Hồ Chí Minh - Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật tp.HCM, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) là một trong những loài tôm được nuôi rộng rãi trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Đây là loài có giá trị kinh tế cao, tốc độ tăng trưởng nhanh, năng suất lớn, rất phù hợp với các loại hình nuôi thâm canh và bán thâm canh tại Việt Nam. Vi khuẩn *Vibrio* gây ra được xem là một trong những nguyên nhân chính yếu có liên quan đến hiện tượng bệnh dẫn đến tôm nuôi chết hàng loạt, gây thất thoát, thiệt hại và tính bền vững của nghề nuôi tôm ở nhiều quốc gia trong những năm qua. Do đó việc ứng dụng chế phẩm polyphenol từ hạt bơ và bổ sung vào thức ăn nuôi tôm nhằm nâng cao hiệu quả nuôi tôm thẻ chân trắng là hướng tiếp cận phù hợp, không chỉ có ý nghĩa khoa học và ứng dụng cao mà còn góp phần mang lại nhiều lợi ích cho ngành thủy sản và nông nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: HCM-130-2022

40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản

85729.04-2023. **Sản xuất thử nghiệm giống và nuôi thương phẩm nguồn gen cá măng**

(*Elopichthys* *Bambusa* Richarson,1844)/ TS. Võ Văn Bình, Nguyễn Hải Sơn; Phan Thanh Lâm; Phan Văn Thọ; Ngô Khánh Thùy Linh; Nguyễn Hữu Quân; Nguyễn Văn Toàn; Nguyễn Văn Thường; Nguyễn Văn Tùng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2022; 03/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng và hoàn thiện quy trình sản xuất giống cá măng: Tỷ lệ thành thực $\geq 55\%$; tỷ lệ đẻ $\geq 95\%$; tỷ lệ nở $\geq 50\%$; tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương $\geq 30\%$; tỷ lệ sống từ cá hương lên cá giống $\geq 60\%$. Xây dựng và hoàn thiện quy trình nuôi thương phẩm cá măng: tỷ lệ sống $\geq 80\%$; năng suất nuôi ao 2-3 tấn/ha, nuôi lồng: $\geq 4-5$ kg/m³. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cá bố mẹ, cá giống, cá thương phẩm của cá măng. Triển khai thành công 01 mô hình sản xuất giống cá măng: quy mô 25.000 cá giống/năm, tỷ lệ thành thực $\geq 55\%$; tỷ lệ đẻ $\geq 95\%$; tỷ lệ nở $\geq 50\%$; tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương $\geq 30\%$; tỷ lệ sống từ cá hương lên cá giống $\geq 60\%$. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá măng nhằm đa dạng loài nuôi nước ngọt.

Số hồ sơ lưu: 21158

40503. Bệnh học thủy sản

86005.04-2023. **Phân lập các chủng vi khuẩn có hoạt tính đối kháng với vi khuẩn gây bệnh gan thận mũ và xuất huyết trên cá tra ở Đồng bằng Sông Cửu Long**/ ThS. Lê Lưu Phương Hạnh, TS. Nguyễn

Đăng Quân; TS. Ngô Huỳnh Phương Thảo; ThS. Bùi Thị Thanh Tịnh; ThS. Lê Văn Hậu; CN. Nguyễn Hoàng Thụy Vy - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Công nghệ Sinh học TP HCM, 2021; 11/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân lập các dòng vi khuẩn đối kháng đồng thời với 2 vi khuẩn *E. ictaluri* và *A. hydrophila*. Xác định cơ chế hoạt động đối kháng và tính đa dạng di truyền của các dòng vi khuẩn phân lập được. Đánh giá hoạt tính của các dòng vi khuẩn khảo sát trên cá tra ở quy mô phòng thí nghiệm (đánh giá tính an toàn và hiệu lực). Phát triển chế phẩm sinh học ở quy mô phòng thí nghiệm. Từ đó làm cơ sở nghiên cứu, phát triển chế phẩm sinh học có hoạt tính đối kháng đồng thời với 2 vi khuẩn gây bệnh xuất huyết và gan thận mũ, bao gồm các thông tin về cách thức hoạt động và tính đa dạng di truyền.

Số hồ sơ lưu: HCM-149-2022

40504. Nuôi trồng thủy sản

78905.04-2023. **Áp dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất giống cá Diêu Hồng (Rô phi đỏ) thích ứng với điều kiện sản xuất của tỉnh Hải Dương**/ KS. Hoàng Quý Hưng, ThS. Hoàng Thị Dung; KS. Phạm Văn Tình; ThS. Vũ Thị Kim Hoa; KS. Phan Thành Thiêm; KS. Hà Văn Quốc; KS. Vũ Thế Dân ; ThS. Phạm Minh Thu; ThS Nguyễn Thị Thanh Vân - Chi cục Thủy sản tỉnh – Chi cục thủy sản tỉnh hải Dương, 2020; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất giống cá Diêu hồng (Rô phi đỏ) quy mô hộ gia đình đảm bảo thích ứng với điều kiện sản xuất của tỉnh Hải Dương với quy mô con giống sản xuất ra đủ 1 triệu con giống mỗi năm. Hoàn thiện quy trình sản xuất con giống cá Diêu hồng (Rô phi đỏ) quy mô hộ gia đình đảm bảo thích ứng với điều kiện sản xuất của tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 07HD.2020

80576.04-2023. **Ứng dụng tiến bộ khoa học xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Ngạnh *Cranoglanis boudierius* (Richardson, 1846) trong lồng và trong ao đất tại Hải Dương/** ThS Nguyễn Hải Sơn, Nguyễn Hải Sơn; Võ Văn Bình; Lê Ngọc Khánh; Bùi Phan Điền; Vũ Văn Dũng; Hoàng Văn Thoa; Trương Minh Tuấn; Nguyễn Văn Hoạt; Lương Quang Lưu - Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt Miền Bắc - Trung tâm Quốc gia giống Thủy sản nước ngọt miền Bắc, 2020; 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Ngạnh trong lồng tại tỉnh Hải Dương. Xây dựng mô hình nuôi cá Ngạnh trong ao đất tại tỉnh Hải Dương. Đào tạo tập huấn chuyển giao kỹ thuật. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm của mô hình.

Số hồ sơ lưu: 22HD.2020

85652.04-2023. **Xây dựng mô hình kỹ thuật nuôi thương phẩm Ốc nhồi (*Pila polita*) phù hợp với**

điều kiện tỉnh Hải Dương/ Ths. Vũ Thị Kim Hoa, ThS. Vũ Thị Kim Hoa; ThS Hoàng Thị Dung; ThS Nguyễn Thị Thanh Vân; KS Đặng Thị Thu Hiền; KS Phan Thành Thiêm; ThS Vũ Thị Dịu ; ThS Trần Thị Hải; KS Đinh Ngọc Trù. - Hải Dương - Sở Nông nghiệp và PTNT, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng mô hình kỹ thuật nuôi thương phẩm Ốc nhồi (*Pila polita*) phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương. Xây dựng thành công mô hình kỹ thuật nuôi thương phẩm Ốc nhồi trong ao đất. Xây dựng hoàn thiện quy kỹ thuật nuôi thương phẩm Ốc nhồi trong ao đất trong ao phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương đảm bảo theo yêu cầu. Công tác hướng dẫn kỹ thuật, tuyên truyền về kết quả của mô hình cần tiếp tục được thực hiện để các hộ nuôi có nhu cầu học tập áp dụng và nhân rộng mô hình tại địa phương, góp phần làm tăng hiệu quả kinh tế.
Số hồ sơ lưu: 03

85825.04-2023. **Nghiên cứu ứng dụng hệ thống quang sinh học photobioreactor để nuôi sinh khối tảo/** TS. Phí Thị Cẩm Miện, PGS. TS. Nguyễn Đức Bách; KS. Nguyễn Thị Hiền; KS. Kim Anh Tuấn; TS. Phùng Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Bích Lưu; ThS. Phạm Thị Huyền Trang; ThS. Phạm Thu Giang; ThS. Phạm Thị Thu Hằng - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát và đánh giá các vấn đề kỹ thuật và những khó khăn khi nuôi 2 loài tảo *C. calcitrans* và *S. costatum* tại một số vùng sản xuất giống hải sản. Xây dựng hệ thống quang sinh ở quy mô pilot 200 lít dạng airlift, xác định được quy trình nuôi tảo *C. calcitrans* và *S. costatum* trong hệ thống quang sinh. Nghiên cứu sản xuất được 2000 lít giống tảo mỗi loại tảo *C. calcitrans* và *S. costatum* đạt mật độ $> 5.10^7$ tế bào/ml đối với *C. calcitrans* và $> 3.10^8$ tế bào/ml đối với *S. costatum*. Xây dựng 01 bộ hồ sơ thiết kế hệ thống quang sinh học tích hợp ánh sáng đèn Led đơn sắc phù hợp để nuôi tảo 2 loài tảo ở quy mô 2000 lít.

Số hồ sơ lưu: 21190

85925.04-2023. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ copefloc trong nuôi tôm thẻ chân trắng/** TS. Lê Văn Khôi, ThS. Bùi Văn Điền; ThS. Trần Thị Nguyệt Minh; KS. Phạm Văn Thức; ThS. Nguyễn Thị Biên Thùy; ThS. Đỗ Văn Thịnh; ThS. Cao Văn Hạnh; TS. Vũ Văn In; KS. Cao Lê Hoàng Vinh - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2022; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình công nghệ Copefloc với các chỉ tiêu sau kỹ thuật: Năng suất 10 -15 tấn/ha/vụ, cỡ tôm thương phẩm: 40-50 con/kg, tỷ lệ sống $>80\%$, sản phẩm tôm nuôi đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; Hệ số thức ăn FCR $< 1,0$; Chi phí sản xuất giảm $> 30\%$ so với mô hình nuôi tương tự về năng suất; Quy trình công nghệ được đăng ký công

nhận Tiến bộ kỹ thuật. Xây dựng 03 mô hình nuôi tôm áp dụng quy trình ở 3 vùng sinh thái với quy mô 0,5 ha/mô hình; sản lượng tôm nuôi tối thiểu 10 tấn/mô hình. Phát triển công nghệ Copefloc hạn chế rủi ro, đầu tư thấp, thân thiện môi trường trong nuôi tôm thẻ chân trắng ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 21233

85992.04-2023. **Nghiên cứu phòng trị bệnh do liên cầu khuẩn *Streptococcus agalactiae* bằng thảo dược trên cá rô phi giống (*Oreochromis spp.*) nuôi tại thành phố Hồ Chí Minh.**/ ThS. Đoàn Văn Cường, KS. Nguyễn Thành Nhân; CN. Mã Tú Lan; TS. Nguyễn Thị Ngọc Tĩnh; TS. Nguyễn Diễm Thư; CN. Chu Quang Trọng; KS. Trần Hoàng Bích Ngọc; KS. Võ Thanh Liêm - Tp. Hồ Chí Minh - Trung Tâm Quan Trắc Môi Trường & Bệnh Thủy sản Nam Bộ, 2021; 03/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hiện nay, giải pháp phổ biến để phòng trị bệnh nhiễm khuẩn trên cá là sử dụng kháng sinh hay hóa chất. Tuy nhiên, việc sử dụng kháng sinh, hóa chất vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập, gây nên hiện tượng kháng kháng sinh ở các loài vi khuẩn gây bệnh trên động vật thủy sản, và truyền các gene kháng kháng sinh cho các loài vi khuẩn trong môi trường và vi khuẩn gây bệnh trên người. Ngoài ra, việc tích lũy kháng sinh trong động vật thủy sản có thể gây hại cho môi trường và cho người tiêu thụ. Vì vậy, các nhà khoa học đang tìm kiếm các giải pháp thay thế

(vaccine, probiotic...) trong việc kiểm soát bệnh nhiễm khuẩn trong nuôi trồng thủy sản. Trong thời gian gần đây, việc sử dụng thảo dược trong phòng trị bệnh nhiễm khuẩn đang ngày càng trở nên phổ biến do những ưu điểm: dễ tìm kiếm, giá thành thấp, hoạt tính kháng khuẩn cao, có khả năng kích thích hệ miễn dịch tự nhiên của vật chủ, thân thiện với môi trường, không gây nên hiện tượng đề kháng thuốc và đặc biệt đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với con người.

Số hồ sơ lưu: HCM-141-2022

40599. Khoa học thủy sản khác

85928.04-2023. **Nghiên cứu sản xuất giống nhân tạo và xây dựng mô hình nuôi Rươi (*Tylorrhynchus heterochaetus*) thương phẩm tại Thái Bình/ TS.** Nguyễn Xuân Trịnh, ThS. Lại Thị Thùy; ThS. Trần Văn Tam; ThS. Nguyễn Thị Lệ; ThS. Phạm Ngọc Mỹ; Đỗ Trọng Hiếu - Thái Bình - Trung tâm tư vấn và Quy hoạch phát triển thủy sản, 2021; 02/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Từ lâu, Rươi được coi là nguồn thực phẩm bổ dưỡng với hàm lượng và chất lượng dinh dưỡng cao. Theo điều tra thực tế, một ki-lô-gam Rươi tươi thu tự nhiên từ các bãi bùn cửa sông một số tỉnh miền bắc như Tứ Kỳ, Hải Dương, Thái Bình có giá thành 400.000 – 500.000 đồng, tổng thu đạt từ 210 – 500 triệu đồng/ha. Đây là một nguồn lợi kinh tế đáng kể đối với người dân địa phương. Hoàn thiện kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo và nuôi Rươi

(*Tylorrhynchus heterochaetus*) thương phẩm phù hợp điều kiện tự nhiên của tỉnh Thái Bình nhằm chủ động cung cấp con giống cho người nuôi, nâng cao sản lượng Rươi nuôi góp phần khai thác hiệu quả lợi thế và tiềm năng, đa dạng hóa loài nuôi và phát triển bền vững nghề nuôi Rươi tại tỉnh Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-002

499. Khoa học nông nghiệp khác

86012.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Gạo Đổ Động” xã Đổ Động, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội/ CN.** Lê Vũ Huyền, CN. Trịnh Dương Vân; ThS. Tăng Khương Đức; CN. Nguyễn Thanh Hương; CN. Nguyễn Huyền Trang; CN. Nguyễn Thị Hải Yến; KS. Đào Thu Trang; CN. Đào Thị Hương; CN. Nguyễn Thị Lan - Hà Nội - Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể Gạo Đổ Động được triển khai thực hiện với sự phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội và Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp Investip - Đơn vị chủ trì thực hiện dự án. Dự án đã hoàn thành, đáp ứng đầy đủ mục tiêu và yêu cầu của dự án đặt ra; các sản phẩm của dự án đầy đủ, về cơ bản đảm bảo chất lượng và yêu cầu của cơ quan chuyên môn. Về kinh phí thực hiện dự án: việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng với các hạng mục

công việc theo thuyết minh dự án đã được phê duyệt.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-33/ĐK-TTTT&TK

86013.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Khoai tây Hương Ngải” xã Hương Ngải, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội/** ThS. Phạm Thị Hạnh Thơ, ThS. Bùi Quang Duẩn; Bà Tống Thị Thanh Hương; ThS. Lê Thủy Ngân; CN. Nguyễn Thanh Nga; ThS. Nguyễn Hoàng Linh; CN. Nguyễn Hà Thanh - hà nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng phương án điều tra, mẫu phiếu điều tra, tiến hành điều tra thu thập thông tin, xử lý thông tin và đã xây dựng được báo cáo hiện trạng sản xuất kinh doanh khoai tây Hương Ngải. Thiết kế được mẫu nhãn hiệu (logo) để đăng ký NHTT; Quy chế quản lý và sử dụng; Bản công bố Tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm; Bản đồ khu vực địa lý và tổ chức 02 Hội thảo lấy ý kiến góp ý và thống nhất. Xây dựng được Bộ hồ sơ đăng ký NHTT “Khoai tây Hương Ngải” đáp ứng yêu cầu của Luật SHTT; Xây dựng hệ thống quản lý NHTT “Khoai Tây Hương Ngải”; Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất khoai tây Hương Ngải; Xây dựng hệ thống nhận diện, quảng bá cho sản phẩm mang NHTT “Khoai tây Hương Ngải”; Hệ thống nhận diện; Hệ thống quảng bá sản phẩm. xây dựng kế hoạch phát triển thị trường cho

sản phẩm mang NHTT “Khoai tây Hương Ngải”; Xây dựng kế hoạch phát triển thị trường gắn với chương trình OCOP; Xây dựng kế hoạch phát triển thị trường cho sản phẩm mang NHTT.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-29/ĐK-TTTT&TK

86015.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Bưởi đỏ Đông Cao” huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội/** ThS. Lê Kinh Hải, ThS. Ngô Nhật Lệ; CN. Vũ Thị Hồng Phượng; CN. Lương Thị Yên; CN. Vũ Hồng Nhung; CN. Lê Xuân Cường; KS. Lê Thế Soát; CN. Hà Tuấn Phú; CN. Lê Thế Khắc; KS. Nguyễn Mạnh Tuấn - hà nội - Công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nhãn hiệu đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu; Các văn bản quản lý nhãn hiệu chứng nhận đã được tổ chức chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể ban hành và đã áp dụng; Dự án đã góp phần thực hiện thành công Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của thành phố Hà Nội giai đoạn 2019 - 2020; Dự án góp phần tích cực trong việc nâng cao nhận thức cho cộng đồng về sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu tập thể; Dự án góp phần thực hiện thành công Đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP) của huyện Mê Linh và thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-21/ĐK-TTTT&TK

86017.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Thanh long ruột đỏ Ba Vì” huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội/** KS. Trần Quang Minh, ThS. Phạm Thị Thùy Nhung; CN. Phạm Thị Thanh Huyền; CN. Nguyễn Bá Hội; CN. Phạm Hà My; CN. Hàn Tường Minh; ThS. Nguyễn Khả Cường; KS. Nguyễn Văn Hiếu; CN. Nguyễn Kiều Vân Anh - hà nội - Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và Đầu tư (CONCETTI), 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thành báo cáo điều tra hiện trạng sản xuất kinh doanh Thanh long ruột đỏ của huyện Ba Vì được hoàn thành; Hồ sơ đăng ký bảo hộ NHTT được thành lập với đầy đủ các nội dung, tài liệu theo đúng quy định của pháp luật. Văn bằng bảo hộ NHTT “Thanh long ruột đỏ Ba Vì” được Cục Sở hữu trí tuệ cấp. Hệ thống công cụ quản lý NHTT “Thanh long ruột đỏ Ba Vì” được hoàn thiện, đảm bảo khoa học, đầy đủ thông tin và tính ứng dụng trong thực tiễn. Bộ công cụ quảng bá sản phẩm mang NHTT “Thanh long ruột đỏ Ba Vì” đảm bảo tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-42/ĐK-TTTT&TK

86018.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Sản phẩm chăn nuôi Phương Đình” xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội/** TS. Phạm Duy Khánh, ThS. Đặng Phúc Giang; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; Bà Nguyễn

Thị Thu Hiền; CN. Đào Tiến Dũng; CN. Nguyễn Như Khải; CN. Nguyễn Vũ Hoàng Lâm; Bà Phạm Thái Diễm My; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Hoàng Nhật Lệ - hà nội - Trung tâm phát triển nông thôn, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Văn bằng bảo hộ NHTT đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp; Các sản phẩm của dự án đã hoàn thành được giao nộp đầy đủ; Các văn bản phụ vụ hoạt động quản lý, kiểm soát, sử dụng NHTT của chủ sở hữu đã được xây dựng, ban hành phù hợp với quy định và thực tiễn tại Hợp tác xã. Hệ thống logo, nhãn mác, phương tiện phục vụ phát triển thương mại của sản phẩm được thiết kế, thống nhất và các đơn vị sử dụng; Hệ thống phương tiện nhận diện... đã hoàn thành, đáp ứng tiêu chuẩn đề hợp tác xã thực hiện quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường, người tiêu dùng cũng có cơ sở để tiếp cận, tìm hiểu về sản phẩm mang NHTT của Hợp tác xã chăn nuôi Phương Đình.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-43/ĐK-TTTT&TK

86019.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Năm Đan Phượng” huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội/** ThS. Đặng Đức Chiến, CN. Hà Thị Ngọc Bích; ThS. Đặng Phúc Giang; ThS. Phạm Thế Bảo; Ông Nguyễn Việt Đạt; CN. Đào Tiến Dũng; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Linh Chi - hà nội - Trung tâm phát triển nông thôn, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án đã tiến hành xây dựng và ban hành một hệ thống các văn bản, phương tiện phục vụ cho việc áp dụng trong quản lý, khai thác, sử dụng và phát triển NHTT “Nấm Đan Phượng”; Triển khai tập huấn, phổ biến đến người sử dụng nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức của bà con, các nông hộ trồng nấm về việc thống nhất áp dụng Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất nhằm đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm Nấm Đan Phượng; về vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng, quản lý và khai thác, bảo vệ NHTT, cũng như trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong việc đảm bảo cho hệ thống tổ chức và quản lý NHTT vận hành một cách hiệu quả. Lập hồ sơ đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận nhãn hiệu cho sản phẩm Nấm Đan Phượng (số 405943, cấp theo Quyết định số 95016/QĐ-SHTT ngày 09 tháng 12 năm 2021).

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-44/ĐK-TTTT&TK

86020.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Trúng vẹt Đông Lỗ” xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội/** PGS.TS.Vũ Tuấn Hưng, ThS. Hoàng Thị Hải Yến; CN. Đỗ Văn Uân; CN. Nguyễn Khắc Khang; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Lê Thị Thanh Bình; ThS. Vũ Thị Chanh; ThS. Vũ Thị Phương Giang; ThS. Trần Thị Hải Yến; CN. Nguyễn Thị Ánh Vân; ThS. Nguyễn Đình Long; ThS. Cù Thị Ngọc Hà - Hà Nội - Công ty TNHH Masterbrand, 2022; 12/2020

- 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác lập quyền đối với nhãn hiệu tập thể “Trúng vẹt Đông Lỗ”. Theo đó, ngày 03/12/2021 Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 93191/QĐ-SHTT về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu tập thể “Trúng Đông Lỗ” với số Văn bằng bảo hộ là 405383. Xây dựng các quy chế/quy định gồm: Quy chế quản lý và sử dụng NHTT; Quy định kiểm soát sản phẩm mang NHTT; Quy định sử dụng tem, nhãn, bao bì sản phẩm mang NHTT; Quy định hướng dẫn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mang NHTT. Hệ thống tài liệu gồm các quy chế, các quy định quản lý, sử dụng NHTT cho phép chủ sở hữu là HTX chăn nuôi dịch vụ tổng hợp Đông Lỗ có đủ cơ sở pháp lý để vận hành, quản lý và phát triển NHTT “trúng vẹt Đông Lỗ”. Kết quả của dự án cũng góp phần nâng cao hiệu quả thực thi các quyền: Chủ sở hữu đối với quyền lợi và nghĩa vụ, vai trò quan trọng trong việc bảo hộ NHTT; các thành viên là chủ thể thụ hưởng và đảm bảo giá trị tài sản trí tuệ trong việc sử dụng NHTT; cơ quan quản lý xây dựng phương án nhằm định hướng hỗ trợ các hộ nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; cộng đồng được cung cấp các thông tin thực tế về NHTT.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-27/ĐK-TTTT&TK

86021.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Phúc Thọ” cho các sản phẩm từ thịt lợn an toàn của huyện Phúc Thọ,**

thành phố Hà Nội/ ThS. Hà Trần Mạnh Hùng, KS. Trịnh Thị Quyên; CN. Phạm Gia Trí; ThS. Bùi Kim Đồng; KS. Hoàng Thị Thu Huyền; TS. Trịnh Văn Tuấn - hà nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm từ thịt lợn an toàn của HTX sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp Phúc Thọ” làm cơ sở để đăng ký nhãn hiệu, đề xuất hệ thống quản lý và sử dụng NHHTT. Xây dựng các công cụ phục vụ cho việc quản lý chất lượng các sản phẩm từ thịt lợn đăng ký nhãn hiệu và nhãn hiệu (Quy định quản lý và sử dụng nhãn hiệu, Quy định kiểm soát nhãn hiệu, Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, hệ thống nhận diện và quảng bá sản phẩm khác...). Nghiên cứu và xây dựng kế hoạch phát triển thị trường cho các sản phẩm từ thịt lợn an toàn của huyện Phúc Thọ: Tuyên truyền, vận động và thuyết phục các hộ gia đình sản xuất sản phẩm từ thịt lợn, lựa chọn và xây dựng mô hình trình diễn có hiệu quả sẽ có tác dụng nhân rộng kết quả KH-CN trong phát triển kinh tế - xã hội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-30/ĐK-TTTT&TK

86022.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Dược liệu Sóc Sơn” huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội/** CN. Lương Thị Yến, CN. Vũ Thị Phương; CN. Vũ Thị Hồng Phượng; ThS. Lê Kinh

Hải; CN. Nguyễn Thị Hiền; CN. Lê Thế Khắc; KS. Nguyễn Mạnh Tuấn; CN. Lê Thanh Kiên; CN. Lê Kinh Bình; CN. Nguyễn Thị Phương - hà nội - Công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoạt động quản lý, sử dụng tài chính luôn tuân thủ các quy định hiện hành của Trung ương và thành phố Hà Nội áp dụng cho dự án, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ, tuân thủ các quy định về hoạt động mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của luật đấu thầu, đảm bảo khách quan, đúng tiến độ. Dự án đã góp phần thực hiện thành công Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của thành phố Hà Nội giai đoạn 2019 - 2020; Dự án đã góp phần tích cực trong việc phát triển bền vững mô hình kinh tế tập thể (HTX) và người dân sản xuất và kinh doanh dược liệu trên địa bàn huyện Sóc Sơn. Dự án được đơn vị chủ trì, chủ nhiệm dự án, các thành viên thực hiện nghiêm túc và hoàn thành kế hoạch theo yêu cầu.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-20/ĐK-TTTT&TK

86023.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Dược liệu và thuốc nam Ba Vì” huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội/** THS. NGUYỄN HẢI ANH, CN. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Nguyễn Thị Kim Trang; KS. Nguyễn Văn Ba; CN. Phạm Thu Hà; CN. Nguyễn Thị Phúc; CN. Nguyễn Tiến Dũng; CN. Hoàng Thị Tâm; ThS. Hoàng Minh

Huy; Ông Lương Thế Hùng; Bà Phan Thị Anh Thư; Ông Đặng Mạnh Quân; Bà Phạm Thị Thu Trang - hà nội - Công ty TNHH tư vấn và phát triển thương hiệu AMC Việt Nam, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo dựng cơ sở pháp lý và khoa học để định hướng nghề truyền thống sản xuất và kinh doanh dược liệu và thuốc nam nơi đây dần đi vào nề nếp và theo hướng chuyên nghiệp, từng bước đảm bảo đáp ứng các quy định hiện hành của Nhà nước về sản xuất và kinh doanh dược liệu và thuốc nam. Các cơ sở căn bản cho việc phát triển NHTT sau này cũng được tạo lập để phát triển nghề truyền thống này cũng như sản phẩm dược liệu và thuốc nam sau này. Góp phần chuyển đổi tư duy, nhận thức và từng bước đạt hiệu quả tuyên truyền vận động các cộng đồng đồng bào thiểu số tại Ba Vì trong việc sản xuất thuốc nam và dược liệu.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-39/ĐK-TTTT&TK

86024.04-2023. **Xây dựng và quản lý nhãn hiệu tập thể “Mật ong Tản Viên Ba Vì” huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội/ CN.** Nguyễn Tiến Dũng, KS. Nguyễn Văn Ba; Ông Đặng Mạnh Quân; CN. Hoàng Thị Kim Tuyền; Bà Nguyễn Thị Thu Hương; Bà Nguyễn Hải Anh; Bà Hoàng Thị Tâm; ThS. Bùi Phương Thanh; Bà Phạm Thị Thu Trang; Bà Phạm Thu Hà; Ông Bùi Tuấn Anh; Ông Bùi Quang Nguyên; Ông Lương Thế Hùng; Ông Hoàng Minh

Huy; Ông Tạ Văn Tường; Bà Phan Thị Anh Thư - hà nội - Công ty TNHH tư vấn và phát triển thương hiệu AMC Việt Nam, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thành báo cáo phân tích, đánh giá hiện trạng sản xuất, kinh doanh mật ong trên địa bàn huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Hồ sơ đăng ký bảo hộ NHTT được thành lập với đầy đủ các nội dung, tài liệu theo đúng quy định của pháp luật. Văn bằng bảo hộ NHTT “Mật ong Tản Viên Ba Vì” được Cục Sở hữu trí tuệ cấp. Hệ thống văn bản công cụ phương tiện phục vụ công tác quản lý và kiểm soát sản phẩm mang NHTT Mật ong Tản Viên Ba Vì được hoàn thiện, đảm bảo khoa học, đầy đủ thông tin và tính ứng dụng trong thực tiễn. Bộ nhận diện và quảng bá sản phẩm mật ong được hoàn thành mang tính thẩm mỹ cao, tính chuyên nghiệp, có điểm nhấn. Bộ nhận diện diễn tả được mục tiêu, ý nghĩa của sản phẩm. Công cụ quảng bá sản phẩm mang NHTT “Mật ong Tản Viên Ba Vì” đảm bảo tính ứng dụng cao trong thực tiễn. Báo cáo xây dựng phát triển thị trường cho sản phẩm mang NHTT “Mật ong Tản Viên Ba Vì” đưa ra được phương hướng phát triển thị trường cho sản phẩm mật ong mang NHTT “Mật ong Tản viên Ba Vì” có tính khả thi cao.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-40/ĐK-TTTT&TK

86025.04-2023. **Nâng cao năng lực quản lý và phát triển nhãn**

hiệu tập thể “Chuối Vân Nam - Phúc Thọ” xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội/ KS. Hoàng Thị Thu Huyền, ThS. Hoàng Hữu Nội; CN. Phạm Gia Trí; ThS. Bùi Kim Đồng KS. Trịnh Thị Quyên; ThS. Hà Trần Mạnh Hùng - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, thực trạng quản lý và sử dụng nhãn hiệu làm cơ sở để xây dựng hệ thống quản lý và phát triển nhãn hiệu “Chuối Vân Nam - Phúc Thọ”. Các công cụ quản lý và sử dụng nhãn hiệu đã được điều chỉnh, hoàn thiện lại hoặc xây dựng mới phục vụ cho việc quản lý chất lượng sản phẩm và nhãn hiệu (Quy định quản lý và sử dụng nhãn hiệu, Quy định kiểm soát nhãn hiệu, Quy định kỹ thuật sản xuất, hệ thống nhận diện và quảng bá sản phẩm khác...). Xây dựng được mô hình sản xuất sản phẩm theo tiêu chí của nhãn hiệu “Chuối Vân Nam - Phúc Thọ”: Tạo ra dòng sản phẩm chuối sấy dẻo bằng việc áp dụng 1 số công nghệ chế biến đơn giản và phù hợp với thực tiễn nhằm hạn chế việc lãng phí sản phẩm sau thu hoạch. Tăng cường năng lực sản xuất, kinh doanh, quản lý và khai thác nhãn hiệu thông qua việc biên soạn các tài liệu và tổ chức tập huấn cho HTX và thành viên của HTX nông nghiệp Vân Nam.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-32/ĐK-TTTT&TK

86026.04-2023. Nâng cao năng lực quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Minh Hồng” cho sản phẩm miến dong xã Minh Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội/ ThS. Bùi Phương Thanh, CN. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Hoàng Thị Kim Tuyền; Ông Đặng Mạnh Quân; ThS. Nguyễn Hải Anh; KS. Nguyễn Văn Ba; ThS. Lê Đình Việt; Bà Hoàng Thị Tâm; Bà Phạm Thị Thu Trang; Ông Lương Thế Hùng; ThS. Tạ Văn Tường; ThS. Đỗ Quang Việt; ThS. Hoàng Minh Huy; Bà Phan Thị Anh Thư - Hà Nội - Công ty TNHH tư vấn và phát triển thương hiệu AMC Việt Nam, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích, đánh giá hiện trạng sản xuất, kinh doanh miến dong trên địa bàn huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Các công cụ quản lý và phát triển Nhãn hiệu tập thể đã được xây dựng, hoàn thành; Hệ thống văn bản công cụ phương tiện phục vụ công tác quản lý và kiểm soát sản phẩm mang NHTT Miến dong Minh Hồng được hoàn thiện, đảm bảo khoa học, đầy đủ thông tin và tính ứng dụng trong thực tiễn. Bộ nhận diện và quảng bá sản phẩm miến dong được hoàn thành mang tính thẩm mỹ cao, tính chuyên nghiệp, có điểm nhấn. Bộ nhận diện diễn tả được mục tiêu, ý nghĩa của sản phẩm. Công cụ quảng bá sản phẩm mang NHTT “Miến dong Minh Hồng” đảm bảo tính ứng dụng cao trong thực tiễn. Báo cáo xây dựng phát triển thị trường cho sản phẩm mang NHTT “Miến dong Minh Hồng” đưa ra

được phương hướng phát triển thị trường cho sản phẩm miến dong mang NHTT “Miến dong Minh Hồng” có tính khả thi cao.

Số hồ sơ lưu: HNI-2022-38/ĐK-TTTT&TK

5. Khoa học xã hội

72601.04-2023. **Đánh giá tác động của đầu tư công tới đầu tư tư nhân và đề xuất chính sách sử dụng đầu tư công hợp lý để khuyến khích đầu tư tư nhân cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đắk Nông/** PGS.TS. Bùi Quang Bình; PGS.TS. Bùi Quang Bình; TS. Ninh Thị Thu Thủy; ThS. Trần Thị Thúy Ngọc; ThS. Phan Thị Hiếu; ThS. Bùi Quang Trung; ThS. Trần Thị Hà; ThS. Nguyễn Danh Khôi; ThS. Đặng Thị Hồng Dân; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn viết Hòa; CN. Nguyễn Thị Kim Hòa; CN. Võ Thị Lan - Đà Nẵng - Trường Đại học kinh tế Đà Nẵng, 2018; 08/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tác động của đầu tư công tới đầu tư của khu vực tư nhân trong tăng trưởng kinh tế của Đắk Nông: Đề xuất các chính sách cho Chính quyền tỉnh Đắk Nông trong sử dụng đầu tư công hợp lý nhằm thu hút đầu tư tư nhân cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

72604.04-2023. **Vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông/** CN. Võ Văn Hân, CN. Võ Văn Hân; CN. Lê Quốc Đông; CN.

Nguyễn Đình Trung; ThS. Phan Quốc Lập; CN. Lê Đình Vượng; CN. Hoàng Việt Chấn; CN. Lê Hoàng; CN. Lê Sỹ Tuân; CN. Tạ Đình Đề; CN. Nguyễn Thị Hoa. - Đắk Nông - Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, 0 - 07/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ cơ sở lý luận về quyền khiếu nại, tố cáo của người dân, trách nhiệm của cơ quan chức năng và vai trò của HĐND đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân khiếu nại, tố cáo của công dân; kết quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; Phân tích, đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐND,

74899.04-2023. **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đắk Nông/** TS. Nguyễn Thị Thảo, TS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Nguyễn Phương Thảo; ThS. Nguyễn Hồng Anh; TS. Trần Đức Bình; TS. Nguyễn Minh Đức; ThS. Lê Thanh Hoa; TS. Trương Đức Linh; Ths. Trịnh Thị Nhài; TS. Phạm Trung Thành; TS. Nguyễn Hoàng Yến. - Đắk Nông - Học viện Kinh tế - Năng lượng, 2019; 07/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá thực trạng về hệ sinh thái KNDMST tỉnh Đắk Nông; dự báo tình hình và đề xuất giải pháp xây dựng hệ sinh thái

KNĐMST tỉnh Đắk Nông đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; đề xuất xây dựng kế hoạch, giải pháp định hướng KNĐMST cho tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 đáp ứng yêu cầu của cách mạng 4.0; triển khai đào tạo tập huấn và xây dựng 01 mô hình lý thuyết về KNĐMST phù hợp với đặc thù của tỉnh Đắk Nông.

Số hồ sơ lưu: 04

79191.04-2023. **Chiến lược marketing địa phương nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư và phát triển du lịch tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018 – 2025/** TS. Nguyễn Văn Hiến, TS. Nguyễn Văn Hiến; TS. Bảo Trung; TS. Ao Thu Hoài; ThS. Nguyễn Thị Minh Trâm; ThS. Nguyễn Thị Hải Bình; ThS. Huỳnh Nhật Nghĩa; ThS. Nguyễn Phương Mai - Đắk Nông - Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2019; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá thực trạng marketing địa phương trong thu hút đầu tư và phát triển du lịch và đề xuất chiến lược marketing địa phương nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư và phát triển du lịch tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018 - 2025. Đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao nhằm đưa ra các giải pháp toàn diện về marketing để tăng cường thu hút đầu tư và phát triển du lịch của tỉnh, góp phần nhanh chóng đưa Đắk Nông trở thành một tỉnh mạnh của khu vực Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 01/2020

83804.04-2023. **Nghiên cứu đề xuất giải tích tụ đất sản xuất nông nghiệp hướng tập trung quy mô lớn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông/** PGS. TS Nguyễn Tuấn Sơn, PGS.TS. Nguyễn Tuấn Sơn; TS. Lê Ngọc Hương; ThS. Nguyễn Thị Nhuận; TS. Lê Thị Long Vũ; ThS. Nguyễn Thị Minh Thu; ThS. Thái Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thị Huyền Châm; ThS. Bùi Thị Khánh Hòa; ThS. Đoàn Bích Hạnh; CN. Vũ Thị Mỹ Huệ; CN. Nguyễn Thị Thu Huyền; CN. Phan Văn Sinh - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 06/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn về tích tụ đất đai. Đánh giá thực trạng tích tụ đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Xây dựng hệ thống các giải pháp đẩy mạnh tích tụ đất sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung qui mô lớn thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh Đắk Nông.

Số hồ sơ lưu: 03/2021

83816.04-2023. **Nghiên cứu khoa học phục vụ công tác tham mưu tại các cấp ủy đảng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông - thực trạng và giải pháp/** CN. Hà Trung Ký, CN. Hà Trung Ký; ThS. Bùi Huy Thành; TS. Nguyễn Thị Thanh Kiều; ThS. Võ Phạm Xuân Lâm; TS. Lê Khắc Ghi; ThS. Đỗ Tấn Sương; ThS. Đoàn Văn Kỳ; ThS. Khuất Thị Yên; CN. Nguyễn Văn Vân; ThS. Tống Thị Ngọc Quyên; ThS. Phan Văn Quốc; CN. Nguyễn Văn Dũng; CN.

Hoàng Lê Trang; CN. Nguyễn Thị Kim Thu. - Đắk Nông - Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, 2021; 11/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nâng cao nhận thức của lãnh đạo, cán bộ tham mưu các ban đảng của tỉnh ủy, huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy về tầm quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học phục vụ xây dựng các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Góp phần vào xây dựng một cách khoa học các nghị quyết, chủ trương, dự án phát triển kinh tế - xã hội của cấp ủy và chính quyền từ tỉnh đến huyện và tương đương; tạo môi trường cho cán bộ tại các ban đảng của Tỉnh ủy, huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc tỉnh Ủy tham gia nghiên cứu khoa học.

Số hồ sơ lưu: 02/2021

85300.04-2023. **Tạo lập và quản lý chỉ dẫn địa lý "Đắk Nông" cho sản phẩm hồ tiêu cả tỉnh Đắk Nông/** CN. Dương Thành Long, CN. Dương Thành Long; CN. Võ Quang Hùng; KS. Lê Văn Vĩnh; CN. Đỗ Việt Dũng; CN. Nguyễn Thùy Dương; PGS.TS Dương Phúc Tý; CN. Nguyễn Thị Siêm; KS. Nguyễn Nho Lý; ThS. Nguyễn Trung Trực; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Nhi; CN. Ninh Văn Đước; Nguyễn Thiện Chân; CN. Trần Ngọc Thành - Đắk Nông - Trung tâm Nghiên cứu công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK, 2021; 06/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo lập chỉ dẫn địa lý "Đắk Nông" cho sản phẩm hạt tiêu thương

phẩm của tỉnh Đắk Nông và thiết lập mô hình quản lý chỉ dẫn địa lý phù hợp và hiệu quả trên thực tế nhằm duy trì danh tiếng sản phẩm, nâng cao giá trị thương phẩm, tạo điều kiện quảng bá sản phẩm, tạo điều kiện mở rộng thị trường, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nâng cao đời sống người dân sản xuất và kinh doanh hồ tiêu. Thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin. Tạo lập chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm hồ tiêu. Quản lý chỉ dẫn địa lý "Đắk Nông".

Số hồ sơ lưu: 21/KQNC

85923.04-2023. **Xây dựng vườn ươm khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.** TS. Nguyễn Văn Đạt, PGS.TS. Lê Đức Niêm (Thư ký); TS. Dương Thị Ái Nhi; ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân; ThS. Bùi Ngọc Tân; ThS. Huỳnh Thị Nga; KS. Trịnh Văn Vinh. - Đắk Lắk - Trường Đại học Tây Nguyên, 2022; 11/2018 - 07/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống hóa lý luận chung về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Xây dựng vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Đắk Lắk phù hợp với yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tập hợp các ý tưởng đổi mới, sáng tạo khởi nghiệp của các thành phần trong xã hội và đào tạo sinh viên có kiến thức và năng lực khởi nghiệp tại vườn ươm khởi nghiệp. Xây dựng hệ sinh thái, duy trì hoạt động vườn ươm, thu hút các nhà khoa học, doanh nghiệp và các đối tượng có đam mê khởi nghiệp. Đánh giá được tác động và

lợi ích do kết quả nghiên cứu, triển khai của đề tài mang lại.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2022-018

85938.04-2023. **Nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng tới năm 2030/** TS. Đỗ Thanh Giang, TS. Trần Thị Bích Hằng; ThS. Trịnh Quang Hiệp; ThS. Nguyễn Văn Dực; ThS. Nguyễn Mạnh Khương; ThS. Phạm Văn Quang; Đỗ Ngọc Dư; ThS. Vũ Hoàng Kiên; Nguyễn Mạnh Hà; Phạm Xuân Thảo; Nguyễn Thị Minh Hà; Phí Văn Chinh; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Vũ Thị Út; Phạm Hồng Kỳ; ThS. Hà Thị Thanh Hương; ThS. Trần Minh Khuê; Nguyễn Thị Tuyết Mai; Lê Thanh Tú; ThS. Đinh Văn Tuyên; ThS. Phạm Văn Vũ; Nhâm Sỹ Hoàng; ThS. Phạm Hồng Việt; ThS. Nguyễn Đình Hiệp - Thái Bình - Sở Khoa học và Công nghệ Thái Bình, 2021; 02/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng Đề án phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng tới năm 2030 trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện. Đánh giá thực trạng hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020. Xây dựng Đề án phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng tới năm 2030, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-005

85988.04-2023. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống văn khắc Hán Nôm trên bia đá tại các di tích lịch sử văn hóa ở huyện Đông Hưng và Kiến Xương tỉnh Thái Bình/** CN. Đỗ Quốc Tuấn, ThS. Đỗ Thị Tuyết Nhung; GS. TS. Đinh Khắc Thuân; ThS. Vũ Mạnh Hùng; CN. Trần Thị Thùy Liên; CN. Đào Thị Bích Ngọc; CN. Nguyễn Khánh Hạ; CN. Hà Văn Phú; CN. Trần Văn Lâm; CN. Nguyễn Khánh Hòa; CN. Phạm Đức Kha; ThS. Trương Thị Hồng Hạnh; CN. Cao Thị Thoi; CN. Trần Thu Bình; CN. Nguyễn Thị Vi - Thái Bình - Bảo tàng tỉnh Thái Bình, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá đúng thực trạng văn khắc Hán Nôm trên bia đá tại các ngôi chùa là di tích lịch sử văn hóa thuộc hai huyện Đông Hưng và Kiến Xương, từ đó đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn bia đó. Đánh giá đúng thực trạng hệ thống văn bia trong các ngôi chùa đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa tại huyện Đông Hưng và huyện Kiến Xương. Đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị các văn bia hiện có tại di tích lịch sử nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-010

86033.04-2023. **Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách tư pháp ở Thái Bình giai đoạn 2021-2026/** ThS. Hoàng Thái Phúc, CN. Phạm Thị Liễu Lập; CN. Đặng Thị Thu Hằng; CN. Trần Huy Hải; CN. Hán

Thành Trung; ThS. Nguyễn Thị Khánh; TS. Phạm Thị Mỹ Hương; CN. Nguyễn Thị Lương; CN. Lại Tiến Mạnh; TS. Nguyễn Thị Huệ; ThS. Nguyễn Thị Ngọc; ThS. Nguyễn Hồng Lĩnh; CN. Nguyễn Văn Đoàn; CN. Phạm Thị Quỳnh Trang - Thái Bình - Ban Nội chính Tỉnh uỷ Thái Bình, 2021; 02/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nâng cao hiệu quả công tác cải cách tư pháp ở Thái Bình giai đoạn 2021 – 2026. Làm rõ cơ sở lý luận về tư pháp và cải cách tư pháp. Nghiên cứu bối cảnh quốc tế, trong nước, thời cơ, thách thức đối với công tác cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay; kinh nghiệm về cải cách tư pháp và bài học rút ra cho tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2026.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-011

86037.04-2023. **Một số giải pháp tăng cường quản lý đầu tư tại các đơn vị sự nghiệp công lập do cấp tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Thái Bình/** ThS. Vũ Kim Cú, ThS. Đặng Văn Bắc ThS. Phạm Việt Phương; CN. Đinh Ngọc Tuấn; ThS. Nguyễn Quang Trung; CN. Lê Thị Mai Quyên; CN. Nguyễn Thị Quyên; ThS. Phạm Thị Phương; ThS. Nguyễn Trường Giang; ThS. Lê Hoàng Hải; CN. Lã Hoàng Sơn; KS. Phạm Văn Mẫn; CN. Đàm Thị Bích Ngọc; KS. Phạm Xuân Thịnh; KS. Phan Thị Thu Hiền - Thái Bình -

Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý đầu tư tại các đơn vị sự nghiệp công lập, đề tài phân tích, đánh giá thực trạng quản lý đầu tư tại các đơn vị sự nghiệp công lập do cấp tỉnh quản lý trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 thuộc các lĩnh vực: Y tế, Giáo dục - Đào tạo trên địa bàn tỉnh, rút ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý đầu tư tại các đơn vị sự nghiệp công lập do cấp tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong thời gian tới. Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý đầu tư tại các đơn vị sự nghiệp công lập do cấp tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-012

86040.04-2023. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình/** ThS. Phạm Văn Nghiêm, ThS. Trần Thế Dũng; Nguyễn Thanh Tuyền; Trần Hồng Sơn; CN. Trần Tiến Phi; CN. Trần Thị Thu Hà; CN. Khổng Minh Đức; CN. Phạm Mạnh Hùng; CN. Phạm Thị Thủy; CN. Bùi Thị Kiều Nguyên; CN. Phạm Văn Chương; CN. Đỗ Trọng Hùng - Thái Bình - Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình, 2021; 02/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát thực trạng về tổ chức và hoạt động của các tổ chức hội, công tác quản lý nhà nước về hội của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, công tác quản lý, hoạt động của các tổ chức hội trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đánh giá tồn tại, hạn chế của các tổ chức này, đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức hội trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về hội, tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý hội và lãnh đạo các tổ chức hội, người làm việc tại các hội. Kiến nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-013

86043.04-2023. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận của chính quyền trên địa bàn tỉnh Thái Bình/** ThS. Nguyễn Văn Giang, ThS. Phạm Thúy Quỳnh; CN. Trần Quang Minh; ThS. Trần Hữu Nam; CN. Nguyễn Thị Nhi; CN. Bùi Văn Đạt; CN. Lương Thị Ánh; CN. Nguyễn Thị Thêu; CN. Phạm Thị Dinh; CN. Nguyễn Đình Thái; CN. Nguyễn Thị Loan; . Tạ Văn Bằng; ThS. Nguyễn Ngọc Sáng; CN. Ngô Đăng Trung; ThS. Nguyễn Thanh Tuấn; ThS. Phạm Việt Hùng - Thái Bình - Ban Dân vận Tỉnh ủy Thái Bình, 2021; 02/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác dân vận của chính quyền

trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Chỉ rõ những ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện công tác dân vận của chính quyền tại địa phương; những nguyên nhân chủ quan, khách quan tác động đến công tác dân vận của chính quyền và rút ra bài học kinh nghiệm. Từ đó, đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác dân vận của chính quyền trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021 – 2026.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-014

86044.04-2023. **Nghiên cứu thực trạng, đề xuất xây dựng mô hình chi bộ kiểu mẫu trong các loại hình chi bộ trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025/** ThS. Phạm Văn Tuấn, ThS. Trịnh Ngọc Thắng CN. Nguyễn Xuân Trường; TS. Ngô Đông Hải; CN. Nguyễn Văn Hiệu; CN. Phạm Hồng Phú; CN. Trần Ngọc Thái; CN. Trần Thị Thu Hương; CN. Nguyễn Thị Minh Cúc; ThS. Chu Thị Thanh Loan; ThS. Trần Thị Huyền; CN. Ngô Bá Chiêu; CN. Đinh Thị Thùy; ThS. Đỗ Hồng Phương; ThS. Khiếu Ngọc Sáng; CN. Phạm Chí Công - Thái Bình - Ban Tổ chức Tỉnh ủy, 2021; 03/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống hoá cơ sở khoa học cả về lý luận và thực tiễn về vị trí, vai trò của chi bộ; nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên về mục đích, ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Phân tích, đánh giá thực trạng về chất lượng sinh hoạt chi bộ gắn với đặc trưng, đặc thù theo chức năng, nhiệm vụ

vụ ở mỗi loại hình chi bộ và điều kiện thực tiễn của địa phương, đơn vị. Nghiên cứu xây dựng bộ khung tiêu chí về mô hình chi bộ kiểu mẫu áp dụng cho mỗi loại hình chi bộ bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc về tổ chức sinh hoạt đảng, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt chi bộ. Đề xuất giải pháp triển khai mô hình chi bộ kiểu mẫu ở mỗi loại hình chi bộ trong giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-015

86045.04-2023. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác nắm bắt và định hướng dư luận xã hội trong công nhân, viên chức, người lao động tỉnh Thái Bình/** ThS. Bùi Xuân Vinh, CN. Phạm Thị Tuyết Dinh; CN. Nguyễn Thái Dương; CN. Nguyễn Thanh Bình; CN. Hoàng Thị Hương; CN. Đào Xuân Tuấn; ThS. Hoàng Ngọc Cường; CN. Nguyễn Thị Phương; CN. Nguyễn Thị Chuyên; KS. Nguyễn Thị Mai Khánh; CN. Hoàng Thế Tranh; CN. Phạm Thị Thắng; CN. Tăng Thị Hiệu - Thái Bình - Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Bình, 2022; 02/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng, ưu điểm và những tồn tại, hạn chế trong công tác nắm bắt và định hướng dư luận xã hội trong công nhân, viên chức, người lao động tỉnh Thái Bình. Nâng cao nhận thức của các cấp công đoàn trong tỉnh về vai trò, tầm quan trọng của công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội trong

công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động công đoàn góp phần vào công tác lãnh đạo, quản lý kinh tế, quản lý xã hội của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác nắm bắt và định hướng dư luận xã hội trong công nhân, viên chức, người lao động theo tinh thần Kết luận số 100-KL/TW ngày 18/8/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI về việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu DLXH và Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về “Đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới”.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-016

86046.04-2023. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực công tác Đảng, công tác chính trị cho đội ngũ chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ở tỉnh Thái Bình trong giai đoạn hiện nay/** Thượng tá Trần Văn Nguyên, Trung tá Vũ Duy Hào; Thượng tá Hà Văn Hiền; Thiếu tá Vũ Quang Tuấn; Trung tá Lưu Xuân Định; Trung tá Bùi Công Phàn; Trung tá Nguyễn Văn Ổn; Đại úy Nguyễn Hải Ninh; Trung tá Trần Văn Đang; Thượng tá Nguyễn Xuân Thắng; Trung tá Phạm Ngọc Viên; Thiếu tá Nguyễn An Sơn; Trung tá Hà Văn Hằng; Trung tá Nguyễn Hải Nam; Trung tá Vũ Văn Nam - Thái Bình - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình, 2021; 02/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn của việc tất yếu yêu cầu nâng cao năng lực CTĐ, CTCT cho ĐNCTV ban CHQS cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở cấp xã ở nước ta hiện nay. Làm rõ thực trạng CTĐ, CTCT cho ĐNCTV cấp xã trong giai đoạn hiện nay. Đề xuất các giải pháp thực sự hiệu quả nhằm nâng cao năng lực CTĐ, CTCT cho ĐNCTV cấp xã của tỉnh Thái Bình trong giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-017

86058.04-2023. **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đổi mới phương pháp tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh Thái Bình/** ThS. Phạm Đồng Thụy, ThS. Tô Sỹ Chức; CN. Trịnh Thị Hoàng Yên; ThS. Nguyễn Thị Thơm; CN. Dương Văn Lễ; ThS. Đào Đình Hùng; CN. Vũ Thị Ngọc Hoa; CN. Vũ Xuân Nam; CN. Trần Thị Loan; CN. Trần Ngọc Tú; ThS. Đỗ Thị Yên; CN. Đỗ Trọng Tiên; CN. Đoàn Minh Thủy; CN. Bùi Thị Lý; CN. Đinh Thị Thu Hiền - Thái Bình - Ban Tuyên giáo, 2021; 02/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn, đề xuất các giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong tình hình mới. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, phân tích và làm rõ thực tiễn vấn đề tuyên truyền Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; khảo sát, đánh

giá thực trạng tình hình công tác tuyên truyền Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh Thái Bình; làm rõ những thành tựu đạt được cũng như tồn tại, hạn chế và nguyên nhân dẫn đến thực trạng từ đó, đề xuất những giải pháp khả thi để đổi mới phương pháp tuyên truyền Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ tỉnh trong sạch vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-018

86063.04-2023. **Một số giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư nguồn ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước Thái Bình giai đoạn 2021-2025/** ThS. Nguyễn Trung Kiên, ThS. Phạm Thị Hằng; ThS. Trần Văn Viên; ThS. Nguyễn Thị Hải; ThS. Phạm Thị Vân; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Thị Minh Đức; ThS. Nguyễn Thị Trần Thìn; ThS. Lương Thị Thu Hương; ThS. Khiếu Việt Dũng; ThS. Nguyễn Thị Ngát; ThS. Tô Thị Thiệu Hoa; ThS. Đỗ Đình Phát; ThS. Vũ Kiên; ThS. Nguyễn Thị Dung - Thái Bình - Kho bạc Nhà nước Thái Bình, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn sự nghiệp

có tính chất đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Thái Bình năm 2016-2020, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Thái Bình giai đoạn 2021-2025 theo hướng cải cách thủ tục hành chính, phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/1/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày

11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và các văn bản quy phạm pháp luật khác, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị sử dụng ngân sách, Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án và nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chi vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước Thái Bình giai đoạn 2021-2025.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-020

86103.04-2023. **Nghiên cứu thúc đẩy phát triển kinh tế xanh tỉnh Trà Vinh/** TS. Nguyễn Thị Minh hòa, TS. Nguyễn Thị Minh Hòa; TS. Nguyễn Thị Hồng; TS. Phạm Ngọc Thành; TS. Nguyễn Xuân Hương; PGS.TS. Nguyễn Hồng Hà; ThS. Phạm Văn Bé Sáu; PGS.TS. Phạm Hồng Nhật; ThS. Nguyễn Phú Bảo; TS. Phạm Ngọc Toàn; ThS. Hà Tuấn Anh - Hà Nội - Trường Đại học Lao động - Xã hội.,

2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu phân tích thực trạng kinh tế tỉnh Trà Vinh theo hướng kinh tế xanh; đánh giá các yếu tố chính tác động đến tăng trưởng kinh tế xanh tỉnh Trà Vinh; đề xuất các mục tiêu, định hướng, giải pháp phù hợp thúc đẩy chuyển đổi mô hình theo hướng tăng trưởng xanh và đề xuất các nhóm giải pháp phù hợp nhằm tăng tính khả thi trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh ở tỉnh Trà Vinh

Số hồ sơ lưu: TVH-2022-009

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

85709.04-2023. **Nghiên cứu đề xuất các nội dung quản lý nhà nước về kinh tế số của Bộ Thông tin và Truyền thông/** ThS. Phạm Minh Tiến, ThS. Hoàng Anh ThS. Vũ Minh Hải; ThS. Trần Thị Như Hoa - Hà Nội - Vụ Tổ chức Cán bộ, 2021; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và nhu cầu quản lý nhà nước về kinh tế số tại Việt Nam. Đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm quản lý kinh tế số trên thế giới. Qua đó đề xuất các nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế số của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Số hồ sơ lưu: 21145

85723.04-2023. **Nghiên cứu giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực Công Thương/** ThS. Phạm Mạnh Hùng, ThS. Vũ Diệu

Hiền; ThS. Nguyễn Hà My; CN. Đinh Xuân Khiêm; ThS. Lê Minh Hà; ThS. Nguyễn Thanh Phương; CN. Đặng Thị Tú; ThS. Tạ Thị Hồng; KS. Vũ Bằng Giang; ThS. Nguyễn Thùy Lan; CN. Phạm Kiên Trung; ThS. Mai Thị Phương Liên - Hà Nội - Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương, 2021; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và làm rõ các nội dung về kinh tế tuần hoàn nhằm đề xuất giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực công thương mà Bộ Công Thương quản lý, Phân tích thực trạng giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn của Bộ Công Thương; thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn tại các doanh nghiệp trong và ngoài ngành Công Thương. Từ đó, đề xuất giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực công thương mà Bộ Công Thương quản lý.

Số hồ sơ lưu: 21149

85861.04-2023. **Kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19: Phục hồi và chuyển đổi/** PGS. TS. Bùi Quang Tuấn, TS. Phạm Sỹ An; TS. Hà Huy Ngọc; TS. Lê Văn Hùng; TS. Bùi Thu Trang; TS. Nguyễn Đình Hòa; ThS. Trần Thị Mỹ Anh; ThS. Trần Thị Kim Chi; ThS. Trần Văn Hoàng; ThS. Trần Đình Nuôi - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2022; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số nét nổi bật của kinh tế trong năm 2021 dưới các khía cạnh tăng trưởng kinh tế, ổn

định vĩ mô, thương mại, việc làm...; Tác động của dịch cúm COVID-19 đến tổng thể nền kinh tế và cụ thể cho các lĩnh vực kinh tế (dịch vụ, nông nghiệp, công nghiệp...) và các phản ứng chính sách của Chính phủ nhằm khắc phục ảnh hưởng của COVID-19 đến nền kinh tế; Đề xuất hệ giải pháp hỗ trợ nền kinh tế nhanh chóng phục hồi sau COVID-19 và các định hướng chuyển đổi của nền kinh tế cho phù hợp với bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 21208

85882.04-2023. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa trong tiến trình chuyển đổi số ở Việt Nam/** TS. Đặng Thanh Phương, TS. Trịnh Thị Thanh Thủy; ThS. Trần Thị Ngọc Ánh; ThS. Phạm Vũ Quang Huy; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Vân; ThS. Nguyễn Minh Thắng; ThS. Lê Vĩnh Quốc; ThS. Phạm Kim Oanh; CN. Đặng Anh Đào; ThS. Hà Ngọc Thanh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với xuất nhập khẩu hàng hóa trong tiến trình chuyển đổi số. Nghiên cứu kinh nghiệm của nước ngoài về quản lý nhà nước đối với xuất nhập khẩu hàng hóa trong tiến trình chuyển đổi số và rút ra bài học cho Việt Nam; Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với xuất nhập khẩu hàng hóa ở Việt Nam hiện nay trong tiến trình chuyển đổi số; Xác định bối cảnh,

vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước đối với xuất nhập khẩu hàng hóa trong tiến trình chuyển đổi số ở Việt Nam trong thời gian tới. Đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp quản lý nhà nước đối với xuất nhập khẩu hàng hóa trong tiến trình chuyển đổi số ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Số hồ sơ lưu: 21219

50202. Kinh doanh và quản lý

85467.04-2023. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp chuyển đổi số toàn diện ở nông thôn thông qua thúc đẩy thương mại điện tử/** ThS. Đông Hoàng Vũ, ThS. Vũ Phúc Yên; TS. Vũ Phi Tuyền - Hà Nội - Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ chuyển đổi số, chuyển đổi số toàn diện khu vực nông thôn; mối tương quan giữa thương mại điện tử và chuyển đổi số và trong việc thúc đẩy phát triển khu vực nông thôn của Việt Nam và kinh nghiệm của một số quốc gia được lựa chọn theo tiêu chí được đưa ra trong quá trình nghiên cứu. Nghiên cứu không cố gắng giải quyết hết mọi thách thức, khó khăn trong việc phát triển toàn diện khu vực nông thôn mà chỉ đưa ra một vài giải pháp mang tính trọng tâm để giải quyết một số vấn đề nổi cộm thông qua việc thúc đẩy TMĐT nông thôn, phát triển kinh tế số khu vực nông nghiệp nông thôn. Tập trung vào phản ảnh hoạt động có yếu tố thương mại điện tử thông qua các sàn thương mại điện tử. Trong đó sàn thương mại

điện tử có thể hiểu là website thương mại điện tử cho phép thương nhân, tổ chức, cá nhân không phải chủ sở hữu của website có thể tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên đó (Nghị định 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử).

Số hồ sơ lưu: 21056

85479.04-2023. **Xây dựng ứng dụng đo lường và xếp hạng rủi ro hệ thống của các ngân hàng thương mại Việt Nam/** TS. Lê Hải Trung, TS. Đỗ Thu Hằng; PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương; ThS. Lê Trung Kiên; ThS. Tạ Thanh Huyền; TS. Nguyễn Bích Ngân; TS. Nguyễn Bích Ngọc; ThS. Trần Thị Thu Hường - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 09/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp các cơ sở khoa học và các phương pháp đo lường rủi ro hệ thống. Phân tích và xếp hạng rủi ro hệ thống của các NHTM Việt Nam hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán. Xây dựng ứng dụng xếp hạng và cung cấp biến động lịch sử rủi ro hệ thống của các NHTM theo các phương pháp đo lường khác nhau và có khả năng cập nhật định kỳ. Từ đó khuyến nghị liên quan đến theo dõi và giám sát rủi ro hệ thống của các NHTM

Số hồ sơ lưu: 21057

85494.04-2023. **Chính sách khuyến khích phát triển chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản Việt Nam trong bối cảnh mới/** PGS. TS. Nguyễn An Hà, PGS.TS. Bùi Thị

Nga; TS. Hoa Hữu Cường; Nguyễn Văn Phương; TS. Đinh Mạnh Tuấn; ThS. Trịnh Thành Vinh; ThS. Lê Hoàng Minh; ThS. Bùi Việt Hưng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2022; 08/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở lý luận về chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản, Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển chuỗi cung ứng ngắn ở một số nước châu Âu. Nghiên cứu thực trạng hệ thống cung ứng nông sản và thực trạng thực thi cơ chế chính sách chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản ở Việt Nam. Đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi cung ứng ngắn nông sản trong bối cảnh mới. Đề xuất giải pháp, khuyến nghị cho Nhà nước và địa phương trong việc hoàn thiện cơ chế và chính sách quản lý và khuyến khích phát triển chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản.

Số hồ sơ lưu: 21065

85508.04-2023. **Liên kết khai thác nguồn lực hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, ẩm thực, thủ công mỹ nghệ/** Trần Vũ Tuấn Phan, Vũ Thị Xen; Nguyễn Quốc Đạt; Hà Thị Vinh; Nguyễn Hoàng Oanh; Lê Quang Thái; Đặng Thanh Tú; Lê Ngọc Thạch; Phùng Thị Việt Bắc - Hà Nội - Trung tâm Ươm tạo Công nghệ và Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ, 2020; 03/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Liên kết nguồn lực hỗ trợ khởi nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, ẩm thực, thủ công mỹ nghệ. Kết nối các doanh nghiệp, các nhóm

khởi nghiệp có sản phẩm, ý tưởng, giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp dịch vụ du lịch, ẩm thực, thủ công mỹ nghệ. Nâng cao kiến thức chuyên sâu về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho khu vực dân cư và đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp tại làng nghề. Nâng cao năng lực tổ chức doanh nghiệp khởi nghiệp bắt kịp cuộc cách mạng 4.0 song hành với bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Nâng cao sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp khởi nghiệp trong làng nghề đảm bảo hiệu quả mô hình sản xuất và mô hình tiêu thụ sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 21072

85515.04-2023. **Nhận thức và thích ứng của thanh niên đô thị đối với vấn đề chuyển đổi số hiện nay/** TS. Phạm Quang Linh, TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Lê Thị Ngọc Thúy; ThS. Lê Quang Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Nguyễn Thị Bích Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hà; ThS. Phan Tuấn Anh; CN. Trần Thị Khánh Huyền; CN. Nguyễn Thanh Bình - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2022; 10/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn về chuyển đổi số, thực trạng chuyển đổi số ở Việt Nam. Tìm hiểu thực trạng nhận thức và sự thích ứng của thanh niên thông qua việc sử dụng các ứng dụng gắn với chuyển đổi số trên các lĩnh vực Kinh tế số, Chính phủ số, Xã hội số. Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới nhận thức

và khả năng thích ứng của thanh niên trong quá trình chuyển đổi số. Đề xuất một số khuyến nghị, giải pháp nhằm nâng cao nhận thức và khả năng thích ứng của thanh niên trong bối cảnh Việt Nam đang mạnh mẽ tiến hành chuyển đổi số.

Số hồ sơ lưu: 21068

85516.04-2023. **Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu điều tra thống kê về doanh nghiệp khoa học và công nghệ và phương pháp đo lường các chỉ số phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ./** ThS. Dương Thị Thu Nga, TS. Đào Quang Thủy; CN. Nguyễn Thị Thơ; ThS. Lương Tuấn Minh; ThS. Trần Thị Vân Anh; CN. Vũ Thu Trang; ThS. Phùng Thị Hồng Vân; ThS. Trần Xuân Đích; CN. Phùng Văn Quân; ThS. Vũ Thùy Liên - Hà Nội - Văn phòng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 2022; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đề xuất bộ chỉ tiêu thống kê phản ánh đầy đủ tình hình và kết quả hoạt động KH&CN chủ yếu của DNKHCN, xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác về DNKHCN, làm cơ sở cho việc đánh giá sự phát triển của hệ thống DNKHCN. Từ đó tạo cơ sở thực tiễn cho việc kiến nghị các chính sách, giải pháp phát triển DNKHCN phù hợp và hiệu quả hơn, thúc đẩy việc xây dựng và phát triển hệ thống DNKHCN tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21069

85701.04-2023. **Hỗ trợ thương mại hóa công nghệ sản xuất vật liệu gỗ nhựa thân thiện với môi trường/** CN. Đào Tiến Thịnh, CN. Vũ Văn Tôn; CN. Hoàng Khắc Tuấn; CN. Vũ Anh Tùng; KS. Trần Văn Tuấn; CN. Nguyễn Thị Thu Huyền; TS. Nguyễn Vũ Giang; TS. Đỗ Quang Thâm; Mai Đức Huỳnh; Trần Hữu Trung - Hà Nội - Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhựa gỗ châu âu, 2020; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tình hình nghiên cứu vật liệu composit nhựa gỗ trong và ngoài nước. Tiến hành nghiên cứu, đánh giá thị trường, xác định nhu cầu và khả năng cung cấp sản phẩm trên thị trường, qua đó đề xuất phương án điều chỉnh, nâng cấp sản phẩm. Hoàn thiện, nâng cấp 03 quy trình công nghệ chế sản phẩm nhựa gỗ từ nghiên cứu phòng thí nghiệm điển quy mô pilot. Tiến hành xây dựng phương án xuất khẩu và định hướng kế hoạch khu vực xuất khẩu gỗ nhựa Việt Nam. Đồng thời, xây dựng phương án và kênh thương mại hóa, xây dựng phương án kêu gọi vốn.

Số hồ sơ lưu: 21144

85779.04-2023. **Nghiên cứu đề xuất định hướng chiến lược phát triển ngành Công Thương giai đoạn 2021-2030/** TS. Trần Huy Hoàn, TS. Phạm Văn Kiêm; TS. Vũ Thị Như Quỳnh; TS. Lê Huyền Trang; ThS. Tưởng Thị Thanh Vinh; ThS. Lê Thị Tuyết Minh; CN. Nguyễn Ngọc Phú; CN. Đinh Thị Thu Hương; CN. Nguyễn Ngọc Anh

- Hà Nội - Vụ Kế hoạch, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về định hướng chiến lược phát triển ngành Công Thương; Đánh thực trạng phát triển ngành Công Thương giai đoạn Chiến lược 2011-2020; Đánh giá thực trạng chủ trương, đường lối và chính sách phát triển ngành Công Thương giai đoạn Chiến lược 2011-2020; Phân tích, dự báo bối cảnh thế giới và Việt Nam trong 10 năm giai đoạn 2021 - 2030 tác động đến ngành Công Thương; Đề xuất định hướng chiến lược phát triển ngành Công Thương giai đoạn 2021-2030 (bao gồm quan điểm, định hướng, tầm nhìn, mục tiêu, các đột phá chiến lược và giải pháp)

Số hồ sơ lưu: 21169

85838.04-2023. **Đề xuất hoàn thiện chính sách và tổ chức thực hiện chế độ ốm đau, thai sản ở Việt Nam/** ThS. Bùi Thị Kim Loan, CN. Nguyễn Thị Minh Huế; ThS. Nguyễn Thùy Phương; CN. Phạm Thị Quỳnh Mai; ThS. Nguyễn Thị Bích Hằng; ThS. Đinh Nho Khánh; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Phạm Thị Khánh Linh; ThS. Đào Duy Khánh; CN. Nguyễn Thị Oanh - Hà Nội - Ban Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, 2022; 07/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích lý luận chung về chế độ ốm đau, thai sản. Đánh giá tình hình thực hiện chế độ ốm đau, thai sản theo quy định của Luật BHXH năm 2014, kết quả thực hiện, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính

sách và tổ chức thực hiện chế độ ốm đau thai sản ở Việt Nam trên các cơ sở đánh giá về tình hình thực hiện chế độ ốm đau, thai sản theo quy định của Luật BHXH năm 2014.

Số hồ sơ lưu: 21196

85956.04-2023. **Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội doanh nghiệp 04 ngành công nghiệp trọng yếu Thành phố Hồ Chí Minh (2010 – 2018)/** PGS. TS. Vương Đức Hoàng Quân, TS. Trương Minh Chương; ThS. NCS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Ngọc Bình Phương; ThS. Võ Thị Ngọc Trân; ThS. Nguyễn Nguyên Phương; ThS. Ngô Lan Chi; ThS. Phạm Bình An; CN. Võ Văn Tấn; ThS. Nguyễn Thị Huỳnh Mai - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá xu hướng phát triển, tốc độ phát triển trong thời gian qua và hiệu quả kinh tế - xã hội hiện nay của các ngành công nghiệp trọng yếu, các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp và các phân ngành của mỗi ngành; Nhận diện tác động của một số chính sách của Nhà nước và các cấp thẩm quyền thành phố Hồ Chí Minh đến hiệu quả kinh tế - xã hội của các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp trọng yếu của thành phố Hồ Chí Minh; Nhận diện các yếu tố nội bộ, các yếu tố bên ngoài (môi trường) của doanh nghiệp tác động đến hiệu quả kinh tế - xã hội của các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp trọng yếu của thành phố Hồ Chí Minh; Đề xuất một số điều chỉnh hay xây dựng

chính sách mới của quản lý nhà nước để nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội cho các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp trọng yếu. Đề xuất một số hàm ý quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp trọng yếu của thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-152-2022

85965.04-2023. **FTAs thế hệ mới và yêu cầu hoàn thiện cơ sở pháp lý bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Việt Nam/** ThS. Nguyễn Phi Long, ThS. Phan Thế Quyết; TS. Đặng Công Hiến; ThS. Đỗ Quang; ThS. Phạm Kim Oanh; CN. Ngô Thị Lan Hương; ThS. Đặng Anh Đào; ThS. Đặng Hoàng Mai - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn quốc tế về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi thực hiện các FTAs. Xác định các yêu cầu của các FTAs thế hệ mới với bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của Việt Nam. Đánh giá thực trạng và cơ sở pháp lý bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hiện nay. Đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của Việt Nam trong bối cảnh thực thi các cam kết FTAs thế hệ mới

Số hồ sơ lưu: 21240

86173.04-2023. **Xác định vai trò của các đầu mối logistics nội địa trong việc giảm tổng chi phí logistics/** TS. Nguyễn Cảnh Lam,

PGS.TS. Thái Văn Vinh; TS. Nguyễn Minh Đức; TS. Quách Thị Hà - Hà Nội - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2022; 05/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về các đầu mối logistics nội địa và vai trò của chúng trong hệ thống logistics. Xác định các yếu tố đặc trưng của các cảng nội địa và mối quan hệ của chúng với cảng biển. Tính toán và so sánh tổng chi phí logistics trong trường hợp có và không có cảng nội địa nhằm đánh giá vai trò của các đầu mối logistics nội địa trong việc giảm chi phí logistics. Đánh giá mối quan hệ giữa kết nối cảng nội địa - cảng biển và tổng chi phí logistics. Tìm ra các vấn đề nút thắt của hệ thống cảng nội địa hiện tại và đề xuất giải pháp.

Số hồ sơ lưu: 21171

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác

85696.04-2023. **Xây dựng, áp dụng bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên, TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên ; TS. Nguyễn Thị Nhan; TS Phùng Thị Lý; TS. Phạm Văn Dự; TS. Nguyễn Viết Tuân ; ThS. Nguyễn Thị Nhài; ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình; ThS Lê Thị Mai; ThS. Tạ Thị Thúy Ngân; ThS. Nguyễn Thanh Bình - Hải Dương - Trường Đại học Sao Đỏ, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu Xây dựng, áp dụng bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Đồng thời Xây dựng, áp dụng bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương với quy mô 360 phiếu trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Áp dụng bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh ở Hải Dương. Qua quá trình nghiên cứu “Xây dựng, áp dụng bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương” nhóm tác giả đề tài đã đạt được mục tiêu nghiên cứu của đề tài xây dựng 11 bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh ở Hải Dương. Áp dụng thí điểm 11 bộ chỉ số KPI tại các đơn vị: Trường Đại học Sao Đỏ. Xây dựng phát triển hệ thống thu thập và thống kê thông tin trong nhà trường Việc hoàn thiện và xây dựng bộ cơ sở dữ liệu thu thập và thống kê thông tin giúp các trường thống kê được đầy đủ các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá các chỉ tiêu KPI tại đơn vị, giúp cho người quản trị hệ thống KPI có thể giải thích và giúp đỡ các bộ phận, cá nhân một cách nhanh chóng và kịp thời.

Số hồ sơ lưu: 10

78984.04-2023. **Nghiên cứu các nhân tố tác động đến quá trình khởi nghiệp của lao động trẻ tỉnh Hải Dương/** TS. Nguyễn Kim Diện,

TS. Nguyễn Thị Liên Hương Trần Thị Thu Thủy; Nguyễn Thành Độ; Nguyễn Thị Hương; Hà Ngọc Thắng; Nguyễn Thị Mơ; Nguyễn Anh Quốc; Hoàng Thu Hằng; Phạm Văn Mạnh - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Hải Dương - Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Hải Dương, 2020; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về khởi nghiệp. Đánh giá hiện trạng khởi nghiệp của lao động trẻ tỉnh Hải Dương. Xây dựng mô hình doanh nghiệp khởi nghiệp phù hợp với lao động trẻ tỉnh Hải Dương (mô hình lý thuyết). Thực nghiệm ứng dụng mô hình khởi nghiệp đối với lao động trẻ tại 02 doanh nghiệp trẻ. Hoàn thiện mô hình khởi nghiệp đối với lao động trẻ tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 13HD.2020

85402.04-2023. **Hỗ trợ hoạt động và liên kết của tổ chức thúc đẩy kinh doanh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/** Lý Đình Quân, Vũ Thảo Anh; Ngô Thị Mai Phương; Trần Thị Phương Thảo; Trần Thị Khánh Hiền; Nguyễn Thị Hồng Vân - Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Trung tâm ươm tạo khởi nghiệp Sông Hàn, 2020; 03/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá và lựa chọn các tổ chức phù hợp để kết nối thành mạng lưới hệ sinh thái khởi nghiệp nhằm hỗ trợ có hệ thống cho các dự án khởi nghiệp từ chương trình đào tạo tăng tốc khởi nghiệp đến gọi vốn đầu tư, kết nối thị trường. Trong đó, định hướng lựa chọn nhóm các thành

phần có liên quan đến hệ sinh thái như sau: các chương trình tăng tốc khởi nghiệp du lịch trong nước và quốc tế, tập đoàn, doanh nghiệp du lịch, các bộ, sở, ngành du lịch, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các quỹ đầu tư để hỗ trợ đầu ra thị trường và gọi vốn đầu tư.

Số hồ sơ lưu: 21053

85476.04-2023. **Nghiên cứu hoạt động cho vay ngang hàng: kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam/** TS. Bùi Tín Nghị, PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh; ThS. Bùi Thuý Hằng; ThS. Trịnh Công Văn; ThS. Trịnh Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Thị Vân; TS. Nguyễn Thị Thái Hưng; ThS. Đào Mỹ Hằng; ThS. Trần Hải Yến; ThS. Đào Bích Ngọc - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 01/2021 - 01/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng và hệ thống hóa cơ sở lý luận về hoạt động cho vay ngang hàng (khái niệm, các mô hình cho vay ngang hàng, khung pháp lý quản lý hoạt động cho vay ngang hàng, tác động tích cực và tiêu cực, các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động cho vay ngang hàng...). Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế đối với hoạt động cho vay ngang hàng; tập trung nghiên cứu đánh giá các tồn tại, hạn chế của các thị trường thất bại nhằm rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Phân tích thực trạng hoạt động cho vay ngang hàng tại Việt Nam và xu hướng phát triển; Tập trung đánh giá mặt rủi ro của P2P lending. Đề xuất khuyến nghị chính sách và đề xuất xây dựng khuôn khổ pháp lý

đối với quản lý hoạt động cho vay ngang hàng tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21058

85496.04-2023. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 13/2019/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ/** TS. Đào Quang Thủy, CN. Nguyễn Thị Thơ ; ThS. Dương Thị Thu Nga ; ThS. Phùng Thị Hồng Vân ; ThS. Phạm Thị Việt Hạnh ; ThS. Lương Tuấn Minh ; ThS. Trần Thị Vân Anh ; ThS. Lê Thị Thu Trang ; ThS. Phùng Văn Quân ; CN. Nguyễn Thị Trang - Hà Nội - Văn phòng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp luận cứ khoa học để hướng dẫn chi tiết chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, cụ thể: khoản 2d Điều 3 về “Các kết quả khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận theo quy định của pháp 5 luật”; khoản 2c Điều 3 về “Giải thưởng khoa học và công nghệ”; khoản 2đ về “Công nghệ nhận chuyên giao được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật”. Cung cấp luận cứ khoa học để hướng dẫn chi tiết tiêu chí dịch vụ mới để hưởng chính sách về thuế thu nhập đối với doanh nghiệp CNTT hoạt động sản xuất kinh doanh phần mềm, cụ thể: khoản 2 Điều 12 về “Doanh thu, thu nhập được tạo ra từ dịch vụ có ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin phải là

doanh thu, thu nhập từ dịch vụ mới”. Cung cấp luận cứ khoa học để hướng dẫn chi tiết hiệu lực của giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN khi doanh nghiệp có chi nhánh hoạt động độc lập, cụ thể hóa khoản 1 Điều 4 về “Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ là căn cứ thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ và có hiệu lực trên toàn quốc”.

Số hồ sơ lưu: 21066

85926.04-2023. **Phát triển lực lượng lao động kỹ năng số đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số quốc gia/** TS. Đoàn Thị Yến, ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết; TS. Đỗ Thị Tươi; TS. Nguyễn Thị Hồng; TS. Phạm Ngọc Toàn; ThS. Đặng Đỗ Quyên; ThS. Nguyễn Thế Hà; ThS. Trương Thị Tâm; TS. Ngô Anh Cường; ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung - Hà Nội - Trường đại học Lao động - xã hội, 2022; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về kỹ năng số và phát triển lực lượng lao động kỹ năng số; xây dựng khung kỹ năng số trong bối cảnh số hóa và chuyển đổi số nền kinh tế; Đánh giá thực trạng lực lượng lao động kỹ năng số; mức độ đáp ứng nhu cầu lao động kỹ năng số của hệ thống giáo dục - đào tạo; Dự báo xu hướng nhu cầu lực lượng lao động kỹ năng số trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn 2030; Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển lực lượng lao động kỹ năng số đáp ứng

yêu cầu quốc gia chuyển đổi số ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21237

85994.04-2023. **Tác động của biến động giá dầu đến thị trường chứng khoán của các quốc gia Châu Á/** TS. Lê Hoàng Anh, - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xem xét tác động của biến động giá dầu và cấu trúc thị trường dầu đến thị trường chứng khoán của các quốc gia châu Á. Từ đó rút ra các hàm ý chính sách trong điều hành và quản lý cung cầu dầu trên thị trường. (Nghiên cứu này chỉ xem xét sự biến động giá dầu thô.) Phân tích cấu trúc thị trường xuất nhập khẩu dầu của các quốc gia châu Á. Đánh giá tác động của biến động giá dầu, cấu trúc thị trường xuất nhập khẩu dầu đến thị trường chứng khoán của các quốc gia châu Á. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đề xuất các hàm ý chính sách trong điều hành và quản lý cung cầu dầu trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: HCM-143-2022

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

85768.04-2023. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành của công chức Bộ Tài nguyên và Môi trường/** ThS. Bùi Thị Hằng, TS. Lại Đức Vượng; TS. Nguyễn Đức Toàn; PGS.TS. Nguyễn

Văn Hậu; TS. Nguyễn Thị Hải Yến; TS. Nguyễn Thị Hải; ThS. Trần Đức Huân; CN. Nguyễn Thị Hồng Minh; ThS. Lưu Thị Anh Đào; ThS. Dương Thu Hà - Hà Nội - Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường, 2022; 11/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định, làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo vị trí việc làm. Từ đó, có được dự thảo chương trình, tài liệu bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành một số lĩnh vực của công chức Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đưa ra cơ sở lý luận về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành của công chức Bộ Tài nguyên và Môi trường; phân tích, đánh giá thực trạng xác định vị trí việc làm và công tác bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho công chức Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Số hồ sơ lưu: 21160

86078.04-2023. **Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Thái Bình đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo/** TS. Bùi Trọng Trâm, TS. Bùi Ngọc Lâm; NGƯT, ThS. Bùi Ngọc Sơn; ThS. Đặng Xuân Phong; ThS. Trần Thị Nụ; ThS. Phạm Đăng Quân; ThS. Vũ Thị Bích Liên; ThS. Phan Thị Hồng Lan; ThS. Bùi Mạnh Trí; ThS. Phạm Thị Phương; ThS. Trịnh Hữu Quảng; ThS. Nguyễn Thị Hải; ThS. Phạm

Thành Khánh; CN. Phạm Văn Quảng - Thái Bình - Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập. Đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2021. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Thái Bình đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo.

Số hồ sơ lưu: TBH-2022-030

86178.04-2023. **Giải pháp nâng cao chất lượng dạy - học môn ngữ văn ở trường Trung học phổ thông tỉnh Bạc Liêu trong bối cảnh đổi mới giáo dục - đào tạo hiện nay./** TS. Nguyễn Phước Hoàng, ThS. Nguyễn Châu Hận; CN. Nguyễn Thành Khoán; Lương Thị Trúc Ly; Nguyễn Thị Loan Phụng. - Bạc Liêu - Trường đại học Bạc Liêu, 2021; (Đề tài cấp Cơ sở)

Giải pháp nâng cao chất lượng dạy - học môn ngữ văn ở trường Trung học phổ thông tỉnh Bạc Liêu trong bối cảnh đổi mới giáo dục - đào tạo hiện nay. Trên cơ sở đánh giá thực trạng của hoạt động dạy - học môn ngữ văn. Khảo sát thực trạng hoạt động dạy - học môn ngữ văn một số trường THPT trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Số hồ sơ lưu: BLU-05-2022

50302. Giáo dục chuyên biệt

85945.04-2023. **Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo vận động viên cấp cao bóng chuyên tại Việt Nam phù hợp với giai đoạn hiện nay/** TS. Lê Trí Trường, PGS.TS. Ngô Trang Hưng; PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc ; PGS.TS. Đinh Quang Ngọc; TS. Phạm Thế Vượng; ThS. Vũ Hồng Minh; PGS.TS. Đặng Văn Dũng; TS. Tô Xuân Thục; TS. Ngô Sách Thọ; ThS. Nguyễn Ngọc Sự - Bắc Ninh - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng chương trình đào tạo vận động viên cấp cao môn bóng chuyên tại Việt Nam. Xây dựng chương trình đào tạo vận động viên cấp cao môn bóng chuyên tại Việt Nam phù hợp với giai đoạn hiện nay. Thực nghiệm chương trình đào tạo tại đội tuyển nam bóng chuyên Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21236

85950.04-2023. **Thiết kế bộ công cụ đánh giá chẩn đoán và ứng dụng đánh giá sự phát triển âm lời nói của trẻ em (2.0 đến 7.0 tuổi) ở Thành phố Hồ Chí Minh/** PGS.TS. Nguyễn Thị Ly Kha, - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trẻ em từ 2;0 đến 7;0 tuổi nói tiếng Việt tại Tp.HCM có khó khăn về phát âm chiếm một tỉ lệ rất đáng lưu tâm. Vì vậy, việc đầu tiên của giáo dục ngôn ngữ cho trẻ em là việc

có được bộ công cụ đánh giá trẻ bình thường, xây dựng được lược đồ phát âm của trẻ bình thường. Không phải mọi người làm công tác giáo dục ở bậc mầm non và các lớp đầu tiểu học ở mảng giáo dục đại trà lẫn giáo dục chuyên biệt đều có nhận thức đúng đắn và sâu sắc về hoạt động đánh giá chẩn đoán trong can thiệp trị liệu. Hiện nay, ở Tp. HCM nói riêng và Việt Nam nói chung chưa có một bộ công cụ chuẩn để đánh giá lời nói của trẻ em từ 2;0 đến 7;0 tuổi nói tiếng Việt. Các phương tiện được sử dụng để lượng giá phát âm hầu hết là tài liệu biên dịch. Xây dựng một bộ công cụ để lượng giá phát âm cho trẻ mẫu giáo là công việc cần thiết và khả thi.

Số hồ sơ lưu: HCM-156-2022

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác

78746.04-2023. **“Đánh giá hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Hải Dương giai đoạn 2010-2019 và giải pháp giai đoạn 2020-2025”/** Bùi Quang Toàn, TS Phạm Xuân Thiên; TS Phạm Đức Minh; ThS Lương Thị Quyên; ThS Lê Minh Thảo; ThS Phạm Thị Thanh; ThS Đặng Thị Mai; TS Lê Xuân Huy; Ths Trần Thị Lan Anh; ThS Vũ Thị Xoa - Trường Chính trị tỉnh Hải Dương - Trường Chính trị tỉnh Hải Dương, 2020; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về đào tạo bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã. Đánh giá thực trạng công tác đào tạo bồi dưỡng, sử dụng

cán bộ, công chức cấp xã tại tỉnh Hải Dương. Đề xuất giải pháp đào tạo bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã sau đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2020 – 2025.

Số hồ sơ lưu: 01HD-2020

85539.04-2023. **Nghiên cứu giải pháp triển khai khung trình độ quốc gia Việt Nam/** TS. Nguyễn Quang Việt, TS. Hoàng Ngọc Vinh; PGS.TS. Mạc Văn Tiến; TS. Nguyễn Văn Đường; TS. Lê Đông Phương; ThS. Phạm Xuân Thu; PGS.TS. Nguyễn Trọng Khanh; PGS.TS. Lê Phước Minh; PGS.TS. Trương Anh Hoàng; PGS.TS. Phạm Văn Bông; TS. Phạm Thị Kim Anh; TS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Đặng Thị Huyền; ThS. Bùi Thị Thanh Nhân - Hà Nội - Viện Phát triển Giáo dục và Văn hóa Việt Nam, 2022; 10/2017 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn triển khai KTĐQG Việt Nam; Đúc kết kinh nghiệm của các nước trong việc triển khai KTĐQG và bài học cho Việt Nam; Chỉ ra điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức và tác động của việc triển khai KTĐQG đối với chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của Việt Nam; Đề xuất hệ thống giải pháp triển khai KTĐQG Việt Nam phù hợp với xu hướng phổ quát về quản trị, thực hiện các KTĐ trên thế giới và Khung Tham chiếu trình độ ASEAN.

Số hồ sơ lưu: 21064

85718.04-2023. **Nghiên cứu xây dựng giải pháp quản lý liên kết đào tạo giữa Trường Cao đẳng**

Công nghiệp In và Doanh nghiệp/ ThS. Phạm Thị Minh Thư, ThS. Vũ Kết Đoàn; ThS. Trần Văn Sơn; ThS. Vũ Quốc Mạnh; ThS. Nguyễn Thị Phong Lan; KS. Nguyễn Việt Trung; ThS. Nguyễn Nguyễn; KS. Phan Xuân Ca - Hà Nội - Trường Cao đẳng Công nghiệp In, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý liên kết đào tạo giữa trường cao đẳng nghề và doanh nghiệp. Tìm hiểu thực trạng liên kết đào tạo và quản lý liên kết đào tạo giữa trường cao đẳng công nghiệp in và doanh nghiệp. Qua đó, đề xuất giải pháp quản lý liên kết đào tạo giữa trường cao đẳng công nghiệp in và doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 21152

85721.04-2023. **Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPIs) cho một số trường thuộc Bộ Công Thương và áp dụng thử nghiệm tại trường Đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ Công Thương Trung ương/** ThS. Nguyễn Thanh Vân Hằng, ThS. Nguyễn Thị Hiền Minh; ThS. Lê Hải An; ThS. Hoàng Việt Hà; ThS. Phan Phương Thảo; CN. Nguyễn Hồng Nam; ThS. Nguyễn Đình Đức; ThS. Lê Mạnh Cường; ThS. Mai Thị Phương; ThS. Phan Thu Huyền; CN. Bùi Hồng Diệp; CN. Trần Văn Tùng; TS. Nguyễn Thị Huệ - Hà Nội - Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá và làm rõ một số vấn đề lý luận về chỉ số KPIs trong

hoạt động quản lý. Đánh giá thực trạng thực hiện công việc tại một số trường thuộc Bộ Công Thương nói chung, Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Công Thương Trung ương nói riêng, xác định những vấn đề đặt ra. Qua đó, đề xuất bộ chỉ số KPIs cho một số trường thuộc Bộ Công Thương và áp dụng thử nghiệm tại Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Công Thương Trung ương.

Số hồ sơ lưu: 21150

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

85868.04-2023. **Giải pháp xây dựng mô hình can thiệp của Đoàn hỗ trợ cho trẻ em bị xâm hại/** TS. Bùi Phương Thanh, ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Duy Hiệp; ThS. Trần Thị Thu Ngân; TS. Phan Thanh Nguyệt; ThS. Vũ Thị Bích Thảo; CN. Vũ Long Khánh; TS. Lữ Thị Mai Oanh; CN. Nguyễn Sỹ Bằng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về phòng chống xâm hại trẻ em của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Đánh giá thực trạng công tác can thiệp, hỗ trợ, phòng chống xâm hại trẻ em của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Đề xuất giải pháp về mô hình phòng ngừa, hỗ trợ của Đoàn Thanh niên trong việc hỗ trợ trẻ em bị xâm hại.

Số hồ sơ lưu: 21217

85908.04-2023. Nghiên cứu tiềm năng và cơ hội khởi nghiệp

của thanh niên tỉnh Bình Phước/ TS. Đỗ Thị Hoa Liên, ThS. Hoàng Võ Hằng Phương; Lê Văn Hải; Trần Đông Chí; Hà Thị Bích; Nguyễn Thị Hiền Trang; Nguyễn Trọng Trí; Trần Văn Định; Lê Văn Thanh - Bình Phước - Sở Lao động - Thương binh và xã hội, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Luận giải cơ sở lý luận của khởi nghiệp; tiềm năng khởi nghiệp; cơ hội khởi nghiệp; hệ sinh thái khởi nghiệp. Xây dựng khung lý thuyết và đề xuất phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu kinh nghiệm thúc đẩy khởi nghiệp ở một số quốc gia và một số tỉnh, thành phố trong nước, từ đó đề xuất bài học kinh nghiệm cho tỉnh Bình Phước; Phân tích thực trạng kinh tế - xã hội ở Bình Phước. Phân tích, đánh giá thực trạng khởi nghiệp trong thanh niên tỉnh; Phân tích một số mô hình khởi nghiệp thành công và chưa thành công trong thanh niên tỉnh; Xây dựng và kiểm định mô hình về các nhân tố ảnh hưởng đến tiềm năng; quá trình khởi nghiệp của thanh niên tỉnh; Phân tích và đánh giá các cơ hội khởi nghiệp đối với thanh niên tỉnh thông qua các chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp và các chỉ số đánh giá về môi trường kinh tế vĩ mô, môi trường văn hóa, xã hội và các yếu tố khác; Xây dựng sổ tay khởi nghiệp và hướng dẫn lập kế hoạch kinh doanh cho thanh niên tỉnh; Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy tinh thần doanh nhân của thanh niên và xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Bình Phước; Dự thảo chính sách khuyến

khích và hỗ trợ khởi nghiệp đối với thanh niên tỉnh Bình Phước.

Số hồ sơ lưu: BPC-005-2022

86167.04-2023. **Nghiên cứu quan hệ trong gia đình công nhân khu công nghiệp ở vùng đồng bằng Bắc Bộ/** PGS. TS. Đặng Thị Hoa, TS. Bùi Thị Hương Trâm; TS. Phan Thị Hoàn; TS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Đức Tuyên; ThS. Vũ Thị Cúc; ThS. Trần Thị Mai Loan; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Mai - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021; 10/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu thực trạng các mối quan hệ trong gia đình công nhân ở khu công nghiệp; Làm rõ những yếu tố tác động đến các mối quan hệ trong gia đình công nhân ở khu công nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ; Xác định một số vấn đề đang đặt ra về các mối quan hệ trong gia đình công nhân qua nghiên cứu trường hợp tại khu công nghiệp ở vùng đồng bằng Bắc Bộ; Đề xuất khuyến nghị chính sách nhằm góp phần xây dựng phát triển bền vững gia đình công nhân ở khu công nghiệp theo hướng tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc.

Số hồ sơ lưu: 21211

50499. Xã hội học khác

85935.04-2023. **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo đảm an toàn cho phụ nữ và trẻ em trong gia đình trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2020 - 2025/** Nguyễn Thị Phượng, Nguyễn Thị Minh Hiền; Phạm Thị Kim Dung; Ngô Thị Hồng Huệ; Vũ Thị Tố

Uyên; Phạm Thị Xuân Huệ; Bùi Thị Hà; Bùi Thị Hương; Khúc Thị Xuân; Nguyễn Thanh Loan - Thái Bình - Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thái Bình, 2021; 02/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thực trạng việc bảo đảm an toàn cho phụ nữ và trẻ em trong gia đình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020, đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, toàn xã hội và gia đình về an toàn cho phụ nữ và trẻ em. Huy động sự tham gia của các cấp Hội phụ nữ, cán bộ, hội viên, phụ nữ và cộng đồng trong việc thúc đẩy bình đẳng giới, ngăn ngừa bạo lực, xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em. Trao quyền cho cán bộ, hội viên, phụ nữ để trở thành những tình nguyện viên trong cộng đồng, tham gia và tổ chức các hoạt động bảo đảm an toàn cho phụ nữ và trẻ em tại địa phương; đồng thời phá vỡ sự im lặng và sẵn sàng lên tiếng về tình trạng bạo lực trên cơ sở giới có liên quan tới phụ nữ và trẻ em.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-003

85936.04-2023. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Tư pháp tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025/** ThS. Phạm Cao Quân, Trần Hữu Hiệp; ThS. Đỗ Thị Lý; ThS. Đoàn Mạnh Huân; Phạm Thị Thu; ThS. Tô Xuân Hoàng; Vũ Thị Vân; Vũ Thị Thu Quỳnh; Đàm Thị Thu; Nguyễn Ngọc Hiền; ThS. Lê Thị Thủy; Phạm Văn Tuyên - Thái

Bình - Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Tư pháp tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025

Mục tiêu cụ thể: Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực ngành Tư pháp tỉnh Thái Bình năm 2021. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Tư pháp giai đoạn 2021-2025.

Số hồ sơ lưu: TBH-2021-004

85959.04-2023. **Hiện trạng và nhu cầu sử dụng không gian xanh công cộng phục vụ vui chơi giải trí của người dân tại chung cư tái định cư ở TP. Hồ Chí Minh/** ThS. Võ Thanh Tuyền, - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 01/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu sử dụng KGXCC trong hoạt động vui chơi giải trí cho người dân đô thị tại các khu chung cư tái định cư; nghiên cứu thực trạng các KGXCC tại chung cư nghiên cứu điển hình; nghiên cứu các chính sách cũng như kế hoạch của địa phương liên quan đến việc tổ chức KGXCC. Từ đó đề xuất giải pháp tạo ra các sân chơi tại KGXCC phù hợp đảm bảo cân bằng về môi trường và xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí cho người dân đô thị, góp phần đưa hình thức vui chơi giải trí gắn liền với KGXCC vào thói quen của

người dân, giúp sự tương tác giữa người dân thành phố được phát triển một cách tích cực.

Số hồ sơ lưu: HCM-123-2022

86079.04-2023. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp đẩy mạnh tích tụ và tập trung ruộng đất cho phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao tại Thái Bình/** TS. Nguyễn Đức Luận, ThS. Phạm Phương Thảo; ThS. Lê Thị Nhung; ThS. Vũ Thị Hồng Hoa; ThS. Phạm Thị Anh; ThS. Đinh Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thuận; ThS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Ngô Thị Kim Hoàn; ThS. Trần Đức Tuấn; ThS. Trương Thị Tuyết Lan; ThS. Nguyễn Thị Nhung Trang; ThS. Lại Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Xuân Đĩnh; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thủy; ThS. Trần Quang Công; CN. Phạm Thị Huệ - Thái Bình - Trường Chính trị tỉnh Thái Bình, 2022; 02/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng việc tích tụ và tập trung ruộng đất cho phát triển nông nghiệp hàng hóa ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020; Đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh tích tụ và tập trung ruộng đất cho phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao ở Thái Bình đến năm 2025 và các năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: TBH-2022-031

50501. Luật học

85881.04-2023. **“Nghiên cứu các quy định mới và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường nhà**

nước của Bộ Thông tin và Truyền thông”/ ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo, Hồ Hồng Hải; Nguyễn Minh Hằng; Phan Quốc Vinh; Hoàng Thu Hương; Phạm Thị Thu Huyền; Phạm Quang Hòa - Hà Nội - Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu pháp luật về trách nhiệm bồi thường Nhà nước, đặc biệt là các quy định mới của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành. nghiên cứu và đánh giá công tác thi hành Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước hiện nay tại các cơ quan nhà nước nói chung và tại Bộ Thông tin và Truyền thông nói riêng, nghiên cứu một số sai phạm có thể phát sinh yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính của Bộ Thông tin và Truyền thông. Nghiên cứu và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước tại Bộ Thông tin và Truyền thông

Số hồ sơ lưu: 21164

50601. Khoa học chính trị

85836.04-2023. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp đảm bảo thực thi cam kết về lao động, công đoàn trong CPTPP và EVFTA/ TS. Trần Thị Bảo Khanh, PGS. TS. Hoàng Thanh Xuân; TS. Phùng Thế Hùng; TS. Nguyễn Huy Khoa; TS. Nguyễn Thị Thanh Thảo; TS. Trịnh Thị Thanh Thủy; TS. Phan Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Kim Thanh; ThS. Đặng Thị Hồng Điệp; ThS.**

Hoàng Thị Thu Thủy - Hà Nội - Trường Đại học Công đoàn, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cam kết về lao động, công đoàn trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA). Thực trạng thực thi các cam kết về lao động, công đoàn trong CPTPP và EVFTA của Việt Nam. Định hướng và giải pháp đảm bảo thực thi cam kết về lao động và công đoàn trong CPTPP và EVFTA.

Số hồ sơ lưu: 21194

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

85559.04-2023. **Nghiên cứu, đề xuất các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước đối với một số cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương giai đoạn 2021-2025/ ThS. Nguyễn Hoàng Giang, ThS. Đinh Quốc Công; TS. Nguyễn Thị Bạch Tuyết; CN. Bạch Trần Quân; ThS. Phạm Văn Nam; ThS. Ngô Ngân Hà; ThS. Lê Như Quỳnh; KS. Trần Quốc Dũng; CN. Lê Thị Lan Phương; CN. Bùi Khánh Vân; CN. Trần Trung Kiên; ThS. Phạm Thị Dự - Hà Nội - Vụ Kế hoạch, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Cung cấp cơ sở lý luận về phân bổ vốn đầu tư công (vai trò, đặc điểm, tiêu chí, nguyên tắc, nhân tố ảnh hưởng...). Đánh giá thực trạng tình hình phân bổ vốn đầu tư công đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự

nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương trong giai đoạn 2016-2020. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc phân bổ vốn đầu tư công đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương. Đề xuất quan điểm, định hướng, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương trong giai đoạn đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: 21081

85722.04-2023. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về dịch vụ công của Bộ Công Thương/** ThS. Nguyễn Thị Minh Hòa, ThS. Nguyễn Hồng Linh; ThS. Nguyễn Thị Hình; ThS. Trần Thị Phương Thảo; ThS. Trương Huyền Trang; ThS. Vũ Thị Hồng; ThS. Đào Thị Minh Phượng; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; TS. Bùi Thị Thùy Nhi; ThS. Vũ Thanh Tuấn; ThS. Đinh Tiến Dũng; CN. Trần Trịnh Minh Phúc - Hà Nội - Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề lý luận về quản lý nhà nước đối với dịch vụ công và quản lý nhà nước đối với dịch vụ công của Bộ Công Thương. Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về dịch vụ công của Bộ Công Thương. Qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về dịch vụ công của Bộ Công Thương.

Số hồ sơ lưu: 21148

85834.04-2023. **Hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện có sự hỗ trợ phù hợp từ ngân sách nhà nước cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện/** TS. Phạm Trường Giang, ThS. Trần Thanh Nam; ThS. Trần Hải Nam; ThS. Đặng Đỗ Quyên; TS. Mai Thị Hương; TS. Mai Thị Dung; TS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Nguyễn Thị Hà; ThS. Bùi Thị Nhài; ThS. Nguyễn Huy Tùng - Hà Nội - Vụ Bảo hiểm xã hội, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hiện hành; làm rõ sự phù hợp của mức hỗ trợ, cách thức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hiện nay. Khảo sát nhu cầu cần hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và khả năng ngân sách nhà nước. Đề xuất các kiến nghị hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện có sự hỗ trợ phù hợp từ ngân sách nhà nước đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện để mở rộng diện bao phủ của bảo hiểm xã hội, là cơ sở để sửa đổi Nghị định 134/2015/NĐ-CP của Chính phủ và sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội.

Số hồ sơ lưu: 21192

85835.04-2023. **Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý đào tạo theo chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm của Đài Tiếng nói Việt Nam/** ThS. Lê Ngọc Tuấn, Bùi Thế Anh; Trịnh Quang Dương; Nguyễn

Thị Thanh Nga; Lê Việt Giang; Lê Thị Thu Hà; Phạm Thu Hiền; Tạ Văn Ái; Đặng Việt Thắng; Nguyễn Đức Bắc - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ truyền thông (VOVTC), 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận, trình bày quan điểm về nguồn nhân lực, tổng quan về tình hình báo chí Việt Nam và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực truyền thông ở Việt Nam. Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng đào tạo, bồi dưỡng, công chức, viên chức ở Đài TNVN trong giai đoạn vừa qua. Đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức viên chức tại Đài TNVN.

Số hồ sơ lưu: 21195

85862.04-2023. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất cơ chế quản lý hoạt động và cơ chế quản lý tài chính Chương trình quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng giai đoạn 2021-2030/** CN. Nguyễn Kim Thanh, CN. Trần Đức Thắng; ThS. Phạm Công Túc; ThS. Trần Nguyên Quyết; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Lan; CN. Nguyễn Hữu Cường; CN. Phạm Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Tiến Trung; CN. Lê Khánh Linh; ThS. Đặng Mai Phương; CN. Phùng Quang Minh; CN. Phạm Thị Lan Anh; CN. Nguyễn Thị Đào - Hà Nội - Vụ Kế hoạch Tài chính, 2021; 10/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất cơ chế quản lý hoạt động và cơ chế quản lý tài chính Chương trình quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2021-2030 phù hợp với đặc thù của các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đến năm 2030 của Chương trình.

Số hồ sơ lưu: 21214

85883.04-2023. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao xếp hạng chỉ số cải cách hành chính của Bộ Công Thương giai đoạn 2021 - 2030/** ThS. Đỗ Ngọc Hưng, ThS. Nguyễn Ánh Tuyết; ThS. Phạm Tất Phong; ThS. Nguyễn Thế Long; ThS. Phạm Khắc Huy; CN. Nguyễn Thanh Hằng; CN. Phạm Thị Mai Lan; CN. Trần Đức Thắng; ThS. Khiếu Trọng Nghĩa; ThS. Lương Quang Hiếu - Hà Nội - Văn phòng Bộ Công thương, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nắm vững cơ sở lý luận về cải cách hành chính và bộ chỉ số cải cách hành chính; Đánh giá thực trạng và kết quả hoạt động CCHC của Bộ Công Thương từ giai đoạn 2016 - 2020 thông qua bộ chỉ số PAR Index; Đề xuất giải pháp nâng cao xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Công Thương giai đoạn 2021-2030. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2016 - 2020 là:

cải cách thể chế; cải cách TTHC (TTHC); nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức (CCVC); chú trọng cải cách chính sách tiền lương và tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Số hồ sơ lưu: 21224

85907.04-2023. **Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước/** ThS. Trần Tuyết Minh, CN. Nguyễn Hồng Trà; CN. Trần Văn Mi; TS. Nguyễn Thị Minh Nhâm; ThS. Đỗ Văn Mạnh; ThS. Lê Thị Thanh Loan; ThS. Vũ Thanh Ngữ; ThS. Đỗ Tấn Thành; ThS. Cao Thị Nguyệt Nga - Bình Phước - Ban Văn hóa - xã hội, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài đã hệ thống một số mục tiêu, phương hướng và giải pháp nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian tới. Đề xuất các giải pháp đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện triển khai, thực hiện trên địa bàn tỉnh. Đề tài góp phần tổng kết thực tiễn để rút ra những vấn đề lý luận về hoạt động giám sát; đồng thời cung cấp luận cứ khoa học nhằm áp dụng vào hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh. Như vậy, những kết quả đạt được của đề tài có ý nghĩa thiết thực đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh nói chung và đối với hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh nói riêng. Từ đó, củng cố niềm tin, thu hút sự quan tâm, theo dõi và tích cực tham gia của nhân dân vào hoạt động giám sát của Hội

đồng nhân dân tỉnh, góp phần làm cho hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày càng có chất lượng hơn, đảm bảo việc thực hiện Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày càng tốt hơn.

Số hồ sơ lưu: BPC-004-2022

85912.04-2023. **Cẩm nang xử lý tình huống dành cho cán bộ cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước/** ThS. Nguyễn Thanh Thuyên, ThS. Trần Tuyết Minh; ThS. Lê Nguyễn Thị Ngọc Lan; ThS. Nguyễn Thị Khuyên; ThS. Lương Thị Hồng Vân; ThS. Bùi Viết Trung; ThS. Đàm Thị Kim Hương; TS. Vũ Trung Kiên; CN. Lã Thị Thu Hương; ThS. Lê Ngọc Tân - Bình Phước - Trường Chính Trị, 2022; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác Lênin. Sử dụng phương pháp nghiên cứu, phân tích tổng quan tài liệu, nghiên cứu tài liệu sơ cấp, tài liệu thứ cấp để tổng hợp, nhận diện, hệ thống hóa tình huống; xây dựng khung căn cứ pháp lý để đề xuất phương án giải quyết tình huống đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý với từng tình huống mẫu cụ thể. Bên cạnh đó, đề tài còn sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin, khảo sát thực tế, điều tra xã hội học, phỏng vấn sâu cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở, hội thảo khoa học, tổ chức thảo luận nhóm... để lấy ý kiến góp ý của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở, ý kiến góp ý của các chuyên gia

để xây dựng và xử lý tình huống đảm bảo tính khách quan, toàn diện, phù hợp với thực tiễn ở cơ sở.

Số hồ sơ lưu: BPC-007-2022

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

85958.04-2023. **Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá đô thị tăng trưởng xanh trong quản lý - phát triển tại thành phố Hồ Chí Minh/** ThS.KTS. Nguyễn Ngọc Phước Đại, KTS. Khương Văn Mươi; ThS. Phạm Trần Hải; ThS. Vương Đình Huy; ThS. Nguyễn Như Ý; ThS. Nguyễn Xuân Trường; ThS. Lê Hồng Nhật; ThS. Ngô Anh Vũ; TS. Dư Phước Tân; CN. Võ Văn Tấn - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá đô thị tăng trưởng xanh tại TP.HCM; Đề xuất các giải pháp áp dụng bộ tiêu chí đánh giá theo hướng kiểm soát vào công tác quản lý phát triển đô thị tăng trưởng xanh tại Tp. HCM; Do công tác thu thập, tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu về các chỉ tiêu đánh giá đô thị tăng trưởng xanh trên địa bàn TP.HCM còn rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến các chiến lược – kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh của thành phố; Ủy ban nhân dân thành phố cần cho thành lập cơ quan chuyên trách (Ban) về Tăng trưởng xanh. Theo đó, sẽ giúp UBND thành phố theo dõi, đánh giá về mức độ phát triển tăng trưởng xanh tại TP.HCM; đồng thời tham mưu thành phố các giải pháp điều chỉnh kịp thời để đảm bảo được hướng phát triển

đô thị tăng trưởng xanh và tiến đến phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: HCM-151-2022

6. Khoa học nhân văn

60103. Khảo cổ học và tiền sử

85903.04-2023. **Lịch sử nhà tù Bà Rá và đấu tranh chống chế độ lao tù (1940-1945)/** PGS. TS. Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Hương Lan; Trương Hồng Minh; Hà Thị Kim Ngân - Bình Phước - Thị ủy Phước Long, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm sáng tỏ những cơ sở thiết lập Trại lao động đặc biệt Bà Rá của thực dân Pháp trong bối cảnh lịch sử những năm đầu chiến tranh thế giới lần II; Làm rõ quá trình hình thành và phát triển Trại lao động đặc biệt Bà Rá; chế độ lao tù của thực dân Pháp, bộ máy cai trị và hệ thống quản tù ở Bà Rá, 1940 - 1945; Cuộc đấu tranh của tù nhân Trại lao động đặc biệt Bà Rá những năm 1940 - 1945; sự phối hợp đấu tranh của tù nhân ở Bà Rá với phong trào cách mạng địa phương, đấu tranh phá bỏ trại tù Bà Rá trong khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945;

Số hồ sơ lưu: BPC-003-2022

60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung

86176.04-2023. **Bảo tồn và phát huy giá trị thẩm mỹ của tranh kính nhà thờ vùng châu thổ Bắc Bộ Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thùy Dương, ThS. Nông Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Phi Yên; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Lê Ngọc Bảo -

Hà Nội - Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tập hợp một cách hệ thống các tranh kính nhà thờ cùng Châu thổ bắc bộ, xây dựng khái niệm cho đề tài nghiên cứu. Làm rõ những giá trị thâm mỹ của tranh kính như: nghệ thuật tạo hình, nội dung phản ánh, kỹ thuật thể hiện và giá trị ứng dụng trong kiến trúc nhà thờ. Đánh giá đúng thực trạng của tranh kính nhà thờ vùng Châu thổ Bắc Bộ. Đánh giá sâu sắc giá trị về văn hóa, lịch sử và mối tương quan của trình kính nhà thờ với văn hóa bản địa. Đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật của tranh kính nhà thờ vùng Châu thổ Bắc Bộ.

Số hồ sơ lưu: 21163

60405. Nghệ thuật dân gian

85708.04-2023. **Phát huy giá trị nghệ thuật Rối cạn truyền thống trong phát triển du lịch/** ThS. Nguyễn Hoàng Minh Vân, ThS. Phan Mai Thu Thảo; Nguyễn Ngọc Trìu; Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Ngô Thanh Thủy; ThS. Lê Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Hoàng Mai; CN.

Nguyễn Thị Thúy Hằng; Hoàng Văn Thành - Hà Nội - Nhà hát múa Rối Việt Nam, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về Nghệ thuật rối cạn truyền thống - Tổng quan về rối cạn truyền thống. Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động phát triển loại hình nghệ thuật rối cạn truyền thống (giá trị nghệ thuật, tổ chức hoạt động biểu diễn, bảo tồn giá trị nghệ thuật rối cạn truyền thống, khai thác giá trị nghệ thuật phục vụ cho du lịch, các yếu tố liên quan đến việc khai thác và phát huy giá trị nghệ thuật rối cạn truyền thống phục vụ cho du lịch như: vai trò của nghệ nhân, việc liên kết các doanh nghiệp lữ hành, hoạt động của các nhà hát, phường rối...). Qua đó, xác định những vấn đề đặt ra đối với việc khai thác giá trị nghệ thuật rối cạn truyền thống phục vụ cho phát triển du lịch và tiến hành đề xuất định hướng và giải pháp phát triển nghệ thuật rối cạn truyền thống trong phát triển du lịch.

Số hồ sơ lưu: 21143

Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục

Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934-9116; Fax: 024-3934-9127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 024-3934-9119*